

LIÊN ĐOÀN BÓNG ĐÁ
VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1116/QĐ-LĐBĐVN

Hà Nội, ngày 04 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế Bóng đá Việt Nam

BAN CHẤP HÀNH LIÊN ĐOÀN BÓNG ĐÁ VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 178-CT ngày 03 tháng 7 năm 1989 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về việc thành lập Liên đoàn Bóng đá Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 313/QĐ-BNV ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Liên đoàn Bóng đá Việt Nam (LĐBĐVN);

Căn cứ Quyết định số 65/QĐ-LĐBĐVN ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Chủ tịch LĐBĐVN về việc thành lập Ban soạn thảo Quy chế Bóng đá Việt Nam;

Căn cứ Thông báo số 1403/TB-LĐBĐVN ngày 02 tháng 7 năm 2025 của LĐBĐVN về việc Ban Chấp hành LĐBĐVN đã thông qua nội dung Dự thảo Quy chế Bóng đá Việt Nam tại Phiếu trình số 235/PTr-LĐBĐVN ngày 20 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Công văn số 2036/TDTTVN-TTTC ngày 06 tháng 11 năm 2025 của Cục Thể dục thể thao Việt Nam về việc phê duyệt dự thảo Quy chế Bóng đá Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết họp Thường trực Ban Chấp hành LĐBĐVN lần thứ 37 khóa IX và Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành LĐBĐVN lần thứ 10 khóa IX (Nhiệm kỳ 2022 – 2026).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế Bóng đá Việt Nam” gồm 11 Chương, 106 Điều và 05 Phụ lục.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 12 năm 2025; thay thế Quyết định số 04/QĐ-LĐBĐVN ngày 04/01/2023 của Ban Chấp hành Liên đoàn Bóng đá Việt Nam ban hành Quy chế Bóng đá chuyên nghiệp (sửa đổi, bổ sung năm 2023) và Quyết định số 91/QĐ-LĐBĐVN ngày 24/3/2021 của Ban Chấp hành Liên đoàn Bóng đá Việt Nam về việc ban hành Quy chế Bóng đá ngoài chuyên nghiệp (sửa đổi, bổ sung năm 2021).

Điều 3. Ban Tổng Thư ký, Chánh Văn phòng, Trưởng các bộ phận trực thuộc Liên đoàn Bóng đá Việt Nam, Đơn vị tổ chức giải, các câu lạc bộ, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (để b/c);
- Cục Thể dục thể thao Việt Nam (để b/c);
- Ban Chấp hành LĐBĐVN;
- Các Ban chức năng LĐBĐVN;
- Ban Soạn thảo Quy chế Bóng đá Việt Nam;
- Bộ phận Điều hành LĐBĐVN;
- Các đơn vị, Bộ phận liên quan;
- Các Tổ chức thành viên LĐBĐVN;
- Lưu: VT, PL&TCCT.

TM. BAN CHẤP HÀNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Anh Tú

GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

Trong phạm vi Quy chế Bóng đá Việt Nam này, các thuật ngữ, định nghĩa sau đây được hiểu và giải thích như sau:

1. **FIFA (Fédération Internationale de Football Association):** Là Liên đoàn Bóng đá Quốc tế.

2. **AFC (Asian Football Confederation):** Là Liên đoàn Bóng đá châu Á.

3. **AFF (ASEAN Football Federation):** Là Liên đoàn Bóng đá Đông Nam Á.

4. **LĐBĐVN:** Là Liên đoàn Bóng đá Việt Nam.

5. **Thành viên:** Là thành viên của LĐBĐVN theo quy định tại Điều lệ do LĐBĐVN ban hành.

6. **Đội tuyển quốc gia:** Là tập thể đại diện cho nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong hoạt động bóng đá quốc tế, bao gồm các cầu thủ mang quốc tịch Việt Nam, HLV, chuyên gia, cán bộ và quan chức liên quan được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, Liên đoàn Bóng đá Việt Nam triệu tập, bổ nhiệm và quản lý theo quy định của pháp luật Việt Nam, quy định của FIFA, AFC và các tổ chức bóng đá quốc tế có thẩm quyền.

7. **Hình ảnh cầu thủ đội tuyển:** Là hình ảnh của cầu thủ và các tư liệu khác của cầu thủ liên quan trực tiếp hay gián tiếp tới Đội tuyển, bao gồm nhưng không giới hạn các yếu tố sau đây:

a) Hình ảnh tĩnh và/hoặc hình ảnh động của cầu thủ trong trang phục của Đội tuyển;

b) Chữ ký và hình ảnh chữ ký của cầu thủ;

c) Lời nói, giọng nói và phát ngôn của cầu thủ;

d) Hình vẽ mô phỏng cầu thủ trong trang phục Đội tuyển.

8. **CLB:** Là Câu lạc bộ được quy định theo Quy chế này.

9. **CLB cho mượn:** Là CLB đã đăng ký cầu thủ ban đầu và thực hiện việc chuyển tạm thời có thời hạn cầu thủ đó đến một CLB khác dưới hình thức cho mượn cầu thủ theo quy định của Quy chế này và FIFA.

10. **Đội bóng:** Là tập thể các quan chức, HLV và cầu thủ bóng đá được thành lập để đăng ký tham dự giải đấu, trận đấu.

11. Giải đấu: Là giải bóng đá có nhiều hơn 02 (hai) CLB tham dự thi đấu và có nhiều hơn 01 (một) trận đấu được diễn ra thuộc quyền quản lý, tổ chức của LDBĐVN. Giải đấu bao gồm nhưng không giới hạn tất cả các trận đấu có trong lịch thi đấu, tất cả các hoạt động diễn ra trước, trong và sau trận đấu như Lễ khai mạc, bế mạc, trao giải, phát biểu, họp kỹ thuật, họp báo hoặc các sự kiện chính thức khác có liên quan.

12. Giải đấu thuộc quyền quản lý, tổ chức của LDBĐVN: Là các giải đấu bóng đá do LDBĐVN quản lý, tổ chức, điều hành; các giải đấu bóng đá được LDBĐVN cấp quyền, giao quyền cho các thành viên của LDBĐVN hoặc đơn vị tổ chức giải khác đăng cai tổ chức, điều hành.

13. Trận đấu: Là một trận thi đấu bóng đá trọn vẹn (bao gồm cả trận đấu lại và/hoặc trận bị hoãn, các hiệp phụ và thi đấu luân lưu) diễn ra trong khuôn khổ giải đấu theo lịch thi đấu.

14. Trận đấu Play-off: Là trận đấu được tổ chức theo thể thức loại trực tiếp, nhằm xác định đội bóng giành quyền đi tiếp hoặc giành suất thăng hạng, trụ hạng hoặc giành quyền tham dự một giải đấu nhất định theo quy định cụ thể ở Điều lệ của từng giải đấu.

15. Hoạt động bóng đá: Là các hoạt động bao gồm tuyển dụng nhân sự; chuyển nhượng, đăng ký, mượn cầu thủ; vé; quảng cáo và tài trợ; truyền hình; bán hàng và dịch vụ; vận hành CLB (quản lý, di chuyển, tuyển trạch, hoạt động trong ngày thi đấu,...); tài chính; sử dụng và quản lý sân thi đấu và các sân tập; bóng đá trẻ.

16. Lịch thi đấu: Là lịch chính thức do LDBĐVN, Ban Tổ chức giải đấu hoặc đơn vị được LDBĐVN cấp quyền ban hành với sự thống nhất của LDBĐVN, bao gồm nhưng không giới hạn các thông tin sau: Ngày và thời gian diễn ra các trận đấu, sân vận động, sân thi đấu sẽ diễn ra các trận đấu, tên các CLB tham gia.

17. Cầu thủ nước ngoài gốc Việt Nam: Là người không có quốc tịch Việt Nam (nam hoặc nữ) có cha đẻ hoặc mẹ đẻ hoặc ông nội hoặc bà nội hoặc ông ngoại hoặc bà ngoại là người có quốc tịch Việt Nam hoặc đã từng có quốc tịch Việt Nam hoặc sinh ra ở Việt Nam.

18. Đại diện bóng đá: Là cá nhân được FIFA cấp phép thực hiện Dịch vụ Đại diện bóng đá theo quy định về Quy chế Đại diện bóng đá của FIFA và Quy chế Đại diện bóng đá của LDBĐVN.

19. HLV: Là Huấn luyện viên.

20. Quan chức Trận đấu: Là bất kỳ cá nhân nào được bổ nhiệm để điều hành trận đấu trong khuôn khổ giải đấu/trận đấu với vai trò: Trọng tài, trợ lý trọng tài, trọng tài thứ tư hoặc trọng tài thứ năm, VAR, AVAR, giám sát trọng tài, giám sát trận đấu, cán bộ an ninh, truyền thông, điều phối viên và các chức danh liên quan khác.

21. VAR (Video Assistant Referee): Là trọng tài hỗ trợ qua video, có nhiệm vụ xem xét các tình huống quan trọng của trận đấu thông qua hệ thống video và đưa ra khuyến nghị cho Trọng tài chính liên quan đến các lỗi rõ ràng và nghiêm trọng hoặc tình huống bị bỏ sót.

22. AVAR (Assistant Video Assistant Referee): Là trợ lý trọng tài hỗ trợ qua video, có nhiệm vụ hỗ trợ VAR trong quá trình theo dõi, phân tích và giao tiếp nhằm đảm bảo quá trình xem xét video được chính xác và kịp thời.

23. Luật thi đấu Bóng đá/Luật thi đấu (Laws of the Game): Là luật do Hội đồng Luật thi đấu Bóng đá Quốc tế (IFAB) ban hành và do Liên đoàn Bóng đá Quốc tế (FIFA) quản lý.

24. Điều lệ LDBĐVN: Là Điều lệ hiện hành của LDBĐVN và những sửa đổi, bổ sung được Đại hội của LDBĐVN thông qua và phê duyệt.

25. Quy chế: Là Quy chế Bóng đá Việt Nam này và những sửa đổi, bổ sung.

26. Điều lệ giải: Là văn bản quy định các nội dung liên quan tới quản lý, điều hành giải đấu được LDBĐVN hoặc Ban tổ chức ban hành. Điều lệ giải phải phù hợp với quy định của Luật Thể dục Thể thao, các quy định pháp luật liên quan và các Quy chế của LDBĐVN cũng như quy định, quy chế của các tổ chức bóng đá quốc tế mà LDBĐVN là thành viên.

27. Hợp đồng Đại diện: Là thỏa thuận bằng văn bản nhằm mục đích thiết lập mối quan hệ pháp lý để cung cấp Dịch vụ Đại diện bóng đá theo quy định của Quy chế Đại diện bóng đá Việt Nam và quy định của FIFA.

28. Đăng ký: Đăng ký là việc thực hiện thủ tục đăng ký một cầu thủ, HLV, quan chức, trọng tài, quan chức trận đấu, quan chức giải (sau đây gọi chung là “cá nhân”) trên Hệ thống đăng ký (FIFA Connect).

28. FIFA TMS (FIFA Transfer Matching System): Là hệ thống chuyển nhượng quốc tế của FIFA.

29. Hệ thống đăng ký trực tuyến quốc gia (viết tắt “Hệ thống đăng ký”): Là hệ thống thông tin điện tử với khả năng lưu trữ và quản lý đăng ký của tất cả các cầu thủ, quan chức, HLV tại Liên đoàn bóng đá quốc gia. Hệ thống đăng ký

ký trực tuyến quốc gia phải được tích hợp và đồng bộ hóa dữ liệu với hệ thống FIFA Connect, FIFA ID (mã số định danh bóng đá) để tự động đối chiếu, trao đổi thông tin. Hệ thống đăng ký trực tuyến quốc gia phải cung cấp được các thông tin đăng ký của tất cả các cầu thủ, quan chức, HLV và phải cấp cho mỗi người một mã số định danh bóng đá (FIFA ID) theo quy định của FIFA. Hệ thống này được quy định cụ thể tại Phụ lục I của Quy chế.

30. Lợi ích: Là bất kỳ quyền, vị trí hoặc vai trò nào mà từ đó một cá nhân hoặc pháp nhân có thể:

a) Nắm giữ quyền sở hữu hưởng lợi đối với một pháp nhân, được hiểu là nắm giữ quyền sở hữu thực tế đối với một pháp nhân và qua đó các hoạt động liên quan của cá nhân, pháp nhân này được tiến hành. Quyền này không bao gồm tư cách thành viên cá nhân thông thường, không thể chuyển nhượng được và chỉ cho phép chủ sở hữu của nó có một phiếu bầu duy nhất trong các công việc của CLB; và/hoặc

b) Nắm giữ vị trí có thể cho phép hoặc có khả năng cho phép cá nhân hoặc pháp nhân đó tác động đáng kể đến hoạt động tài chính, thương mại, hành chính, quản lý hoặc bất kỳ ảnh hưởng nào khác đối với hoạt động của một cá nhân hoặc pháp nhân, dù trực tiếp hay gián tiếp và chính thức hay không chính thức.

31. Bất khả kháng: Là bất kỳ sự kiện mà ảnh hưởng đến việc thực hiện toàn bộ hoặc bất kỳ điều khoản nào trong Quy chế này, phát sinh từ hoặc do các hành động, sự kiện, hoặc biến cố nằm ngoài phạm vi kiểm soát hợp lý của một hoặc các Bên, bao gồm nhưng không giới hạn ở các trường hợp sau đây: lũ lụt, hạn hán, cháy nổ, dịch bệnh, thảm họa, thiên tai, chiến tranh, khủng bố, đình công, phá sản, mất hoặc thiếu điện, chiến tranh, hoạt động quân sự, nổi loạn, tình trạng hỗn loạn nơi công cộng, đóng cửa, bạo động dân sự hoặc các trường hợp phát sinh do trách nhiệm của một hoặc các Bên phải tuân thủ các quy định mới của Chính phủ hoặc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, hoặc do những nguyên nhân khác mà các Bên không thể lường trước được một cách hợp lý hoặc không có nghĩa vụ phải biết trước, dẫn đến việc không thể tiếp tục thực hiện bất kỳ điều khoản, nghĩa vụ nào theo Quy chế này.

32. Sân vận động: Là địa điểm tổ chức thi đấu, trong đó có các khu vực sau:

a) Toàn bộ khuôn viên sân vận động nằm trong phạm vi được bao quanh bởi hàng rào vòng ngoài của sân vận động, bao gồm cả không gian phía trên khuôn viên sân vận động đó. Khu vực này yêu cầu phải có thể xác thực hoặc vé để ra

vào và được áp dụng trong các ngày diễn ra trận đấu và bất kỳ ngày nào mà có các buổi tập luyện của bất kỳ đội bóng chính thức nào tại sân vận động;

b) Khu đỗ xe;

c) Khu đón tiếp khách quan trọng (VIP) và khu dịch vụ tiếp đón khán giả (gồm các khu dịch vụ tiếp đón khán giả bất kỳ);

d) Khu vực khán đài dành cho đội ngũ truyền thông;

đ) Các khu nhượng quyền;

e) Các khu trưng bày thương mại;

g) Các phòng chức năng thuộc kết cấu sân vận động;

h) Sân thi đấu;

i) Các điểm truyền tin, truyền hình hoặc trung tâm báo chí, truyền thông bất kỳ tại sân vận động;

k) Khán đài;

l) Khu vực bất kỳ bên dưới khán đài.

33. Sân thi đấu: Là khu vực được mô tả trong Luật 1 của Luật thi đấu Bóng đá, do Hội đồng Luật thi đấu Bóng đá Quốc tế (IFAB) ban hành và do FIFA quản lý. Sân thi đấu sẽ có thông số kỹ thuật khác nhau đối với từng môn bóng đá.

Các thuật ngữ và định nghĩa nêu trên, nếu đề cập đến các cá nhân, được áp dụng cho cả hai giới tính. Các thuật ngữ và định nghĩa này được hiểu theo phần giải thích từ ngữ nêu trên, trừ trường hợp có quy định cụ thể khác trong Quy chế này.

Chương I **QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về nguyên tắc, tiêu chuẩn, quy trình, quyền hạn và trách nhiệm của các bên liên quan trong hoạt động tổ chức, điều hành các giải bóng đá Chuyên nghiệp, Bán Chuyên nghiệp và Nghiệp dư thuộc quyền quản lý, tổ chức và điều hành của LDBĐVN.

Điều 2. Đối tượng điều chỉnh

Quy chế này áp dụng đối với LDBĐVN và các cá nhân, tổ chức có liên quan trong công tác điều hành, tổ chức các giải đấu thuộc quyền quản lý, tổ chức và điều hành của LDBĐVN.

Điều 3. Cơ quan quản lý, tổ chức, điều hành hoạt động bóng đá

1. Liên đoàn Bóng đá Việt Nam:

LĐBĐVN là cơ quan quản lý, chỉ đạo và điều hành các hoạt động liên quan đến việc xây dựng và phát triển bóng đá ở Việt Nam theo quy định của pháp luật, Điều lệ của LĐBĐVN và Quy chế này.

2. Quyền hạn và trách nhiệm của LĐBĐVN:

a) Trực tiếp tổ chức hoặc giao quyền, rút quyền đăng cai, tổ chức các giải bóng đá thuộc quyền quản lý của LĐBĐVN đối với thành viên của LĐBĐVN hoặc các đơn vị, tổ chức khác;

b) Xây dựng, ban hành văn bản để tổ chức, điều hành hoạt động bóng đá Việt Nam; Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định liên quan của LĐBĐVN, FIFA, AFC và Quy chế này;

c) Trực tiếp thực hiện hoặc giao quyền cho đơn vị tổ chức giải bóng đá Chuyên nghiệp, Bán Chuyên nghiệp, Nghiệp dư kiểm tra hồ sơ, xét duyệt, xác nhận tư cách HLV, cầu thủ, cán bộ quản lý và nhân viên kỹ thuật tham dự giải;

d) Khen thưởng, xử lý vi phạm, giải quyết tranh chấp và giải quyết khiếu nại trong hoạt động bóng đá Chuyên nghiệp, Bán Chuyên nghiệp và Nghiệp dư;

đ) Ban hành hoặc thông qua Điều lệ giải và Lịch thi đấu các giải bóng đá hàng năm;

e) Định kỳ tổ chức đào tạo, tập huấn giám sát, trọng tài, điều phối viên và các nhân sự cần thiết khác dành cho tổ chức, cá nhân căn cứ theo quyết định của LĐBĐVN;

g) Quản lý, tổ chức các giải bóng đá quốc gia và đăng cai tổ chức các giải bóng đá quốc tế (bao gồm cả các trận đấu giao hữu) tại Việt Nam theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định liên quan;

h) Chấp thuận, kiểm soát và quản lý các giải đấu, trận đấu giao hữu dưới mọi hình thức giữa các thành viên của LĐBĐVN diễn ra trên phạm vi cả nước theo quy định của pháp luật và Điều lệ LĐBĐVN;

i) Cấp phép, trao quyền cho thành viên hoặc đơn vị, tổ chức khác đăng cai giải bóng đá thuộc quyền quản lý, tổ chức của LĐBĐVN trên cơ sở quy định của pháp luật và Điều lệ giải được LĐBĐVN thông qua;

k) Các quyền và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật, FIFA, AFC và Điều lệ LĐBĐVN.

3. Đơn vị tổ chức giải:

Đơn vị tổ chức giải là thành viên của LDBĐVN hoặc tổ chức, đơn vị khác trực tiếp quản lý, tổ chức và điều hành các giải bóng đá Chuyên nghiệp, Bán Chuyên nghiệp, Nghiệp dư trên cơ sở Hợp đồng giao quyền ký kết với LDBĐVN theo quy định của pháp luật, quy định của LDBĐVN, Quy chế này và chịu trách nhiệm trước LDBĐVN về đảm bảo an ninh an toàn, tính trung thực và kết quả chuyên môn của giải đấu.

4. Trách nhiệm và quyền hạn của Đơn vị tổ chức giải:

a) Được quyền khai thác tài trợ, quảng cáo, bản quyền truyền hình và thương quyền của các giải bóng đá Chuyên nghiệp, Bán Chuyên nghiệp, Nghiệp dư trong thời hạn được giao quyền và trong phạm vi khai thác quảng cáo, thương mại theo Hợp đồng với LDBĐVN;

b) Phối hợp với LDBĐVN để thực hiện việc tổ chức, điều hành các giải bóng đá Chuyên nghiệp, Bán Chuyên nghiệp, Nghiệp dư đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của Quy chế này, Điều lệ giải và kế hoạch thi đấu đã được LDBĐVN thông qua.

5. Ngoài các quy định chung tại khoản 4 Điều này, Đơn vị tổ chức giải Chuyên nghiệp có trách nhiệm:

a) Xây dựng, ban hành Điều lệ giải và kế hoạch tổ chức thi đấu các giải bóng đá Chuyên nghiệp sau khi được LDBĐVN phê duyệt. Tổ chức, điều hành các giải bóng đá Chuyên nghiệp theo kế hoạch và Điều lệ giải đã được phê duyệt;

b) Phối hợp với LDBĐVN tổ chức tập huấn giám sát, trọng tài làm nhiệm vụ tại các giải bóng đá Chuyên nghiệp hàng năm;

c) Quyết định địa điểm thi đấu trận Chung kết Cúp Quốc gia và trận play-off (nếu có).

Điều 4. Hệ thống giải bóng đá Chuyên nghiệp

1. Hệ thống giải bóng đá Chuyên nghiệp bao gồm:

- a) Giải bóng đá Vô địch Quốc gia (V.League 1);
- b) Giải bóng đá Hạng Nhất Quốc gia (V.League 2);
- c) Giải bóng đá Cúp Quốc gia;
- d) Trận đấu Siêu Cúp bóng đá Quốc gia:

Trận đấu Siêu Cúp bóng đá Quốc gia là trận đấu giữa CLB đoạt chức Vô địch tại Giải bóng đá Vô địch Quốc gia và CLB đoạt Cúp tại Giải bóng đá Cúp

Quốc gia trong cùng một mùa giải. CLB đoạt chức Vô địch tại Giải bóng đá Vô địch Quốc gia có quyền tổ chức trận đấu Siêu Cúp bóng đá Quốc gia trên sân nhà của mình.

Trường hợp một CLB đồng thời đoạt chức Vô địch tại Giải bóng đá Vô địch Quốc gia và đoạt Cúp tại Giải bóng đá Cúp Quốc gia trong cùng một mùa giải, Trận đấu Siêu Cúp bóng đá Quốc gia sẽ là trận đấu giữa CLB đó và CLB xếp thứ Nhì của Giải bóng đá Vô địch Quốc gia. Trận đấu Siêu Cúp bóng đá Quốc gia được tổ chức trước khi bắt đầu mùa giải của năm tiếp theo;

đ) Trận đấu Play-off;

e) Giải bóng đá Chuyên nghiệp khác (nếu có).

2. CLB tham dự hệ thống giải bóng đá Chuyên nghiệp phải đăng ký tối thiểu 18 (mười tám) cầu thủ chuyên nghiệp trong Danh sách đăng ký tham dự giải.

3. Hệ thống giải bóng đá Chuyên nghiệp chỉ bao gồm các CLB chuyên nghiệp tham dự.

Điều 5. Hệ thống giải bóng đá Bán Chuyên nghiệp và giải bóng đá Nghiệp dư

1. Hệ thống giải bóng đá Bán Chuyên nghiệp bao gồm:

a) Giải bóng đá Hạng Nhì Quốc gia, Giải bóng đá Hạng Ba Quốc gia;

b) Giải bóng đá nữ Vô địch Quốc gia;

c) Giải bóng đá nữ Cúp Quốc gia;

d) Các giải bóng đá trẻ quốc gia dành cho các lứa tuổi nam, nữ từ U16 trở lên;

đ) Giải Futsal Vô địch Quốc gia;

e) Giải Futsal Cúp Quốc gia;

g) Giải bóng đá Bãi biển Quốc gia.

CLB tham dự hệ thống giải bóng đá Bán Chuyên nghiệp được phép đăng ký cầu thủ chuyên nghiệp và cầu thủ nghiệp dư trong Danh sách đăng ký tham dự giải.

2. Hệ thống giải bóng đá Nghiệp dư bao gồm:

a) Các giải bóng đá trẻ quốc gia dành cho các lứa tuổi nam, nữ từ U15 trở xuống;

- b) Các giải bóng đá thể thao điện tử liên quan;
- c) Các giải bóng đá Nghiệp dư do LĐBĐVN tổ chức, phối hợp hoặc giao quyền tổ chức;
- d) Các giải bóng đá Nghiệp dư quy mô toàn quốc được LĐBĐVN công nhận.

CLB tham dự hệ thống giải bóng đá Nghiệp dư chỉ được phép đăng ký cầu thủ nghiệp dư trong Danh sách đăng ký tham dự giải. Các đội bóng đá trẻ thuộc các CLB chuyên nghiệp có thể tham dự các giải bóng đá trẻ và thi đấu với các CLB bóng đá ngoài chuyên nghiệp ở cùng độ tuổi.

3. Hệ thống giải bóng đá Bán Chuyên nghiệp và Nghiệp dư bao gồm CLB bóng đá chuyên nghiệp và CLB bóng đá ngoài chuyên nghiệp tham dự.

Điều 6. Các giải đấu, trận đấu quốc tế

- 1. Các giải đấu, trận đấu thuộc cấp độ các Đội tuyển nam, nữ, futsal, bóng đá bãi biển của FIFA, AFC, AFF do LĐBĐVN đăng cai tổ chức.
- 2. Các giải đấu, trận đấu thuộc cấp độ CLB do LĐBĐVN tổ chức hoặc được LĐBĐVN ủy quyền cho các đơn vị, tổ chức thành viên đăng cai tổ chức.
- 3. Các giải đấu, trận đấu giao hữu quốc tế cấp độ Đội tuyển do LĐBĐVN tổ chức.

Điều 7. Mùa giải bóng đá

Mùa giải bóng đá là khoảng thời gian 12 (mười hai) tháng do LĐBĐVN quy định phù hợp với quy định của FIFA. Ban Chấp hành LĐBĐVN quyết định về thời gian bắt đầu, kết thúc của mùa giải căn cứ theo yêu cầu và tình hình thực tế.

Điều 8. Hành vi bị cấm trong hoạt động bóng đá

LĐBĐVN nghiêm cấm tất cả các tổ chức, cá nhân, đơn vị tham gia hoạt động bóng đá có các hành vi sau đây:

- 1. Dùng lời nói, hành động phân biệt chủng tộc, tôn giáo, giới tính, tầng lớp xã hội.
- 2. Hành vi tiêu cực gây ảnh hưởng đến tính khách quan trong thi đấu bóng đá hoặc làm sai lệch kết quả thi đấu.
- 3. Ứng xử (dùng lời nói, hành động, cử chỉ) thiếu văn hoá, hoặc mang tính chỉ trích đối với quan chức của LĐBĐVN, Đơn vị tổ chức giải, Ban Tổ chức giải, giám sát, trọng tài và các CLB khác.

4. Các hành vi vi phạm Luật phòng chống Doping thể giới, vi phạm các quy định về phòng chống Doping của FIFA/AFC cũng như của LDBĐVN và pháp luật Việt Nam.

5. Hành vi cư xử ngược đãi trẻ em, trẻ chưa thành niên.

6. Hành vi sử dụng chất gây nghiện, chất hướng thần và các chất bị cấm khác theo quy định của pháp luật.

7. Các hành vi bị nghiêm cấm khác theo quy định của pháp luật về thể dục thể thao và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 9. Nghĩa vụ tham gia Đội tuyển quốc gia

1. Trách nhiệm của CLB:

a) CLB có trách nhiệm cung cấp cầu thủ các lứa tuổi cho Đội dự tuyển quốc gia, Đội tuyển quốc gia của Việt Nam (sau đây gọi chung là “Đội tuyển”) và cho quốc gia nơi cầu thủ có quốc tịch, khi được yêu cầu, theo quy định của FIFA, LDBĐVN và quy định của pháp luật;

b) CLB cung cấp HLV và cầu thủ cho Đội tuyển theo kế hoạch tập huấn và thi đấu của Đội tuyển. CLB không được hưởng các khoản bồi thường tài chính, trừ khi có quyết định khác của LDBĐVN;

c) CLB có trách nhiệm duy trì chế độ lương, phụ cấp và các quyền lợi khác (bao gồm các chế độ bảo hiểm) của HLV và cầu thủ theo thỏa thuận tại hợp đồng trong thời gian HLV, cầu thủ đó tập trung Đội tuyển.

2. Trách nhiệm và quyền lợi của cầu thủ:

a) Cầu thủ có nghĩa vụ chấp hành quyết định triệu tập lên Đội tuyển. Trường hợp không thể chấp hành quyết định triệu tập vì lý do bất khả kháng hoặc có lý do chính đáng, cầu thủ phải báo cáo LDBĐVN và được LDBĐVN chấp thuận. Trường hợp không thể lên tập trung Đội tuyển vì lý do sức khỏe, cầu thủ phải có giấy chứng nhận của bác sĩ do LDBĐVN chỉ định;

b) Sau khi kết thúc thời gian tập trung, cầu thủ trở về thi đấu cho CLB đã đăng ký. Thời hạn trở về CLB là trong vòng 24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi kết thúc thời gian tập trung. Thời hạn nêu trên có thể kéo dài hơn trong trường hợp đặc biệt và có lý do chính đáng được LDBĐVN và/hoặc CLB đồng ý trước;

c) Trong thời gian tập trung, cầu thủ được hưởng các quyền lợi theo hợp đồng đã ký kết với CLB, cũng như các quyền lợi/chế độ theo các quy định có liên quan của pháp luật và LDBĐVN có hiệu lực tại thời điểm tập trung đội tuyển trừ trường hợp đã được hưởng chế độ theo ngân sách Nhà nước. Nếu cầu thủ xảy ra

chấn thương trong thời gian thi đấu và tập luyện, căn cứ từng trường hợp cụ thể, ngoài các chế độ/quyền lợi trên thì LDBĐVN sẽ xem xét hỗ trợ chi phí điều trị ngoài phạm vi bảo hiểm theo quyết định của LDBĐVN;

d) Cầu thủ có nghĩa vụ tham gia các hoạt động của các nhà tài trợ, đối tác của LDBĐVN trong thời gian tập trung Đội tuyển khi được yêu cầu;

đ) Cầu thủ không được tự ý sử dụng hình ảnh của mình trong trang phục Đội tuyển, tên gọi, lời nói gắn với Đội tuyển để tham gia quảng cáo, truyền thông cho bất kỳ đơn vị, đối tác thương mại nào dưới bất kỳ hình thức và trên bất kỳ kênh thông tin nào; ngoại trừ đối tác đang có tài trợ, quảng cáo gắn với Đội tuyển;

e) Cầu thủ không chấp hành quyết định triệu tập hoặc vắng mặt không có lý do chính đáng và không được LDBĐVN chấp thuận trước hoặc vi phạm kỷ luật trong sinh hoạt, tập luyện và thi đấu làm ảnh hưởng đến danh dự, uy tín của Đội tuyển sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định.

3. Trách nhiệm của HLV:

a) HLV có trách nhiệm tham gia Đội tuyển theo đề nghị của LDBĐVN sau khi được CLB chủ quản đồng ý. Trường hợp HLV không thể tham gia vì lý do bất khả kháng hoặc có lý do chính đáng, HLV phải báo cáo LDBĐVN và được LDBĐVN chấp thuận;

b) Sau khi kết thúc thời gian tập trung, HLV trở về làm nhiệm vụ cho CLB đã đăng ký. Thời hạn trở về là không quá 24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi kết thúc thời gian tập trung. Thời hạn trên có thể kéo dài hơn trong trường hợp đặc biệt và có lý do chính đáng được LDBĐVN và/hoặc CLB đồng ý trước;

c) Trong thời gian tập trung, HLV được hưởng các quyền lợi theo hợp đồng đã ký kết với CLB, cũng như các quyền lợi/chế độ theo các quy định có liên quan của pháp luật và LDBĐVN có hiệu lực tại thời điểm tập trung Đội tuyển;

d) HLV có nghĩa vụ tham gia các hoạt động của các nhà tài trợ, đối tác của LDBĐVN trong thời gian tập trung Đội tuyển khi được LDBĐVN yêu cầu;

đ) HLV không được tự ý sử dụng hình ảnh của mình trong trang phục Đội tuyển, tên gọi, lời nói gắn với Đội tuyển để tham gia quảng cáo, truyền thông cho bất kỳ đơn vị, đối tác thương mại nào dưới bất kỳ hình thức và trên bất kỳ kênh thông tin nào, ngoại trừ đối tác đang có tài trợ, quảng cáo gắn với Đội tuyển;

e) HLV trong thời gian tập trung, nếu vi phạm kỷ luật trong sinh hoạt, làm nhiệm vụ và gây ảnh hưởng đến danh dự, uy tín của Đội tuyển, sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định.

Chương II **CÂU LẠC BỘ BÓNG ĐÁ**

Điều 10. CLB bóng đá

1. CLB bóng đá là đơn vị, tổ chức có tư cách pháp nhân, bao gồm CLB bóng đá chuyên nghiệp hoặc CLB bóng đá ngoài chuyên nghiệp tham gia vào các giải đấu, trận đấu thuộc quyền quản lý, tổ chức của LĐBĐVN.

2. CLB bóng đá chuyên nghiệp là doanh nghiệp có tư cách pháp nhân thực hiện đào tạo, huấn luyện cầu thủ và tổ chức thi đấu bóng đá chuyên nghiệp. CLB tham dự Giải bóng đá Vô địch Quốc gia được gọi là CLB Ngoại hạng và CLB tham dự giải bóng đá Hạng Nhất Quốc gia được gọi là CLB hạng Nhất.

3. CLB bóng đá ngoài chuyên nghiệp là CLB bóng đá chưa đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 11. Nhiệm vụ, quyền hạn của CLB bóng đá

1. Tham gia thi đấu giải bóng đá do LĐBĐVN, Đơn vị tổ chức giải và/hoặc FIFA và/hoặc AFC và/hoặc AFF tổ chức (nếu có).

2. Tuân thủ các quy định của LĐBĐVN, Đơn vị tổ chức giải và/hoặc FIFA và/hoặc AFC và/hoặc AFF khi tham gia thi đấu giải bóng đá liên quan.

3. Đào tạo, huấn luyện vận động viên.

4. Phát hiện, tuyển chọn, bồi dưỡng năng khiếu bóng đá.

5. Ký hợp đồng lao động với cầu thủ chuyên nghiệp, HLV chuyên nghiệp.

6. Bảo đảm cơ sở vật chất, trang thiết bị tập luyện và thi đấu bóng đá.

7. Bảo đảm nguồn tài chính hoạt động của CLB.

8. Được sản xuất, kinh doanh dịch vụ theo quy định của pháp luật.

9. Được tiếp nhận, sử dụng các nguồn tài trợ, ủng hộ của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài.

10. Chỉ tổ chức hoặc tham gia các giải bóng đá ngoài hệ thống các giải bóng đá quốc gia thuộc quản lý của LĐBĐVN khi được LĐBĐVN đồng ý bằng văn bản.

11. Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính đối với LĐBĐVN, giải đấu và bên thứ ba có liên quan. Trường hợp CLB chậm trễ trong việc thanh toán khoản tiền đến hạn quá 30 (ba mươi) ngày theo quy định của hợp đồng (thỏa thuận), CLB sẽ bị xử lý theo Quy định về kỷ luật của LĐBĐVN. CLB bị cho là có những khoản

thanh toán quá hạn theo quy định tại điều khoản này nếu đã được CLB, cầu thủ thông báo bằng văn bản yêu cầu CLB thanh toán khoản tiền quá hạn trong khoảng thời gian ít nhất là 15 (mười lăm) ngày.

12. Thành viên góp vốn, cổ đông, người đại diện theo pháp luật của CLB không được nắm giữ cổ phần, phần vốn góp hoặc bất kỳ hình thức nắm giữ vốn hoặc có quyền quyết định tham gia vào việc quản lý, điều hành hoạt động thể thao của các CLB khác tham gia trong cùng một giải đấu có lên xuống hạng. CLB có trách nhiệm đảm bảo tuân thủ vấn đề này và báo cáo những vấn đề liên quan (nếu có).

13. CLB Ngoại hạng và hạng Nhất phải đáp ứng đủ các điều kiện về:

a) Cơ cấu, tổ chức, tên gọi, biểu trưng (logo), tài chính, cơ sở vật chất, sở hữu CLB theo quy định tại Chương 2 của Quy chế;

b) Đảm bảo vấn đề về đăng ký tham dự giải bóng đá quốc gia theo Điều 57 của Quy chế;

c) Đạt thứ hạng, thành tích chuyên môn theo quy định của Điều lệ giải hàng năm;

d) Được cấp phép tham gia giải theo Quy chế cấp phép CLB bóng đá của LĐBĐVN (nếu có).

14. Phổ biến, hướng dẫn và yêu cầu HLV, cầu thủ và những người thuộc quản lý của CLB thực hiện đúng và đầy đủ quy định của pháp luật.

15. Thực hiện các điều khoản của hợp đồng đã ký với cầu thủ hoặc những bên liên quan khác trong hoạt động bóng đá, có trách nhiệm pháp lý đối với các khoản tiền đến kỳ phải trả đối với hoạt động bóng đá theo quy định của các hợp đồng còn hiệu lực ngay cả khi CLB không còn là thành viên của LĐBĐVN.

16. Thực hiện các quy định liên quan của pháp luật đối với doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao.

17. Báo cáo và đề xuất LĐBĐVN phê duyệt khi có sự thay đổi về: hình thức, cơ cấu pháp lý công ty (bao gồm cả việc sáp nhập với một đơn vị khác hoặc chuyển giao hoạt động bóng đá cho một đơn vị khác) hoặc hình thức nhận diện (bao gồm trụ sở, tên, biểu trưng/logo hoặc màu sắc).

18. Được quyền thực hiện việc liên doanh, liên kết với CLB hoặc đơn vị, tổ chức nước ngoài theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Tên và biểu trưng của CLB

1. Tên của CLB phải bao gồm tối thiểu một trong các yếu tố sau:



a) Tên riêng CLB hoặc tên doanh nghiệp; và/hoặc

b) Tên địa phương.

2. Tên riêng tại khoản 1 có thể được viết bằng các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt, và/hoặc các chữ F, J, Z, W, chữ số.

3. Logo (biểu trưng) của CLB là một sản phẩm thiết kế trực quan được cấu thành bởi hình hoặc chữ hoặc bao gồm cả hình và chữ nhằm tạo thành hình ảnh đại diện cho một CLB.

4. Những điều cấm trong việc đặt tên, thiết kế biểu trưng (logo) của CLB:

a) Trùng hoặc gây nhầm lẫn với tên, biểu trưng (logo) của các CLB khác đã tham dự các giải bóng đá do LĐBĐVN quản lý, tổ chức;

b) Bao gồm tên và/hoặc biểu trưng (logo) của bên thứ ba, cho dù bên thứ ba đó là đối tác thương mại hay nhà tài trợ của CLB;

c) Sử dụng từ ngữ, ký hiệu vi phạm truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục.

5. LĐBĐVN có thể miễn trừ quy định tại điểm a và điểm b khoản 4 Điều này nếu CLB đáp ứng một trong các yêu cầu sau:

a) Tên của CLB đã tồn tại từ trước và/hoặc được sử dụng từ khi thành lập. Bên thứ ba đã từng tham gia trực tiếp vào việc thành lập CLB (bằng tài chính hay bằng các hình thức khác); hoặc

b) CLB đã sử dụng tên này thi đấu tại một giải đấu thuộc quản lý của LĐBĐVN.

6. CLB phải đăng ký tên, biểu trưng (logo) với LĐBĐVN và được LĐBĐVN phê duyệt. Trong trường hợp tên, biểu trưng (logo) của CLB được đăng ký bảo hộ theo pháp luật về sở hữu trí tuệ, CLB phải thông báo bằng văn bản tới LĐBĐVN.

7. CLB không được thay đổi tên sau khi Trận đấu đầu tiên của giải đấu liên quan đã diễn ra.

8. CLB có trách nhiệm cập nhật, báo cáo và đề xuất LĐBĐVN phê duyệt bất kỳ sự thay đổi nào liên quan tới thông tin của CLB bao gồm: tên, biểu trưng (logo) theo Mẫu số 05/VFF-FORM tại Phụ lục V và trên Hệ thống đăng ký.

h

Điều 13. Cơ cấu tổ chức của CLB

1. Cơ cấu tổ chức của CLB bóng đá chuyên nghiệp phải tuân thủ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và các quy định liên quan của LĐBĐVN, ngoài ra phải bao gồm:

a) Chủ tịch CLB;

b) Giám đốc điều hành;

c) Giám đốc kỹ thuật;

d) Các phòng, ban hoặc bộ phận hoặc nhân sự về các lĩnh vực: Hành chính - nhân sự; chuyên môn (kỹ thuật); đào tạo trẻ; tổ chức thi đấu; pháp lý - đăng ký cầu thủ; truyền thông; tài trợ; tài chính; cổ động viên; an ninh; y tế; cấp phép CLB;

đ) Ban huấn luyện, quan chức đội bóng và các cầu thủ của đội bóng tham dự hệ thống giải Chuyên nghiệp;

e) Đội bóng trẻ các lứa tuổi từ U9, U11, U13, U15, U17, U19 và U21;

g) Các đội bóng khác (nếu có).

2. Cơ cấu tổ chức của CLB bóng đá ngoài chuyên nghiệp phải đảm bảo tối thiểu:

a) Quan chức phụ trách đội bóng: Là lãnh đạo/cán bộ có đủ năng lực quản lý, năng lực chuyên môn được CLB tuyển dụng, bổ nhiệm;

b) Ban huấn luyện: Gồm HLV trưởng và các trợ lý HLV;

c) Cầu thủ;

d) Nhân viên y tế;

đ) Nhân sự khác (nếu có): Cán bộ truyền thông, cán bộ an ninh, cán bộ phân tích kỹ thuật.

Điều 14. Cơ sở vật chất của CLB

CLB bóng đá phải cung cấp tài liệu chứng minh CLB có quyền sở hữu hoặc được thuê cơ sở vật chất có thời hạn hoặc sử dụng các cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động của CLB, bao gồm:

1. Văn phòng CLB: Điều hành hoạt động hành chính của CLB, bao gồm các trang thiết bị tối thiểu như máy tính, máy in, máy scan có kết nối internet để liên lạc với LĐBĐVN và các bên liên quan.

2. Đăng ký sân thi đấu hoặc sân vận động (nếu có) đảm bảo theo quy định về Sân tổ chức thi đấu. Mỗi CLB phải có quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng một

sân tổ chức thi đấu hoặc sân vận động trong thời gian thi đấu giải, đảm bảo an toàn về tiêu chuẩn kỹ thuật, kết cấu, đáp ứng các điều kiện theo quy định cụ thể về tiêu chuẩn sân thi đấu đối với từng hệ thống/loại hình giải đấu tại Quy chế này và các quy định liên quan.

3. Cơ sở vật chất phục vụ công tác tập luyện dành cho đội chính và các đội trẻ (nếu có) thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Tài chính của CLB

1. Kinh phí hoạt động của CLB phải có nguồn gốc hợp pháp và tuân thủ theo quy định của pháp luật.

2. CLB tham dự hệ thống giải Chuyên nghiệp phải bảo đảm kinh phí hoạt động:

- a) Tối thiểu 45 tỷ đồng/năm đối với CLB Ngoại hạng;
- b) Tối thiểu 15 tỷ đồng/năm đối với CLB hạng Nhất.

3. CLB bóng đá phải đảm bảo thực hiện công tác quản lý tài chính theo quy định của pháp luật, đảm bảo khả năng tài chính và kinh phí để duy trì hoạt động bóng đá, bao gồm hoạt động thi đấu đến hết giải hoặc mùa giải.

4. CLB tham gia Giải bóng đá Chuyên nghiệp không đảm bảo khả năng tài chính và kinh phí để duy trì hoạt động bóng đá và hoàn tất việc thi đấu toàn bộ các trận đấu của một giải thuộc Hệ thống giải bóng đá Chuyên nghiệp sẽ phải chuyển xuống thi đấu ở giải Hạng Ba Quốc gia từ mùa giải sau. Toàn bộ kết quả thi đấu của CLB này đối với CLB khác (nếu có) tại giải đấu đó đều bị huỷ bỏ.

5. CLB tham gia Giải bóng đá Bán Chuyên nghiệp, Nghiệp dư không đảm bảo khả năng tài chính và kinh phí cho CLB thi đấu đến hết giải sẽ không được tham dự các giải kế tiếp. Toàn bộ kết quả thi đấu của CLB này đối với CLB khác (nếu có) tại giải đấu liên quan đều bị huỷ bỏ.

Điều 16. Quản lý, sử dụng lao động của CLB

1. Đối với HLV, cầu thủ chuyên nghiệp: CLB phải giao kết hợp đồng bằng văn bản với HLV, cầu thủ chuyên nghiệp theo quy định của pháp luật Việt Nam về lao động, Quy chế này, quy định của FIFA và các quy định có liên quan.

2. Đối với người lao động khác: Người lao động khác không phải là HLV, cầu thủ chuyên nghiệp thì việc quản lý và ký kết hợp đồng lao động giữa CLB và người đó thực hiện theo quy định của pháp luật lao động Việt Nam. CLB chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý lao động có thẩm quyền về việc thực hiện đúng quy định của pháp luật lao động Việt Nam.

3. Khi sử dụng lao động là người nước ngoài, CLB phải thực hiện theo quy định của pháp luật về việc sử dụng lao động là người nước ngoài và các văn bản, quy định liên quan.

Điều 17. Sở hữu CLB bóng đá

LĐBĐVN không công nhận:

1. Tổ chức, cá nhân sở hữu từ 02 (hai) CLB trở lên tham gia trong cùng một giải đấu có lên xuống hạng.

2. Tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với nhiều CLB và/hoặc tham gia quản lý, điều hành nhiều CLB thi đấu trong cùng một giải đấu (có lên xuống hạng). Các trường hợp có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp được xác định theo quy định của Luật Doanh nghiệp hiện hành.

Điều 18. Thay đổi chủ sở hữu của CLB bóng đá chuyên nghiệp

1. CLB bóng đá chuyên nghiệp là doanh nghiệp thực hiện thủ tục thay đổi chủ sở hữu CLB theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và các quy định pháp luật liên quan.

2. Trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày thực hiện thay đổi theo khoản 1 Điều này, CLB bóng đá chuyên nghiệp phải gửi hồ sơ tới LĐBĐVN, bao gồm:

a) Văn bản, thỏa thuận về việc thay đổi chủ sở hữu, thay đổi tỷ lệ sở hữu doanh nghiệp, chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp trong doanh nghiệp và các tài liệu liên quan khác theo yêu cầu của LĐBĐVN;

b) Văn bản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận về việc thay đổi chủ sở hữu CLB bóng đá chuyên nghiệp;

c) Điều lệ, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, danh sách thành viên hoặc danh sách cổ đông của CLB bóng đá chuyên nghiệp và những văn bản khác liên quan theo yêu cầu của LĐBĐVN.

Điều 19. Chuyển giao hoạt động bóng đá của CLB

1. Nguyên tắc:

a) Thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và quy định của LĐBĐVN;

b) Không gây ảnh hưởng hoặc tổn hại đến tính toàn vẹn của giải đấu và không làm ảnh hưởng tới việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của các bên đối với LĐBĐVN, Đơn vị tổ chức giải, giải đấu và các bên thứ ba có liên quan. Nếu vi phạm, CLB sẽ phải chịu hình thức kỷ luật theo Quy định về kỷ luật của LĐBĐVN;

c) Nghiêm cấm chuyển giao hoạt động bóng đá của 01 (một) CLB hai lần trong khoảng thời gian từ khi kết thúc giải đấu gần nhất đến khi kết thúc giải đấu tiếp theo mà CLB tham dự;

d) Các nghĩa vụ của bên chuyển giao hoạt động bóng đá đối với LDBĐVN, Đơn vị tổ chức giải, giải đấu và bên thứ ba có liên quan đã được thực hiện đầy đủ hoặc được bên nhận chuyển giao đồng ý tiếp nhận thanh toán các khoản nợ của bên chuyển giao trong vòng 45 (bốn mươi lăm) ngày.

2. Các CLB ngoài chuyên nghiệp mới thăng hạng thi đấu tại Hệ thống giải bóng đá Chuyên nghiệp phải chuyển đổi thành CLB chuyên nghiệp trước ngày khai mạc mùa giải bóng đá chuyên nghiệp kế tiếp mà CLB tham gia.

3. Hồ sơ chuyển giao hoạt động bóng đá của CLB gồm:

a) Văn bản đề nghị LDBĐVN phê duyệt việc chuyển giao hoạt động bóng đá của Đơn vị chuyển giao và Đơn vị nhận chuyển giao;

b) Mẫu số 05/VFF-FORM về thay đổi thông tin CLB tại Phụ lục số V của Quy chế này;

c) Hợp đồng chuyển giao hoạt động bóng đá được ký kết giữa hai bên, đảm bảo có tối thiểu các nội dung sau: Chuyển giao nhân sự (cầu thủ, HLV), quyền tham dự giải, trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ đối với LDBĐVN, Đơn vị tổ chức giải, giải đấu và bên thứ ba có liên quan (bao gồm các khoản nợ nếu có);

d) Bảng chứng đã thanh toán hết các khoản nợ của bên chuyển giao hoặc văn bản của bên nhận chuyển giao về việc đồng ý tiếp nhận thanh toán các khoản nợ của bên chuyển giao theo thời hạn tại điểm d khoản 1;

đ) Tài liệu, thông tin của bên nhận chuyển giao gồm: Điều lệ, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, danh sách thành viên hoặc danh sách cổ đông của CLB bóng đá, mô hình, sơ đồ tổ chức và những văn bản liên quan khác theo yêu cầu của LDBĐVN (nếu có);

e) Đảm bảo khả năng tài chính ít nhất đến hết mùa giải thi đấu. Trong trường hợp cần thiết, LDBĐVN hoặc Đơn vị tổ chức giải có thể yêu cầu CLB chứng minh tài chính bằng Hợp đồng kinh tế, tài trợ, văn bản cam kết hỗ trợ tài chính. CLB có trách nhiệm thực hiện yêu cầu chứng minh tài chính khi được LDBĐVN hoặc Đơn vị tổ chức Giải yêu cầu.

4. Trình tự, thủ tục:

a) CLB nộp hồ sơ đề nghị LDBĐVN công nhận chuyển giao hoạt động bóng đá của CLB;

b) Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Ban Tổng Thư ký LĐBĐVN trình Ban Chấp hành LĐBĐVN xem xét, có ý kiến về việc phê duyệt chuyển giao hoạt động bóng đá của CLB;

c) Trường hợp Ban chấp hành LĐBĐVN không chấp thuận việc chuyển giao hoạt động bóng đá của CLB, LĐBĐVN có văn bản trả lời cho CLB trong đó nêu rõ lý do.

5. Nhiệm vụ, quyền hạn của bên nhận chuyển giao hoạt động bóng đá:

a) Được đề xuất LĐBĐVN phê duyệt đổi tên CLB đảm bảo tuân thủ Điều 12 của Quy chế này và được giữ quyền tham dự giải của bên chuyển giao;

b) Tiếp nhận và đảm bảo các nghĩa vụ của CLB đối với LĐBĐVN, Đơn vị tổ chức giải, giải đấu và bên thứ ba có liên quan.

Điều 20. Thông tin liên lạc của CLB

1. CLB có trách nhiệm đăng tải, công bố và cập nhật thông tin về các kênh liên hệ chính thức của CLB, bao gồm:

- a) Địa chỉ;
- b) Thư điện tử (email);
- c) Người liên hệ;
- d) Số điện thoại của người liên hệ.

2. Thông tin về các kênh liên hệ chính thức của CLB trên Hệ thống điện tử được LĐBĐVN và các bên liên quan sử dụng để liên lạc với CLB trong hoạt động bóng đá.

Chương III

CẦU THỦ BÓNG ĐÁ

Mục 1. TƯ CÁCH CẦU THỦ

Điều 21. Tư cách cầu thủ

1. Cầu thủ tham gia hệ thống các giải bóng đá do LĐBĐVN quản lý, tổ chức bao gồm:

- a) Cầu thủ chuyên nghiệp; hoặc
- b) Cầu thủ nghiệp dư.

2. Cầu thủ chuyên nghiệp:

a) Cầu thủ chuyên nghiệp là cầu thủ có hợp đồng bằng văn bản với một CLB, được CLB đăng ký với tư cách cầu thủ chuyên nghiệp và được CLB chi trả mức lương tối thiểu là 12.000.000 đồng mỗi tháng.

Khoản lương nêu trên không bao gồm các chi phí duy trì hoạt động bóng đá như phụ cấp, trợ cấp, bảo hiểm, thuế, tiền di chuyển, chi phí sinh hoạt, trang thiết bị và các khoản chi phí liên quan khác;

b) Cầu thủ từ đủ 16 tuổi trở lên mới được đăng ký với tư cách chuyên nghiệp;

c) Thời hạn Hợp đồng của cầu thủ chuyên nghiệp được thực hiện theo quy định pháp luật lao động, LĐBĐVN và các tổ chức bóng đá quốc tế liên quan.

3. Cầu thủ nghiệp dư là cầu thủ không đáp ứng điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Khi thực hiện đăng ký trên Hệ thống đăng ký, CLB phải cam kết và chịu trách nhiệm đối với việc xác định thu nhập của cầu thủ để đảm bảo đăng ký đúng tư cách theo quy định.

5. Theo quy định của FIFA và Quy chế này, CLB chỉ được phép cho mượn hoặc mượn cầu thủ chuyên nghiệp. Cầu thủ nghiệp dư, trước khi được CLB cho mượn hoặc mượn, phải chuyển đổi tư cách thành cầu thủ chuyên nghiệp và đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn đăng ký cầu thủ chuyên nghiệp theo quy định.

Điều 22. Chuyển đổi tư cách cầu thủ

1. Cầu thủ chuyên nghiệp chỉ được phép đăng ký lại với tư cách là cầu thủ nghiệp dư sau thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày thi đấu cuối cùng với tư cách là cầu thủ chuyên nghiệp. Ngày thi đấu cuối cùng của cầu thủ được xác định căn cứ theo thông tin quản lý thi đấu.

2. Cầu thủ nghiệp dư khi chuyển đổi sang tư cách cầu thủ chuyên nghiệp phải đảm bảo thực hiện việc đăng ký đúng tư cách trên Hệ thống đăng ký theo quy định và nộp đầy đủ các hồ sơ liên quan.

Điều 23. Quyền lợi và trách nhiệm của cầu thủ

1. Tuân thủ các quy định tại Quy chế này, Điều lệ giải, các quy định của FIFA, AFC, LĐBĐVN và Đơn vị tổ chức giải liên quan. Cầu thủ phải cam kết và đảm bảo các nội dung khai báo khi đăng ký và tham dự các giải đấu của LĐBĐVN là chính xác và trung thực.

2. Được quyền sử dụng đại diện bóng đá để đại diện và bảo vệ quyền, lợi ích của mình trong quá trình đàm phán và ký kết hợp đồng lao động với CLB.

3. Được CLB đăng ký với LĐBĐVN và Đơn vị tổ chức giải để tham gia thi đấu cho CLB tại các giải đấu theo quy định về đăng ký cầu thủ.

4. Được quyền chuyển nhượng, cho mượn trong nước và quốc tế theo quy định tại Quy chế này, quy định của pháp luật và phù hợp với quy định của FIFA, AFC.

5. Được quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về lao động, hoặc cơ quan trọng tài có thẩm quyền, hoặc LĐBĐVN giải quyết tranh chấp lao động giữa cầu thủ chuyên nghiệp với CLB theo quy định.

6. Cầu thủ phải tuyệt đối chấp hành án phạt của LĐBĐVN trong thời gian bị đình chỉ hoặc cấm thi đấu theo quyết định kỷ luật của LĐBĐVN. CLB chịu trách nhiệm đảm bảo thực thi các biện pháp kỷ luật này đối với cầu thủ.

7. Được hưởng các quyền lợi khác và có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và các quy định có liên quan.

Mục 2. ĐĂNG KÝ CẦU THỦ

Điều 24. Đăng ký

1. Cầu thủ phải được đăng ký trên Hệ thống đăng ký của LĐBĐVN (FIFA Connect) để thi đấu cho CLB với tư cách chuyên nghiệp hoặc nghiệp dư theo quy định tại Điều 21 của Quy chế. Chỉ những cầu thủ đã đăng ký mới có quyền tham dự vào các giải đấu thuộc quyền quản lý, tổ chức của LĐBĐVN.

2. Bằng việc đăng ký trên Hệ thống đăng ký, các bên (CLB, HLV, quan chức, cầu thủ,...) cam kết tuân thủ đầy đủ các quy định của FIFA, AFC, LĐBĐVN và Đơn vị tổ chức giải.

3. CLB có trách nhiệm đăng ký và sử dụng cầu thủ đủ điều kiện tham dự giải đấu. Trường hợp cầu thủ không đủ điều kiện tham gia thi đấu, CLB và cầu thủ bị xử lý kỷ luật theo Quy định kỷ luật của LĐBĐVN và/hoặc FIFA, AFC.

4. Khi hủy đăng ký cầu thủ, HLV hoặc quan chức của CLB trên Hệ thống đăng ký, CLB phải thực hiện việc nộp Phiếu đề nghị hủy đăng ký đến LĐBĐVN (Mẫu số 06/VFF-FORM tại Phụ lục V của Quy chế này).

Điều 25. Nguyên tắc đăng ký cầu thủ

1. Tại một thời điểm, cầu thủ chỉ được đăng ký cho 01 (một) CLB. Cầu thủ có thể thi đấu cho nhiều Đội bóng khác nhau thuộc cùng 01 (một) CLB, với điều kiện phải bảo đảm tuân thủ quy định tại Điều lệ giải và các quy định có liên quan.

2. Một cầu thủ chỉ được đăng ký tối đa cho 03 (ba) CLB trong một mùa giải, và chỉ được thi đấu chính thức cho 02 (hai) CLB, theo quy định bắt buộc của FIFA. Trường hợp ngoại lệ đối với quy định này được áp dụng khi một cầu thủ được chuyển nhượng giữa 02 (hai) CLB thuộc các Liên đoàn bóng đá khác nhau có thời gian mùa giải kế tiếp nhau (ví dụ: một Liên đoàn bắt đầu mùa giải vào mùa hè/thu và Liên đoàn còn lại bắt đầu mùa giải vào mùa đông/xuân). Trong trường hợp này, cầu thủ có thể được đăng ký thi đấu chính thức cho CLB thứ ba trong mùa giải phù hợp, với điều kiện cầu thủ đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo hợp đồng với các CLB trước đây.

3. Trong một mùa giải, cầu thủ đã được đăng ký và thi đấu cho một CLB để tham dự các giải bóng đá Chuyên nghiệp, không được phép đăng ký và thi đấu cho bất kỳ CLB nào khác tại các giải bóng đá Bán Chuyên nghiệp có cơ chế thăng hạng, xuống hạng (nếu có), trừ các giải bóng đá trẻ quốc gia theo quy định tại Quy chế này.

4. Khi đăng ký cầu thủ với tư cách chuyên nghiệp, CLB phải nộp hợp đồng đã ký kết với cầu thủ theo các quy định tại Quy chế này. Các phụ lục, thỏa thuận và thỏa thuận/hợp đồng chuyển nhượng hoặc cho mượn có chi phí liên quan phải được nộp đồng thời cùng với hồ sơ đăng ký của cầu thủ.

5. Đăng ký của một cầu thủ sẽ có hiệu lực kể từ ngày được phê duyệt cho tới ngày kết thúc mùa giải, trừ trường hợp cầu thủ được chuyển nhượng, cho mượn, bị hủy đăng ký hoặc các trường hợp khác theo quy định liên quan của LĐBĐVN.

6. Nghiêm cấm các CLB và cầu thủ thực hiện việc chuyển nhượng bắc cầu. Chuyển nhượng bắc cầu là việc một cầu thủ được chuyển nhượng hai lần liên tiếp (bao gồm cả trong nước và quốc tế) trong thời hạn 16 (mười sáu) tuần thông qua một CLB bắc cầu. CLB bắc cầu được hiểu là CLB trung gian giữa hai lần chuyển nhượng liên tiếp và việc chuyển nhượng tới CLB trung gian được thực hiện nhằm trốn tránh việc áp dụng các quy định hoặc pháp luật về thuế, tài chính hoặc các quy định có liên quan và/hoặc nhằm mục đích lừa gạt cá nhân, tổ chức hoặc các bên liên quan khác.

7. Cầu thủ chỉ được thay đổi quốc tịch đã đăng ký trong giai đoạn đăng ký của mùa giải.

8. Trong trường hợp hợp đồng của cầu thủ chuyên nghiệp bị đơn phương chấm dứt không có lý do chính đáng hoặc trái quy định pháp luật, quyền đăng ký của cầu thủ cho CLB mới sẽ được ưu tiên nhằm hỗ trợ cầu thủ nhanh chóng quay trở lại môi trường bóng đá, tiếp tục phát triển chuyên môn và hạn chế thiệt hại

phát sinh. LDBĐVN có thẩm quyền quyết định đối với việc đăng ký của cầu thủ trong trường hợp này.

Điều 26. Giai đoạn đăng ký

1. Cầu thủ chỉ được đăng ký tại một trong hai giai đoạn đăng ký do LDBĐVN ấn định cho mỗi mùa giải. Thời gian đăng ký này trùng với khoảng thời gian xin cấp Giấy chứng nhận chuyển nhượng quốc tế (ITC) được LDBĐVN đăng ký trên FIFA TMS.

2. Giai đoạn đăng ký thứ nhất bắt đầu sớm nhất từ ngày đầu tiên sau ngày kết thúc của mùa giải trước đó và muộn nhất vào ngày đầu tiên của mùa giải mới. Giai đoạn đăng ký thứ nhất kéo dài tối thiểu 08 (tám) tuần và tối đa 12 (mười hai) tuần.

Giai đoạn đăng ký thứ hai thường diễn ra vào giữa mùa giải với thời gian kéo dài tối thiểu 04 (bốn) tuần và tối đa 08 (tám) tuần.

Tổng thời gian của hai giai đoạn đăng ký trong một mùa giải không được vượt quá 16 (mười sáu) tuần. LDBĐVN thông báo tới các CLB thông tin về các giai đoạn đăng ký và đăng tải công khai trên hệ thống FIFA TMS.

3. LDBĐVN xem xét và giải quyết việc đăng ký ngoại lệ ngoài các giai đoạn đăng ký trong các trường hợp sau:

a) Cầu thủ chuyên nghiệp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động có lý do chính đáng, hoặc bị CLB đơn phương chấm dứt hợp đồng mà không có lý do chính đáng, có thể đề nghị được xem xét đăng ký ngoại lệ ngoài giai đoạn đăng ký.

Đối với trường hợp yêu cầu cấp ITC, FIFA sẽ xem xét, đánh giá hồ sơ vụ việc và đưa ra đánh giá ban đầu về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng có lý do chính đáng hay không để chấp thuận hoặc từ chối đề nghị đăng ký ngoại lệ căn cứ trên cơ sở hồ sơ hiện có. Đánh giá ban đầu của FIFA không ảnh hưởng tới quyết định của FIFA về hậu quả của việc chấm dứt hợp đồng;

b) Cầu thủ chuyên nghiệp có hợp đồng đã hết hạn hoặc hợp đồng được đồng thuận chấm dứt trước khi kết thúc một giai đoạn đăng ký thì có thể được xem xét đăng ký cho CLB mới ngoài giai đoạn đăng ký;

c) Nữ cầu thủ có thể được đăng ký ngoài giai đoạn đăng ký để thay thế tạm thời cho một nữ cầu thủ khác trong thời gian nghỉ thai sản theo quy định của pháp luật. Hợp đồng của nữ cầu thủ thay thế phải có thời hạn hiệu lực tối thiểu đến ngày đầu tiên của giai đoạn đăng ký tiếp theo sau khi nữ cầu thủ nghỉ thai sản quay trở lại thi đấu;

d) Sau khi kết thúc thời gian nghỉ thai sản, nữ cầu thủ được phép đăng ký ngoài các giai đoạn đăng ký, với điều kiện là phù hợp với tình trạng hợp đồng giữa nữ cầu thủ và CLB;

đ) Cầu thủ chuyên nghiệp hết hạn hợp đồng hoặc chấm dứt hợp đồng do ảnh hưởng của dịch bệnh có thể được phép đăng ký ngoài giai đoạn đăng ký. Trách nhiệm chứng minh việc chấm dứt hợp đồng do ảnh hưởng của dịch bệnh thuộc về bên đăng ký;

e) Trường hợp đặc biệt, thay thế đối với thủ môn có thể được thực hiện ngoài hai giai đoạn đăng ký nêu trên khi thủ môn không đủ khả năng thi đấu do ốm đau, tai nạn, chấn thương và phải được sự chấp thuận của LĐBĐVN. LĐBĐVN có quyền yêu cầu CLB cung cấp hồ sơ y tế của thủ môn đó để xem xét và trong trường hợp cần thiết, bác sĩ sẽ do LĐBĐVN chỉ định (việc thay thế không được áp dụng nếu thủ môn bị đình chỉ do vi phạm các điều cấm theo Chương 1 Quy chế này).

4. Việc đăng ký ngoài giai đoạn theo quy định trên sẽ được xem xét dựa trên tính toàn vẹn và tính liên chính thể thao của giải đấu.

5. Khi FIFA chấp thuận việc yêu cầu đăng ký ngoại lệ, bất kỳ điều khoản, quy định hoặc thỏa thuận nào mà theo đó yêu cầu sự đồng thuận của CLB trước đây để đăng ký cầu thủ đều vô hiệu. Đặc biệt, trong trường hợp hợp đồng lao động của cầu thủ hết hạn, cầu thủ có thể đăng ký mà không cần sự đồng ý của CLB trước đây, trừ khi được chứng minh ngược lại.

6. Các quy định về giai đoạn đăng ký tại Điều này được áp dụng đối với việc đăng ký cầu thủ tham dự các giải đấu thuộc hệ thống giải bóng đá Chuyên nghiệp, bao gồm: Giải bóng đá Vô địch Quốc gia, Giải bóng đá Hạng Nhất Quốc gia, Giải bóng đá Cúp Quốc gia, Trận đấu Siêu Cúp bóng đá Quốc gia và Trận đấu Play-off. Các giải đấu khác sẽ áp dụng quy định về giai đoạn đăng ký theo Điều lệ giải.

Điều 27. Trình tự, thủ tục và hồ sơ đăng ký cầu thủ

1. Trình tự, thủ tục

a) CLB gửi văn bản đề nghị LĐBĐVN tạo tài khoản trên Hệ thống đăng ký. Việc sử dụng tài khoản đăng ký là bắt buộc trong toàn bộ công tác đăng ký.

CLB phải đảm bảo có tối thiểu 01 (một) nhân sự phụ trách công tác đăng ký trên Hệ thống đăng ký;

b) Thời hạn nộp hồ sơ: Chậm nhất 15 (mười lăm) ngày (không bao gồm ngày lễ, Tết) trước ngày khai mạc giải đấu mà cầu thủ tham dự giải, CLB phải

nộp hồ sơ đăng ký cầu thủ trên Hệ thống đăng ký phù hợp với quy định của Quy chế và Điều lệ giải.

2. Hồ sơ đăng ký đối với cầu thủ nghiệp dư bao gồm:

a) Phiếu đăng ký và cam kết của cầu thủ (Mẫu số 01/VFF-FORM tại Phụ lục V của Quy chế này) được lập không quá 03 (ba) tháng tính đến ngày nộp hồ sơ;

b) Giấy tờ chứng minh nhân thân theo quy định của pháp luật, bao gồm nhưng không giới hạn: Căn cước công dân/căn cước, giấy khai sinh, hộ chiếu (đối với trường hợp cầu thủ đăng ký lần đầu tiên trên Hệ thống đăng ký). Trường hợp CLB muốn thay đổi các giấy tờ trên, CLB phải thực hiện cập nhật lại trên Hệ thống đăng ký. Các tài liệu trên phải còn thời hạn ít nhất 01 (một) năm kể từ thời điểm đăng ký;

c) Ảnh chân dung cầu thủ (đối với trường hợp cầu thủ đăng ký lần đầu tiên trên Hệ thống đăng ký hoặc khi CLB, cầu thủ muốn thay đổi và cập nhật). Ảnh chân dung phải rõ nét và được chụp tối thiểu từ vai trở lên. Thời gian chụp ảnh không quá 06 (sáu) tháng tính đến ngày nộp hồ sơ;

d) Giấy khám sức khỏe theo quy định tại Thông tư số 32/2023/TT-BYT về hướng dẫn Luật Khám bệnh, chữa bệnh 2023 do cơ sở, đơn vị khám chữa bệnh có thẩm quyền cấp và những sửa đổi, bổ sung.

Trong trường hợp cần thiết, LĐBĐVN có quyền yêu cầu CLB bổ sung tài liệu liên quan để chứng minh cầu thủ đủ điều kiện sức khỏe để tập luyện và thi đấu bóng đá;

đ) Phiếu cam kết về điều kiện sức khỏe theo Mẫu số 03/VFF-FORM tại Phụ lục V của Quy chế này;

e) Giấy phép lao động do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp (bản gốc hoặc bản sao công chứng/chứng thực hợp pháp) đối với các trường hợp yêu cầu theo quy định của pháp luật;

g) Giấy chứng nhận chuyển nhượng quốc tế (ITC) theo quy định của FIFA (nếu có);

h) Các tài liệu, hồ sơ khác theo quy định của Điều lệ giải hoặc theo yêu cầu của LĐBĐVN (nếu có).

3. Hồ sơ đăng ký đối với cầu thủ chuyên nghiệp:

Ngoài các thành phần hồ sơ được quy định tại khoản 2 Điều này, hồ sơ đăng ký cầu thủ chuyên nghiệp phải có:

- a) Hợp đồng cầu thủ chuyên nghiệp theo quy định tại Quy chế này;
- b) Hợp đồng, thỏa thuận về việc mượn cầu thủ hoặc chuyển nhượng cầu thủ (nếu có). Trong trường hợp nộp văn bản có nội dung tương tự thì phải được LĐBĐVN chấp thuận;
- c) Các tài liệu, hồ sơ khác theo quy định của Điều lệ giải hoặc theo yêu cầu của LĐBĐVN (nếu có).

4. Đối với trường hợp chuyển nhượng hoặc mượn cầu thủ chuyên nghiệp, CLB có trách nhiệm thực hiện đúng trình tự, thủ tục và đăng tải đầy đủ tài liệu theo yêu cầu trên Hệ thống đăng ký, bao gồm cả việc liên lạc với CLB trước đây hoặc CLB cho mượn (nếu có).

5. CLB chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của hồ sơ, tài liệu sử dụng để đăng ký. Nghiêm cấm mọi hành vi giả mạo hoặc làm sai lệch hồ sơ, tài liệu đã được đăng tải. Tại bất kỳ thời điểm nào, nếu phát hiện hồ sơ có dấu hiệu vi phạm hoặc không tuân thủ đúng theo quy định, LĐBĐVN có quyền yêu cầu CLB bổ sung, sửa đổi hoặc từ chối hồ sơ, tài liệu liên quan. Trong trường hợp cần thiết, LĐBĐVN có quyền yêu cầu CLB cung cấp tài liệu bản gốc hoặc bản sao công chứng/chứng thực hợp pháp để đối chiếu với hồ sơ đã được đăng tải.

Mục 3. CÁC VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN HỢP ĐỒNG CẦU THỦ CHUYÊN NGHIỆP

Điều 28. Hợp đồng cầu thủ chuyên nghiệp

1. Hợp đồng cầu thủ chuyên nghiệp là hợp đồng lao động giữa CLB và cầu thủ chuyên nghiệp, được giao kết theo quy định của pháp luật và phù hợp với quy định của FIFA, AFC và Quy chế này.

2. CLB có trách nhiệm nộp Hợp đồng cầu thủ chuyên nghiệp trên Hệ thống đăng ký khi thực hiện đăng ký cầu thủ với tư cách chuyên nghiệp.

3. Hợp đồng cầu thủ chuyên nghiệp phải được giao kết bằng văn bản và được làm thành 02 (hai) bản, cầu thủ giữ 01 (một) bản và CLB giữ 01 (một) bản.

4. Nội dung của hợp đồng cầu thủ chuyên nghiệp phải tuân thủ các quy định của pháp luật, quy định của FIFA, AFC, Quy chế này và tối thiểu bao gồm:

- a) Thông tin của các bên trong hợp đồng;
- b) Thời hạn của hợp đồng theo quy định;
- c) Mức lương, thù lao của cầu thủ và hình thức trả lương, thù lao;
- d) Quyền lợi và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng theo quy định;



đ) Thông tin về đại diện bóng đá (nếu có);

e) Thỏa thuận khác giữa các bên phù hợp với quy định của pháp luật, LĐBĐVN và FIFA;

g) Chữ ký và đóng dấu của CLB, cầu thủ và các bên liên quan.

5. Cầu thủ từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi không được ký hợp đồng cầu thủ chuyên nghiệp có thời hạn quá 03 (ba) năm. Trường hợp hợp đồng cầu thủ chuyên nghiệp được ký trước thời điểm Quy chế này có hiệu lực và đã thực hiện quá 03 (ba) năm kể từ ngày ký kết, CLB được phép tiếp tục thực hiện hợp đồng thêm 01 (một) năm và sau đó phải ký kết hợp đồng chuyên nghiệp mới với cầu thủ theo đúng quy định về thời hạn hợp đồng.

6. Đối với cầu thủ từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi, hợp đồng cầu thủ chuyên nghiệp phải có chữ ký và xác nhận của bố, mẹ hoặc người giám hộ hợp pháp của cầu thủ.

7. Tuân theo quy định của FIFA, thời hạn tối thiểu của hợp đồng cầu thủ chuyên nghiệp được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến hết mùa giải. Chỉ được ký hợp đồng có thời hạn khác với quy định này nếu phù hợp với pháp luật quốc gia.

8. Ngoài việc tuân thủ các quy định của Quy chế này, hợp đồng cầu thủ chuyên nghiệp ký kết với người nước ngoài phải bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam và quy định của FIFA.

9. Hợp đồng cầu thủ chuyên nghiệp có yếu tố nước ngoài phải được lập thành song ngữ, gồm tiếng Việt và tiếng Anh hoặc một ngôn ngữ khác phù hợp.

Điều 29. Các nguyên tắc khi ký kết và thực hiện hợp đồng cầu thủ chuyên nghiệp

Tuân theo quy định bắt buộc của FIFA, CLB và cầu thủ khi giao kết hợp đồng cầu thủ chuyên nghiệp phải đảm bảo:

1. Hợp đồng cầu thủ chuyên nghiệp phải đảm bảo duy trì sự ổn định trong toàn bộ thời gian thi đấu của mùa giải.

2. Trong mọi trường hợp, khi CLB, cầu thủ hoặc bên thứ ba liên quan sử dụng dịch vụ đại diện bóng đá trong việc giao kết hợp đồng, tên và mã số chứng chỉ của đại diện bóng đá phải được ghi rõ trong hợp đồng theo quy định của FIFA. Mọi hành vi vi phạm điều khoản này sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định của LĐBĐVN và FIFA.

3. Hiệu lực của hợp đồng cầu thủ chuyên nghiệp không phụ thuộc vào kết quả kiểm tra y tế và/hoặc kết quả cấp Thị thực hoặc Giấy phép lao động của cầu thủ. Bất kỳ điều khoản nào hạn chế hiệu lực của hợp đồng với nội dung tương tự sẽ bị coi là vô hiệu.

4. Không công nhận điều khoản của hợp đồng cầu thủ chuyên nghiệp cho phép CLB gia hạn thời hạn thanh toán tiền lương, thù lao cho cầu thủ, trừ trường hợp được quy định trong thỏa ước lao động tập thể do pháp luật công nhận.

5. CLB không được áp dụng các hình thức xử lý kỷ luật đối với cầu thủ trái với quy định của pháp luật về lao động. Trường hợp việc áp dụng kỷ luật không đúng, CLB có trách nhiệm huỷ bỏ quyết định kỷ luật, công khai xin lỗi cầu thủ trước toàn đội và khôi phục danh dự, các quyền lợi vật chất cho cầu thủ như trước khi bị kỷ luật.

6. CLB phải phổ biến đầy đủ cho cầu thủ các quy định về kỷ luật và khen thưởng khi ký kết hợp đồng cầu thủ chuyên nghiệp. Trong trường hợp cầu thủ vi phạm kỷ luật và bị cấm thi đấu, CLB phải đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật, quy định của Quy chế này và quy định của FIFA.

7. Nữ cầu thủ phải được đảm bảo quyền nghỉ thai sản, nghỉ trong thời gian kinh nguyệt và đang nuôi con dưới 12 tháng trong thời gian hiệu lực của hợp đồng, và được hưởng tối thiểu mức lương theo quy định pháp luật. Trường hợp thỏa thuận trong hợp đồng lao động, hoặc theo quy định của pháp luật, hoặc theo thỏa ước lao động tập thể có chế độ, quyền lợi tốt hơn cho nữ cầu thủ so với điều kiện tối thiểu nêu trên, thì áp dụng chế độ và quyền lợi đó. Việc đảm bảo quyền lợi và lợi ích hợp pháp của nữ cầu thủ được quy định chi tiết tại Phụ lục III của Quy chế này.

8. Cầu thủ chỉ có thể được đàm phán và ký kết/giao kết hợp đồng cầu thủ chuyên nghiệp với 01 (một) CLB khác khi hợp đồng với CLB hiện tại đã hết hạn hoặc sẽ hết hạn trong vòng 06 (sáu) tháng mà hai bên không quyết định gia hạn hoặc ký tiếp.

Trong trường hợp này, CLB dự định ký hợp đồng với cầu thủ phải thông báo bằng văn bản cho CLB hiện tại của cầu thủ trước khi tiến hành thương thảo với cầu thủ đó. Trong quá trình thương thảo, các bên không được trao đổi lợi ích vật chất hoặc có bất kỳ thỏa thuận nào nhằm làm ảnh hưởng tới tinh thần và kết quả thi đấu của cầu thủ tại CLB hiện tại. Mọi hành vi vi phạm điều khoản này sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định về kỷ luật của LĐBĐVN và FIFA.



9. Cầu thủ chuyên nghiệp có hợp đồng với CLB bóng đá 11 người có thể ký kết hợp đồng cầu thủ chuyên nghiệp với CLB Futsal khác nếu có sự đồng ý của CLB bóng đá 11 người hiện tại và ngược lại.

Điều 30. Tôn trọng hợp đồng, chấm dứt hợp đồng

1. Các bên có trách nhiệm tôn trọng và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo thỏa thuận được ghi nhận trong Hợp đồng cầu thủ chuyên nghiệp.

2. Không được đơn phương chấm dứt Hợp đồng cầu thủ chuyên nghiệp trong giai đoạn thi đấu của mùa giải mà không có lý do chính đáng hoặc trái với quy định của pháp luật.

3. Khi chấm dứt hợp đồng, trừ trường hợp có tranh chấp giữa các bên, CLB/cầu thủ phải gửi cho bên còn lại ít nhất 01 (một) văn bản thông báo chính thức về việc chấm dứt hợp đồng cầu thủ chuyên nghiệp trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày chấm dứt.

4. Cầu thủ không phải là cầu thủ chuyên nghiệp có thể ký kết hợp đồng lao động (không phải là hợp đồng cầu thủ chuyên nghiệp) hoặc thỏa thuận đào tạo tuân theo các quy định của pháp luật Việt Nam (nếu có).

5. Hợp đồng cầu thủ chuyên nghiệp chấm dứt trong các trường hợp sau:

a) Hết thời hạn hợp đồng cầu thủ chuyên nghiệp mà các bên không thỏa thuận gia hạn hoặc ký kết hợp đồng mới;

b) Các bên thỏa thuận chấm dứt hợp đồng cầu thủ chuyên nghiệp trước thời hạn;

c) Một bên đơn phương chấm dứt hợp đồng cầu thủ chuyên nghiệp theo quy định của pháp luật;

d) Chấm dứt hợp đồng cầu thủ chuyên nghiệp vì lý do chính đáng, bao gồm cả các lý do thể thao chính đáng;

đ) Các trường hợp khác phù hợp với các quy định của pháp luật và quy định của FIFA.

Điều 31. Chấm dứt hợp đồng cầu thủ chuyên nghiệp với lý do chính đáng

1. Khi đơn phương chấm dứt hợp đồng cầu thủ chuyên nghiệp, bên chấm dứt phải có lý do chính đáng hoặc căn cứ theo quy định của pháp luật. Trường hợp đơn phương chấm dứt trái quy định của pháp luật hoặc không có lý do chính đáng, bên vi phạm sẽ phải chịu trách nhiệm theo các quy định của pháp luật, quy định của LĐBĐVN và FIFA.

2. Cầu thủ có thể đơn phương chấm dứt hợp đồng cầu thủ chuyên nghiệp trước thời hạn vì lý do thể thao chính đáng trong trường hợp sau:

a) Trong một mùa giải, nếu cầu thủ được ra sân ít hơn 10% tổng số trận đấu chính thức của CLB, cầu thủ có thể đơn phương chấm dứt hợp đồng cầu thủ chuyên nghiệp. Trong trường hợp này, cầu thủ không bị áp dụng các biện pháp phạt thể thao nhưng có thể phải bồi thường theo thỏa thuận tại hợp đồng cầu thủ chuyên nghiệp hoặc theo thỏa thuận khác của các bên ở mức hợp lý;

b) Quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng cầu thủ chuyên nghiệp theo điểm a khoản này chỉ được thực hiện sau 15 (mười lăm) ngày kể từ trận đấu chính thức cuối cùng trong mùa giải mà cầu thủ đã được đăng ký thi đấu và cầu thủ phải thông báo bằng văn bản cho CLB.

3. Cầu thủ có thể đơn phương chấm dứt hợp đồng cầu thủ chuyên nghiệp trước thời hạn vì lý do nợ lương, thù lao trong các trường hợp sau:

a) Cầu thủ không được CLB trả tối thiểu 02 (hai) tháng tiền lương sau khi đến kỳ hạn trả lương, thù lao theo thỏa thuận;

b) Trường hợp cầu thủ không hưởng lương theo tháng, nếu CLB không trả khoản tiền lương tương đương tối thiểu 02 (hai) tháng tiền lương khi đến hạn, cầu thủ có thể đơn phương chấm dứt hợp đồng cầu thủ chuyên nghiệp trước thời hạn;

c) Quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng cầu thủ chuyên nghiệp theo các điểm a, b khoản này chỉ được thực hiện khi cầu thủ đã thông báo bằng văn bản cho CLB về việc không thanh toán tiền lương, thù lao và đã đưa ra thời hạn tối thiểu là 15 (mười lăm) ngày để CLB thực hiện nghĩa vụ tài chính nhưng CLB vẫn không hoàn tất;

d) Trong trường hợp các bên có thỏa ước lao động tập thể phù hợp với quy định pháp luật, thỏa ước lao động tập thể đó sẽ được ưu tiên áp dụng.

4. Khi một bên đơn phương chấm dứt hợp đồng cầu thủ chuyên nghiệp với bên còn lại vì lý do chính đáng, bên đơn phương chấm dứt phải thông báo bằng văn bản cho bên còn lại về việc chấm dứt và có nghĩa vụ gửi 01 (một) bản sao văn bản thông báo đó cho LĐBĐVN.

Trong trường hợp này, nhằm đảm bảo quyền lợi đăng ký của cầu thủ, cầu thủ có thể được đăng ký cho một CLB mới sau khi có thông báo đơn phương chấm dứt hợp đồng cầu thủ chuyên nghiệp hợp lệ. Tuy nhiên, cầu thủ và CLB mới có thể phải liên đới chịu trách nhiệm nếu việc đơn phương chấm dứt hợp đồng cầu thủ chuyên nghiệp là trái pháp luật hoặc không có lý do chính đáng, kể cả khi cầu thủ đã được đăng ký.

5. Thù lao là tổng số tiền và các khoản tài chính mà CLB trả cho cầu thủ theo công việc được quy định trong hợp đồng cầu thủ chuyên nghiệp và/hoặc các thỏa thuận khác có liên quan đã được thương lượng và ký kết, trong đó bao gồm nhưng không giới hạn: tiền lương, bất kỳ khoản phí ký hợp đồng và khoản tiền thưởng phải trả theo điều kiện thỏa thuận.

Để làm rõ, các khoản tiền thỏa thuận liên quan đến việc chuyển nhượng trong tương lai và bất kỳ khoản lợi ích, phụ cấp ngoài lương như cung cấp phương tiện đi lại, chỗ ở, dịch vụ điện thoại hoặc chi phí liên quan tới hình ảnh cầu thủ không được coi là thù lao.

Điều 32. Hậu quả của việc chấm dứt hợp đồng cầu thủ chuyên nghiệp không có lý do chính đáng, trái với quy định của pháp luật

1. Việc chấm dứt hợp đồng cầu thủ chuyên nghiệp không có lý do chính đáng hoặc trái với quy định của pháp luật không ảnh hưởng tới quyền khởi kiện tranh chấp về lao động và yêu cầu bồi thường thiệt hại của các bên tại Tòa án Nhân dân có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Bên đơn phương chấm dứt hợp đồng cầu thủ chuyên nghiệp không có lý do chính đáng hoặc trái với quy định của pháp luật có nghĩa vụ bồi thường cho bên còn lại.

2. Mức tiền bồi thường có thể được xem xét nếu quy định một cách hợp lý trong hợp đồng cầu thủ chuyên nghiệp giữa các bên. Trong trường hợp hợp đồng không có điều khoản này, mức bồi thường sẽ được tính toán trên cơ sở quy định của pháp luật về lao động, Quy chế này, quy định của FIFA và đặc thù của môn bóng đá. Mức bồi thường đồng thời cũng được xác định trên cơ sở tiền lương, thù lao, các chi phí tương ứng với thời gian còn lại của hợp đồng khi bị chấm dứt trước thời hạn (tối đa là 36 tháng đối với hợp đồng có thời hạn dài hơn 36 tháng) và bao gồm nhưng không giới hạn các khoản phí, chi phí, phụ cấp theo thỏa thuận.

3. Quy định về mức bồi thường giảm nhẹ và mức bồi thường tăng nặng của FIFA có thể được áp dụng.

4. Trong trường hợp thỏa ước lao động tập thể khác với các quy định nêu trên nhưng phù hợp với quy định của pháp luật về lao động và có lợi cho người lao động, thì áp dụng theo thỏa ước lao động tập thể đó.

5. Quyền được hưởng bồi thường không được chuyển nhượng cho bên thứ ba. Cầu thủ và CLB có thể phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về nghĩa vụ bồi thường.

6. Ngoài nghĩa vụ bồi thường, bên vi phạm có thể phải chịu các hình thức kỷ luật theo Quy định về kỷ luật của LĐBĐVN, bao gồm nhưng không giới hạn

việc cấm tham gia các hoạt động bóng đá do LĐBĐVN và/hoặc các thành viên của LĐBĐVN quản lý, tổ chức.

Điều 33. Nguyên tắc mượn cầu thủ chuyên nghiệp

Tuân theo quy định của FIFA, CLB cho mượn, CLB mượn và cầu thủ phải đảm bảo thực hiện các quy định sau:

1. CLB chỉ được phép thực hiện việc mượn, cho mượn đối với cầu thủ chuyên nghiệp.

2. Để thực hiện việc mượn cầu thủ, CLB mượn, CLB cho mượn và cầu thủ phải ký kết hợp đồng mượn theo quy định của Quy chế này.

3. Trong thời gian mượn, ngoài hợp đồng mượn theo quy định tại khoản 2 Điều này, CLB mượn phải ký kết hợp đồng cầu thủ chuyên nghiệp với cầu thủ. Thời hạn hợp đồng cầu thủ chuyên nghiệp phải tương ứng với thời hạn của hợp đồng mượn và đảm bảo tuân thủ các quy định của Quy chế này, FIFA và quy định của pháp luật liên quan.

4. Hợp đồng cầu thủ chuyên nghiệp giữa CLB cho mượn và cầu thủ phải đảm bảo có thời hạn tối thiểu cho đến khi kết thúc thời hạn mượn.

5. Nghiêm cấm việc cho mượn lại hoặc chuyển nhượng cầu thủ cho một bên thứ ba trong thời gian hợp đồng mượn còn hiệu lực.

6. Việc mượn, cho mượn cầu thủ giữa CLB Việt Nam và CLB nước ngoài phải tuân thủ quy định của FIFA và các quy định liên quan.

7. Mỗi CLB phải tuân thủ giới hạn về số lượng cầu thủ mượn, cho mượn như sau:

Phân loại	Số lượng cầu thủ tối đa CLB được phép mượn	Số lượng cầu thủ tối đa CLB được phép cho mượn
Mượn quốc tế	06 cầu thủ/mùa giải	06 cầu thủ/mùa giải
Mượn trong nước	Lộ trình áp dụng đối với việc mượn cầu thủ trong nước được quy định như sau: - Từ mùa giải 2026/2027: Mỗi CLB chỉ được mượn tối đa 07 cầu thủ/mùa giải. - Từ mùa giải 2027/2028 trở đi: Mỗi CLB chỉ được mượn tối đa 06 cầu thủ/mùa giải.	

Phân loại	Số lượng cầu thủ tối đa CLB được phép mượn	Số lượng cầu thủ tối đa CLB được phép cho mượn
	Lưu ý: CLB không bị hạn chế số lượng cầu thủ cho mượn.	
Ghi chú	- Mượn trong nước là việc mượn cầu thủ giữa 02 (hai) CLB Việt Nam; - Mượn quốc tế là việc mượn cầu thủ mà 01 (một) bên là CLB nước ngoài.	

Điều 34. Hợp đồng mượn cầu thủ chuyên nghiệp

1. Hợp đồng mượn cầu thủ chuyên nghiệp phải được sự đồng thuận của các bên và đảm bảo tối thiểu các nội dung sau:

- a) Thông tin của các bên tham gia hợp đồng: CLB cho mượn, CLB mượn và cầu thủ;
- b) Thời hạn mượn;
- c) Thỏa thuận về chi phí mượn hoặc việc trả lương, chi phí, thù lao, cách thức thanh toán và thời hạn thanh toán (nếu có);
- d) Quyền và nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp của các bên;
- đ) Thông tin về đại diện bóng đá tham gia giao dịch (nếu có);
- e) Chữ ký, đóng dấu của các bên trong hợp đồng;
- g) Các thỏa thuận khác (nếu có).

2. Theo quy định của FIFA, hợp đồng mượn phải có thời hạn tối thiểu tương đương nửa mùa giải. Thời hạn mượn tối đa là một năm và ngày kết thúc hợp đồng mượn phải trùng với giai đoạn đăng ký hoặc thời điểm kết thúc của mùa giải tương ứng.

3. Khi đăng ký cầu thủ dưới hình thức mượn, CLB phải đăng tải Hợp đồng mượn trên Hệ thống đăng ký.

4. Trong thời hạn mượn, bên nào đơn phương chấm dứt hợp đồng cầu thủ chuyên nghiệp trái pháp luật hoặc không có lý do chính đáng có thể phải bồi thường và chịu các hình thức kỷ luật của LĐBĐVN.

Điều 35. Nguyên tắc chuyển nhượng cầu thủ

1. CLB thực hiện việc chuyển nhượng cầu thủ thông qua Hệ thống đăng ký, CLB mới và CLB trước đây phải cùng đồng thuận về việc chuyển nhượng cầu thủ.

2. Trong trường hợp cầu thủ chuyên nghiệp chuyển tới CLB mới dưới hình thức chuyển nhượng tự do từ CLB trước đây, CLB mới phải đăng tải bằng chứng hợp lệ về việc cầu thủ đã chấm dứt hợp đồng cầu thủ chuyên nghiệp với CLB trước đây. Các bằng chứng, tài liệu này bao gồm nhưng không giới hạn: Thanh lý hợp đồng, thỏa thuận chấm dứt hợp đồng, hợp đồng cũ đã hết hạn,...

LĐBĐVN nghiêm cấm CLB trước đây có hành vi ngăn cản việc chuyển nhượng cầu thủ tự do dưới bất kỳ hình thức nào, bao gồm nhưng không giới hạn các hành vi như không hợp tác phê duyệt hoặc không đồng thuận cho việc chuyển nhượng cầu thủ trên Hệ thống đăng ký, trừ trường hợp CLB trước đây có lý do chính đáng và hợp pháp.

3. Trong trường hợp cầu thủ không thuộc diện chuyển nhượng tự do theo khoản 2 Điều này, CLB phải có Hợp đồng chuyển nhượng cầu thủ theo quy định của Quy chế này.

4. CLB không được sử dụng tiền, tài sản hay bất kỳ lợi ích nào đối với cầu thủ hoặc người có ảnh hưởng đến cầu thủ nhằm xúi giục cầu thủ ký kết hợp đồng cầu thủ chuyên nghiệp với CLB mình hoặc CLB khác trong thời gian hợp đồng giữa cầu thủ và CLB hiện tại còn hiệu lực. Cầu thủ cũng không được xúi giục hoặc tìm cách xúi giục các cầu thủ khác trong CLB rời bỏ CLB vì bất kỳ lý do nào.

Trong trường hợp vi phạm điều khoản này, CLB và cầu thủ sẽ phải chịu các hình thức kỷ luật của LĐBĐVN.

Điều 36. Hợp đồng chuyển nhượng cầu thủ

1. Hợp đồng chuyển nhượng cầu thủ là thỏa thuận giữa 02 (hai) CLB và cầu thủ, được lập tại thời điểm hợp đồng cầu thủ chuyên nghiệp giữa cầu thủ và CLB chuyển nhượng còn hiệu lực. Theo đó, CLB chuyển nhượng (CLB đang có hợp đồng cầu thủ chuyên nghiệp còn hiệu lực với cầu thủ) chuyển giao quyền ký kết hợp đồng chuyên nghiệp với cầu thủ cho CLB nhận chuyển nhượng (CLB mới). CLB nhận chuyển nhượng phải trả tiền và/hoặc các chi phí liên quan cho CLB chuyển nhượng theo thỏa thuận của các bên.

2. Hợp đồng chuyển nhượng cầu thủ giữa 02 (hai) CLB phải được lập thành văn bản, đồng thời đảm bảo các nội dung tối thiểu như sau:

a) Thông tin của các bên tham gia hợp đồng: CLB chuyển nhượng, CLB nhận chuyển nhượng và cầu thủ;

b) Ngày chuyển nhượng;

c) Thỏa thuận về phí chuyển nhượng, cách thức thanh toán và thời hạn thanh toán;

d) Quyền và nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp của các bên;

đ) Thông tin về đại diện bóng đá tham gia giao dịch (nếu có);

e) Chữ ký, đóng dấu của các bên trong hợp đồng;

g) Các thỏa thuận khác (nếu có).

3. Khi tiến hành chuyển nhượng, CLB chuyển nhượng phải chuyển giao đầy đủ hồ sơ bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, hồ sơ bảo hiểm theo quy định của pháp luật và các hồ sơ liên quan đến kỷ luật của cầu thủ (nếu có) cho CLB nhận chuyển nhượng.

4. Việc chuyển nhượng quốc tế cầu thủ chuyên nghiệp phải tuân thủ các quy định của FIFA. Trong trường hợp chuyển nhượng có phát sinh chi phí đào tạo cầu thủ và/hoặc chi phí chia sẻ quyền lợi, việc thực hiện phải tuân thủ các quy định tại Quy chế này và quy định của FIFA (nếu có).

Điều 37. Giấy chứng nhận chuyển nhượng quốc tế - ITC

1. Giấy chứng nhận chuyển nhượng quốc tế (ITC) là tài liệu bắt buộc đối với việc đăng ký một cầu thủ đã từng được đăng ký tại Liên đoàn bóng đá quốc gia khác trước khi đăng ký tại LĐBĐVN.

2. Trình tự, thủ tục và hồ sơ cấp ITC phải tuân thủ các quy định liên quan của FIFA.

3. Trình tự, thủ tục cấp ITC đối với môn bóng đá 11 người được thực hiện trên hệ thống FIFA TMS. Đối với môn Futsal, việc cấp ITC không thực hiện trên hệ thống FIFA TMS, các bên liên quan thực hiện theo quy định của FIFA.

Điều 38. Cầu thủ thực hiện nghĩa vụ quân sự

1. Cầu thủ chịu trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ quân sự theo quy định của pháp luật. Cầu thủ đang trong độ tuổi gọi nhập ngũ nhưng chưa thực hiện nghĩa vụ quân sự vẫn có thể ký hợp đồng cầu thủ chuyên nghiệp.

2. CLB có trách nhiệm để cầu thủ thực hiện nghĩa vụ quân sự theo quy định của pháp luật. Trong thời gian thực hiện nghĩa vụ quân sự, hợp đồng cầu thủ chuyên nghiệp được tạm hoãn. CLB không được đơn phương chấm dứt hợp đồng

vì lý do cầu thủ đang hoặc chuẩn bị thực hiện nghĩa vụ quân sự, trừ khi có thỏa thuận bằng văn bản giữa các bên. Sau khi hoàn thành nghĩa vụ, cầu thủ có quyền tiếp tục thực hiện hợp đồng nếu còn thời hạn.

3. Khi cầu thủ chuyên nghiệp thực hiện nghĩa vụ quân sự hoặc các thủ tục liên quan theo quy định của pháp luật, các bên được quyền thỏa thuận về việc thực hiện và/hoặc tạm hoãn các nghĩa vụ trong hợp đồng cầu thủ chuyên nghiệp trong thời gian cầu thủ thực hiện nghĩa vụ quân sự.

4. Cầu thủ sau khi hoàn thành nghĩa vụ quân sự có quyền tiếp tục đăng ký với CLB mà cầu thủ đã được đăng ký trước khi thực hiện nghĩa vụ quân sự nếu hợp đồng với CLB đó còn hiệu lực.

5. CLB và/hoặc cầu thủ vi phạm quy định tại điều khoản này sẽ phải chịu hình phạt kỷ luật theo quy định của LĐBĐVN.

Điều 39. Chấm dứt hoạt động thi đấu bóng đá của cầu thủ

Cầu thủ được coi là đã chấm dứt hoạt động thi đấu bóng đá trong các trường hợp sau đây:

1. Đối với cầu thủ chuyên nghiệp: Sau thời hạn 30 (ba mươi) tháng kể từ khi hợp đồng cầu thủ chuyên nghiệp cuối cùng hết hạn, cầu thủ không ký kết thêm bất kỳ hợp đồng cầu thủ chuyên nghiệp mới và không thực hiện bất kỳ đăng ký nào.

2. Đối với cầu thủ nghiệp dư: Sau thời hạn 30 (ba mươi) tháng kể từ ngày thi đấu trận đấu chính thức cuối cùng cho một CLB, cầu thủ không còn tham gia hoạt động thi đấu và không đăng ký tại bất kỳ CLB nào.

Chương IV

HLV BÓNG ĐÁ VÀ QUAN CHỨC CẦU LẠC BỘ

Điều 40. HLV bóng đá

1. HLV bóng đá (HLV) là cá nhân có Chứng chỉ huấn luyện theo quy định của LĐBĐVN và được tuyển dụng thông qua hợp đồng lao động bằng văn bản với CLB hoặc LĐBĐVN. Việc tuyển dụng và thực hiện công việc của HLV bóng đá phải tuân thủ theo quy định của pháp luật lao động Việt Nam và các quy định liên quan.

2. Chức danh của HLV bóng đá bao gồm:

- a) HLV trưởng;
- b) Trợ lý HLV;

b

- c) HLV thể lực;
- d) HLV thủ môn.

Điều 41. Quyền lợi và trách nhiệm của HLV

1. HLV phải tuân thủ các quy định tại Điều lệ giải, Quy chế này và các quy định của FIFA, AFC và LĐBĐVN.
2. HLV được CLB đăng ký tham dự các giải đấu với LĐBĐVN và Đơn vị tổ chức giải trên Hệ thống đăng ký theo các quy định về đăng ký HLV.
3. HLV phải ký hợp đồng lao động với CLB. Hợp đồng lao động phải đảm bảo đầy đủ các nội dung theo quy định của pháp luật về lao động Việt Nam, phù hợp với Quy chế này và các quy định liên quan.
4. HLV không được đồng thời ký hợp đồng lao động với nhiều CLB. Trong trường hợp HLV ký hợp đồng lao động và được đăng ký tại nhiều CLB, HLV phải nhận được sự đồng thuận của tất cả các CLB liên quan. HLV không được đăng ký cho nhiều hơn 01 (một) CLB thi đấu tại một thời điểm trong cùng một giải đấu.
5. HLV được quyền yêu cầu LĐBĐVN bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình thông qua cơ chế giải quyết tranh chấp, khiếu nại trong trường hợp HLV bị CLB xử lý kỷ luật hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái quy định.
6. HLV được hưởng các quyền lợi và thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và các quy định liên quan của LĐBĐVN (nếu có).

Điều 42. Hợp đồng lao động của HLV

1. HLV phải ký hợp đồng lao động với CLB theo quy định của pháp luật lao động Việt Nam và phù hợp với quy định của FIFA, AFC và Quy chế này.
2. Hợp đồng lao động phải được lập thành tối thiểu 02 (hai) bản chính: 01 (một) bản lưu tại CLB, 01 (một) bản do HLV giữ.
3. Hợp đồng lao động phải quy định về nghĩa vụ của HLV trong việc tuân thủ các quy định hiện hành của CLB. CLB có trách nhiệm phải thông báo và cung cấp cho HLV nội quy, quy định, quy chế và thỏa ước lao động tập thể (nếu có) của CLB khi ký hợp đồng lao động.
4. Các điều khoản trong hợp đồng lao động cho phép CLB gia hạn thêm thời gian thanh toán số tiền đã đến hạn đối với HLV sẽ không được công nhận, trừ khi được quy định trong thỏa ước lao động tập thể có hiệu lực theo quy định pháp luật.

5. Việc xử lý kỷ luật đối với HLV không được trái quy định của pháp luật lao động Việt Nam và các quy định liên quan. Trong trường hợp việc áp dụng kỷ luật là không đúng, CLB có trách nhiệm huỷ bỏ quyết định kỷ luật, công khai xin lỗi HLV trước toàn đội, phục hồi danh dự và các quyền lợi vật chất của HLV như trước thời điểm bị kỷ luật.

6. Trường hợp HLV đang trong thời gian bị đình chỉ hoặc cấm làm nhiệm vụ theo quyết định kỷ luật của LĐBĐVN mà ký hợp đồng lao động với CLB mới, CLB mới có trách nhiệm thực thi đầy đủ các biện pháp kỷ luật đối với HLV theo quyết định đó.

Điều 43. Chấm dứt hợp đồng lao động của HLV

1. Hợp đồng lao động của HLV chỉ được chấm dứt khi hết thời hạn hoặc theo sự thỏa thuận của các bên hoặc theo quy định của pháp luật.

2. Chấm dứt hợp đồng lao động của HLV trước thời hạn:

a) CLB hoặc HLV có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn trong các trường hợp theo quy định của pháp luật lao động Việt Nam, Quy chế này và các quy định của FIFA. Bên đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật hoặc không có lý do chính đáng sẽ phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật, quy định của LĐBĐVN và FIFA;

b) Trường hợp CLB hoặc HLV có hành vi gian dối, ép buộc bên còn lại nhằm chấm dứt hoặc thay đổi các điều khoản của hợp đồng lao động, bên còn lại được quyền chấm dứt hợp đồng với lý do chính đáng mà không phải bồi thường.

3. Đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động của HLV trước thời hạn vì lý do nợ lương:

a) HLV có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn nếu không được CLB trả tối thiểu 02 (hai) tháng tiền lương khi đến hạn;

b) Trường hợp HLV không hưởng lương theo tháng và CLB không trả khoản tiền lương tối thiểu tương đương 02 (hai) tháng tiền lương khi đến hạn, HLV có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn;

c) HLV chỉ được quyền chấm dứt hợp đồng lao động theo các quy định tại điểm a, b của khoản này với điều kiện đã thông báo bằng văn bản cho CLB về việc không thanh toán tiền lương và đã kết thúc thời hạn tối thiểu là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày HLV thông báo để CLB thực hiện nghĩa vụ tài chính của mình;

d) Trường hợp thỏa ước lao động tập thể có quy định khác với các quy định tại điểm a, b, c của khoản này nhưng phù hợp với quy định của pháp luật lao động thì áp dụng theo thỏa ước lao động tập thể.

4. Hậu quả của việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động của HLV trái pháp luật hoặc không có lý do chính đáng:

a) Trong mọi trường hợp, bên vi phạm sẽ phải bồi thường. Mức bồi thường phá vỡ hợp đồng lao động của HLV được xác định trên cơ sở các quy định của pháp luật lao động Việt Nam, Quy chế này, các quy định liên quan và quy định đặc thù của môn bóng đá. Đồng thời, mức bồi thường cũng được tính toán trên cơ sở thời hạn còn lại của hợp đồng lao động bị chấm dứt trước thời hạn (tối đa 36 [ba mươi sáu] tháng đối với hợp đồng lao động không xác định thời hạn) trong trường hợp HLV không ký bất kỳ hợp đồng mới nào sau khi chấm dứt hợp đồng trước đó, cùng với các khoản phí và khoản phải chi do CLB đã trả hoặc phải chịu. Quy định của FIFA về mức bồi thường giảm nhẹ và mức bồi thường bổ sung có thể được xem xét áp dụng;

b) Nếu thỏa ước lao động tập thể có quy định khác với quy định tại điểm a của khoản này nhưng phù hợp với quy định của pháp luật lao động thì áp dụng theo thỏa ước lao động tập thể.

Điều 44. Quan chức phụ trách trong CLB

1. Quan chức phải được CLB đăng ký tham dự các giải đấu với LĐBĐVN và Đơn vị tổ chức giải trên Hệ thống đăng ký theo các quy định về đăng ký Quan chức.

2. Quan chức của CLB phải tuân thủ các quy định tại Điều lệ giải và quy định của FIFA, AFC và LĐBĐVN khi được CLB đăng ký tham dự các giải đấu với LĐBĐVN và Đơn vị tổ chức giải.

3. Quan chức của CLB bao gồm, nhưng không giới hạn ở các chức danh sau đây:

a) Lãnh đội (Trưởng đoàn, Phó trưởng đoàn, Giám đốc điều hành), Giám đốc kỹ thuật, Phó Giám đốc điều hành;

b) Nhân viên chuyên môn: Bác sĩ, nhân viên vật lý trị liệu, săn sóc viên, cán bộ truyền thông, phiên dịch, cán bộ phân tích kỹ thuật, nhân viên phục vụ, nhân viên an ninh;

c) Các chức danh khác theo quy định tại Điều lệ giải tương ứng.



4. CLB phải đăng ký quan chức ở các vị trí bắt buộc theo quy định của Điều lệ giải tương ứng. Các quan chức được đăng ký phải đáp ứng yêu cầu về bằng cấp, chứng chỉ theo quy định. Yêu cầu về bằng cấp, chứng chỉ đối với các quan chức được CLB đăng ký tại hệ thống các giải bóng đá chuyên nghiệp phải đảm bảo tối thiểu như sau:

- a) Giám đốc kỹ thuật: Chứng chỉ HLV A AFC hoặc văn bản xác nhận năng lực, kinh nghiệm làm việc hoặc thi đấu tại các CLB bóng đá chuyên nghiệp;
- b) Cán bộ truyền thông: Bằng cấp, chứng chỉ về truyền thông hoặc văn bản chứng minh kinh nghiệm liên quan;
- c) Bác sĩ/Nhân viên y tế đội bóng: Bằng bác sĩ hoặc bằng cấp y tế liên quan;
- d) Nhân viên vật lý trị liệu: Chứng chỉ đào tạo về vật lý trị liệu;
- đ) Nhân viên an ninh: Chứng chỉ đào tạo nghiệp vụ an ninh;
- e) Phiên dịch: Bằng cấp hoặc chứng chỉ ngoại ngữ liên quan.

Điều 45. Trình tự, thủ tục và hồ sơ đăng ký của HLV và quan chức CLB

1. CLB phải thực hiện việc đăng ký quan chức và HLV trên Hệ thống đăng ký thông qua tài khoản của CLB.

2. CLB phải đảm bảo nộp đầy đủ hồ sơ đăng ký của HLV và quan chức ít nhất 15 (mười lăm) ngày trước ngày khai mạc giải đấu mà người đó dự kiến tham dự. CLB có trách nhiệm nộp hồ sơ đăng ký đúng thời hạn, phù hợp với các quy định của Quy chế này và Điều lệ giải tương ứng.

3. Hồ sơ đăng ký đối với quan chức phải tuân thủ theo quy định của Điều lệ giải tương ứng; các quy định, thông báo của LĐBĐVN và tối thiểu phải bao gồm:

a) Phiếu đăng ký và cam kết của quan chức/HLV (Mẫu số 02/VFF-FORM tại Phụ lục V của Quy chế này);

b) Giấy tờ chứng minh nhân thân theo quy định của pháp luật, bao gồm nhưng không giới hạn: Căn cước công dân/Căn cước, giấy khai sinh, hộ chiếu (đối với trường hợp quan chức đăng ký lần đầu tiên trên Hệ thống đăng ký). Trường hợp CLB muốn thay đổi các giấy tờ trên, CLB phải thực hiện cập nhật lại trên Hệ thống đăng ký. Các tài liệu trên phải còn thời hạn ít nhất 01 (một) năm kể từ thời điểm đăng ký;

c) Bằng cấp, chứng chỉ liên quan của quan chức theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ giải tương ứng;

d) Các tài liệu, hồ sơ khác theo quy định của Điều lệ giải tương ứng.

4. Hồ sơ đăng ký đối với HLV phải tuân thủ theo quy định của Điều lệ giải tương ứng; các quy định, thông báo của LĐBĐVN và tối thiểu phải bao gồm:

a) Phiếu đăng ký và cam kết của quan chức/HLV (Mẫu số 02/VFF-FORM đính kèm tại Phụ lục V của Quy chế này);

b) Giấy tờ chứng minh nhân thân theo quy định của pháp luật, bao gồm nhưng không giới hạn: Căn cước công dân/Căn cước, giấy khai sinh, hộ chiếu (đối với trường hợp HLV đăng ký lần đầu tiên trên Hệ thống đăng ký). Trường hợp CLB muốn thay đổi các giấy tờ trên, CLB phải thực hiện cập nhật lại trên Hệ thống đăng ký. Các tài liệu trên phải còn thời hạn ít nhất 01 (một) năm kể từ thời điểm đăng ký;

c) Bằng cấp, chứng chỉ liên quan đối với HLV theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ giải tương ứng;

d) Các tài liệu, hồ sơ khác theo quy định của Điều lệ giải tương ứng.

5. Tiêu chuẩn về bằng cấp, chứng chỉ tối thiểu đối với HLV được quy định tại Phụ lục IV của Quy chế này.

Chương V

ĐẠI DIỆN BÓNG ĐÁ

Điều 46. Quy định chung về đại diện bóng đá

1. Đại diện bóng đá là cá nhân có Chứng chỉ đại diện bóng đá của FIFA và thực hiện cung cấp dịch vụ đại diện bóng đá cho khách hàng theo quy định tại Quy chế Đại diện bóng đá Việt Nam và quy định của FIFA.

2. LĐBĐVN chỉ công nhận đại diện bóng đá được cấp Chứng chỉ theo quy định của FIFA, bao gồm cả trường hợp cung cấp dịch vụ đại diện bóng đá trong nước.

3. Đại diện bóng đá có trách nhiệm duy trì tiêu chuẩn về tư cách hành nghề phù hợp với các quy định của FIFA và Quy chế Đại diện bóng đá Việt Nam trong suốt quá trình hành nghề.

4. Quyền và nghĩa vụ của đại diện bóng đá được thực hiện theo các quy định tại Quy chế Đại diện bóng đá Việt Nam và các quy định của FIFA.

5. Quy chế về địa vị trung gian của LĐBĐVN hết hiệu lực kể từ ngày 01/10/2023. Kể từ thời điểm này, việc cung cấp dịch vụ đại diện bóng đá và các vấn đề liên quan đến hoạt động đại diện bóng đá được thực hiện theo Quy chế Đại diện bóng đá Việt Nam và các quy định của FIFA.

6. Danh sách đại diện bóng đá đã được cấp Chứng chỉ sẽ được FIFA công bố công khai trên cổng thông tin trực tuyến chính thức.

7. CLB, cầu thủ, HLV và các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm kiểm tra và chỉ sử dụng đại diện bóng đá hợp pháp theo quy định trước khi thực hiện bất kỳ hoạt động đại diện, giao dịch hoặc chuyển nhượng nào.

8. Nghiêm cấm hành vi sử dụng đại diện bóng đá trái phép hoặc đại diện bóng đá không có chứng chỉ theo quy định của FIFA. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định này sẽ phải chịu các hình thức kỷ luật của FIFA, AFC và LĐBĐVN.

Điều 47. Kỳ thi đại diện bóng đá

1. Kỳ thi đại diện bóng đá được tổ chức định kỳ hàng năm, theo hình thức thi trực tuyến trên nền tảng do FIFA vận hành và đánh giá.

2. Các thí sinh đăng ký tham dự kỳ thi đại diện bóng đá phải đảm bảo đủ điều kiện và tuân thủ quy trình do FIFA quy định và các văn bản, thông báo hướng dẫn của LĐBĐVN tại từng thời điểm tương ứng.

3. Lệ phí đăng ký tham dự kỳ thi đại diện bóng đá sẽ do FIFA công bố và thông báo tới các thí sinh.

4. Trình tự, thủ tục của kỳ thi đại diện bóng đá sẽ được FIFA công bố hàng năm. Trong trường hợp có mâu thuẫn hoặc khác biệt giữa trình tự, thủ tục của FIFA và trình tự, thủ tục tại Quy chế này, các thông báo và quy định liên quan của FIFA sẽ được ưu tiên áp dụng.

Chương VI

BỒI HOÀN CHI PHÍ ĐÀO TẠO VÀ CHIA SẺ QUYỀN LỢI

Điều 48. Lý lịch điện tử của cầu thủ

1. Lý lịch điện tử của cầu thủ (Electronic Player Passport - EPP) là tài liệu điện tử ghi nhận các dữ liệu liên quan đến quá trình hoạt động nghề nghiệp của một cầu thủ, bao gồm: thông tin đăng ký, thông tin cá nhân và tư cách cầu thủ (chuyên nghiệp hoặc nghiệp dư) theo quy định của FIFA để làm căn cứ xác định chi phí bồi thường đào tạo và chi phí chia sẻ quyền lợi trong quá trình chuyển nhượng quốc tế.

2. Việc lập, cập nhật và hoàn thiện Lý lịch điện tử của cầu thủ phải được thực hiện theo quy trình do FIFA quy định. Các CLB liên quan đến quá trình đào tạo và đăng ký cầu thủ có nghĩa vụ phối hợp với LĐBĐVN theo yêu cầu để hoàn thiện Lý lịch điện tử của cầu thủ và chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin do CLB cung cấp.

Điều 49. Bồi hoàn chi phí đào tạo và chia sẻ quyền lợi trong chuyển nhượng quốc tế

1. Việc áp dụng và tính toán bồi hoàn chi phí đào tạo và chia sẻ quyền lợi trong chuyển nhượng quốc tế được thực hiện theo quy định của FIFA.

2. Trong trường hợp CLB Việt Nam yêu cầu bồi thường chi phí đào tạo và chia sẻ quyền lợi liên quan đến chuyển nhượng quốc tế, CLB phải thực hiện yêu cầu trên hệ thống FIFA TMS và các hệ thống liên quan, tuân thủ theo các quy trình và thủ tục của FIFA.

3. Tuân theo quy định và phân loại của FIFA, tất cả các CLB Việt Nam sẽ được xếp ở cấp độ đào tạo số 4 (bốn) khi tham gia chuyển nhượng quốc tế. Đây là cấp độ đào tạo do FIFA thông báo và bắt buộc áp dụng. Trong trường hợp có sự thay đổi về cấp độ đào tạo, FIFA và LĐBĐVN sẽ thông báo cụ thể tới các CLB.

Điều 50. Chi phí chia sẻ quyền lợi đối với chuyển nhượng trong nước

1. Chi phí chia sẻ quyền lợi đối với chuyển nhượng trong nước là khoản chi phí nhằm hỗ trợ các CLB, các trung tâm đào tạo và các bên có đóng góp vào việc đào tạo cầu thủ, phù hợp với tinh thần của FIFA nhằm thúc đẩy công tác đào tạo trẻ trong nước.

2. Trong một giao dịch chuyển nhượng hoặc mượn cầu thủ không có yếu tố nước ngoài, CLB mới nhận chuyển nhượng hoặc mượn cầu thủ có nghĩa vụ thanh toán chi phí chia sẻ quyền lợi này cho các CLB, trung tâm đào tạo và các bên liên quan, nếu giao dịch đáp ứng tất cả các điều kiện sau đây:

a) Việc chuyển nhượng hoặc mượn cầu thủ được thực hiện thông qua hợp đồng chuyển nhượng hoặc hợp đồng mượn có phí;

b) Trước khi chuyển nhượng hoặc cho mượn, hợp đồng của cầu thủ và CLB trước đây vẫn còn thời hạn (được hiểu là cầu thủ đó không phải là cầu thủ tự do);

c) Cầu thủ phải từ đủ 23 tuổi trở lên tại thời điểm giao dịch chuyển nhượng hoặc cho mượn diễn ra.

3. Khi giao dịch chuyển nhượng hoặc cho mượn đáp ứng đầy đủ các điều kiện tại khoản 2 Điều này, 10% phí chuyển nhượng hoặc cho mượn từ hợp đồng chuyển nhượng hoặc hợp đồng cho mượn phải được trích ra để thanh toán chi phí chia sẻ quyền lợi ("Tổng số tiền chi phí chia sẻ quyền lợi"), trừ khi có thỏa thuận khác hợp lệ giữa các bên.

Điều 51. Thanh toán chi phí chia sẻ quyền lợi đối với chuyển nhượng trong nước

1. Tổng số tiền chi phí chia sẻ quyền lợi sẽ được phân chia cho tất cả CLB, trung tâm đào tạo, các bên liên quan đã đăng ký, đào tạo cầu thủ từ năm cầu thủ đủ 12 tuổi đến năm cầu thủ đủ 23 tuổi. Tỷ lệ phân chia tổng số tiền chi phí chia sẻ quyền lợi cụ thể như sau:

- a) Từ 12 - 15 tuổi: Mỗi năm là 0,5% tổng số tiền chi phí chia sẻ quyền lợi;
- b) Từ 16 - 23 tuổi: Mỗi năm là 1 % tổng số tiền chi phí chia sẻ quyền lợi.

2. Bên yêu cầu thanh toán chi phí chia sẻ quyền lợi phải gửi đến CLB mới của cầu thủ ("CLB có nghĩa vụ thanh toán") văn bản đề nghị thanh toán chi phí chia sẻ quyền lợi theo quy định và gửi đến LĐBĐVN một bản sao của văn bản đó để thông báo. Văn bản đề nghị thanh toán phải có đầy đủ thông tin sơ bộ về cầu thủ và giao dịch liên quan.

3. Khi nhận được văn bản đề nghị thanh toán chi phí chia sẻ quyền lợi, CLB có nghĩa vụ thanh toán phải tiến hành phân chia và thanh toán cho các bên liên quan theo quy định tại Quy chế này trong vòng 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị thanh toán.

4. Trong trường hợp cầu thủ không được đăng ký liên tục từ năm đủ 12 tuổi tới năm đủ 23 tuổi (không đăng ký cho bên nào hoặc đăng ký không đủ một năm), tỷ lệ phân chia theo khoản 1 Điều này sẽ được tính toán lại sao cho phù hợp với tỷ lệ đăng ký thực tế của cầu thủ trong khoảng thời gian từ năm đủ 12 tuổi đến năm đủ 23 tuổi.

5. Trong trường hợp các CLB, trung tâm đào tạo hoặc các bên liên quan được hưởng toàn bộ hoặc một phần chi phí chia sẻ quyền lợi bị phá sản, giải thể, mất tư cách thành viên hoặc không còn tham gia hoạt động bóng đá, LĐBĐVN sẽ được tiếp nhận phần chi phí đó để sử dụng cho công tác đào tạo trẻ của bóng đá Việt Nam.

6. Trường hợp có bất đồng về việc xác định và phân chia chi phí chia sẻ quyền lợi, các bên liên quan có thể đề nghị LĐBĐVN tiến hành hòa giải và/hoặc giải quyết. Tranh chấp liên quan đến chi phí này không ảnh hưởng đến hoạt động thi đấu hoặc đăng ký của cầu thủ. Cầu thủ có quyền tiếp tục làm việc cho CLB mà mình đã ký hợp đồng, trừ khi LĐBĐVN có quyết định khác.

Chương VII TỔ CHỨC, QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH GIẢI ĐẤU

Mục 1. TỔ CHỨC, NHÂN SỰ THAM GIA ĐIỀU HÀNH GIẢI ĐẤU

Điều 52. Ban Tổ chức giải

1. Ban Tổ chức giải do LDBĐVN hoặc Đơn vị tổ chức giải thành lập, bao gồm đại diện của các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm đảm bảo về công tác chuyên môn, an ninh - trật tự, y tế, tài chính - tài trợ, đăng ký cầu thủ, truyền thông - tuyên truyền, phòng chống tiêu cực và các công tác cần thiết khác.

2. Ban Tổ chức giải có trách nhiệm điều hành công tác tổ chức các giải đấu theo các quy định tại Quy chế này, Điều lệ giải và Luật thi đấu bóng đá, chịu trách nhiệm trước LDBĐVN và Đơn vị tổ chức giải về kết quả của giải đấu.

3. Các quyết định của Ban Tổ chức giải sẽ được thực hiện thông qua thông báo gửi tới các thành phần tham dự giải đấu. Các thành phần tham dự giải đấu có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc các quyết định của Ban Tổ chức giải.

Điều 53. Nhiệm vụ của Ban Tổ chức giải

1. Trưởng Ban Tổ chức giải có trách nhiệm và quyền hạn cao nhất trong việc chỉ đạo, điều hành Ban Tổ chức giải và phối hợp với các phòng, ban chức năng của LDBĐVN hoặc Đơn vị tổ chức giải để thực hiện nhiệm vụ được giao.

2. Trưởng Ban Tổ chức giải có trách nhiệm phân công các thành viên Ban tổ chức giải đảm nhiệm các lĩnh vực công việc cụ thể trong công tác tổ chức.

3. Tổ chức phổ biến, hướng dẫn Luật thi đấu bóng đá, Điều lệ giải và các thông báo chính thức của LDBĐVN, Đơn vị Tổ chức giải, Ban Tổ chức giải cho các CLB/đội bóng tham dự giải đấu.

4. Ban hành các thông báo theo quy định về công tác tổ chức trận đấu, chế độ báo cáo và mẫu báo cáo của giám sát trận đấu, giám sát trọng tài và trọng tài.

5. Tổ chức khảo sát và đánh giá cơ sở vật chất của các CLB/đội bóng đăng ký tham dự giải đấu trước ngày khai mạc giải ít nhất 45 (bốn mươi lăm) ngày đối với CLB/đội bóng tham dự các giải bóng đá Chuyên nghiệp và 30 (ba mươi) ngày đối với CLB/đội bóng tham dự các giải bóng đá Bán Chuyên nghiệp, Nghiệp dư.

Căn cứ kết quả khảo sát và đánh giá sân thi đấu, Ban Tổ chức giải/Đơn vị Tổ chức giải sẽ quyết định việc đủ điều kiện tổ chức thi đấu tại sân vận động, sân thi đấu của CLB/đội bóng liên quan.

Trường hợp sân thi đấu không đủ điều kiện, Ban Tổ chức giải có quyền quyết định đình chỉ việc tổ chức trận đấu và phải thông báo cho CLB/đội bóng có

sân không đủ điều kiện ít nhất 30 (ba mươi) ngày đối với các CLB bóng đá tham gia các giải bóng đá chuyên nghiệp và 20 (hai mươi) ngày đối với các CLB/đội bóng tham gia các giải bóng đá Bán Chuyên nghiệp, Nghiệp dư trước khi trận đấu đầu tiên diễn ra trên sân theo lịch thi đấu.

6. LĐBĐVN, Ban Tổ chức giải có thể trực tiếp tiến hành và/hoặc yêu cầu CLB tổ chức lấy mẫu và thực hiện các xét nghiệm cần thiết nhằm phát hiện, phòng chống việc sử dụng các chất kích thích, chất gây nghiện hoặc các chất cấm khác theo quy định của FIFA và pháp luật. Tại một số trận đấu, công tác lấy mẫu và công tác kiểm tra có thể được tiến hành ngay sau khi kết thúc trận đấu. Quy định và hướng dẫn kiểm tra chất kích thích (doping) được thực hiện theo quy định của FIFA, AFC và LĐBĐVN.

7. Tham gia phối hợp trong công tác tập huấn giám sát, trọng tài, điều phối viên, cán bộ truyền thông, cán bộ an ninh trước và giữa mùa giải hàng năm.

8. Căn cứ danh sách giám sát trận đấu đã được lãnh đạo LĐBĐVN công nhận và phê duyệt hàng năm, Ban Tổ chức giải đề xuất Tổng Thư ký LĐBĐVN xem xét thông báo phân công làm nhiệm vụ tại các trận đấu và thực hiện đánh giá công tác của giám sát trận đấu.

9. Tiếp nhận, tổng hợp và xử lý các thông tin, báo cáo từ các giám sát sau mỗi trận đấu; đánh giá sự việc, chuyển các hồ sơ và kiến nghị các ban chức năng của LĐBĐVN xử lý các vi phạm (nếu có).

10. Lưu trữ các hồ sơ đăng ký tham dự giải, thông tin về lý lịch cá nhân và lịch sử đăng ký của cầu thủ, đảm bảo theo quy định về bảo mật thông tin tại Phụ lục II của Quy chế này.

11. Thực hiện công tác truyền thông, tuyên truyền cho các giải bóng đá và phối hợp với nhà tài trợ tổ chức phát hành các ấn phẩm có tính chất quảng cáo, tuyên truyền cho giải, tổ chức các cuộc họp, họp tổng kết giải.

12. Cấp thẻ thi đấu, thẻ vào sân cho cầu thủ, HLV, cán bộ, quan chức, phóng viên và thẻ làm nhiệm vụ cho các thành viên của Ban Tổ chức giải.

13. Thực hiện việc xem xét và xử lý những vấn đề kỷ luật trong giải đấu:

a) Khi có vi phạm, Ban Tổ chức giải tổng hợp hồ sơ, tài liệu liên quan để xem xét, giải quyết những vấn đề thuộc thẩm quyền và thông báo bằng văn bản cho CLB/đội bóng. Nếu vi phạm của các thành viên tham dự giải vượt quá thẩm quyền, Ban Tổ chức giải tổng hợp hồ sơ, tài liệu liên quan đến sự việc và đề xuất Ban Kỷ luật LĐBĐVN xem xét xử lý;

b) Ban Tổ chức giải có thể yêu cầu các thành viên liên quan có mặt để giải

trình và cung cấp các thông tin để hoàn thiện hồ sơ vụ việc. Ban Tổ chức giải không chịu chi phí ăn ở, di chuyển cho các thành viên được triệu tập, trừ khi có quyết định khác.

14. Thành viên trong Ban Tổ chức giải không được phép tiết lộ tin tức hoặc phát biểu nhận định của cá nhân về vụ việc vi phạm của tất cả các thành viên tham dự giải và/hoặc trận đấu (nếu có).

Điều 54. Giám sát trận đấu

1. Giám sát trận đấu do LDBĐVN tuyển chọn, đào tạo và quản lý. Căn cứ kết quả tập huấn, LDBĐVN đánh giá, lựa chọn danh sách giám sát trận đấu tham gia làm nhiệm vụ tại các giải bóng đá quốc gia.

2. Giám sát trận đấu là đại diện chính thức của LDBĐVN, Ban Tổ chức giải tại trận đấu, trực tiếp giải quyết các vấn đề có liên quan đến trận đấu, giám sát việc thi hành Luật thi đấu bóng đá, Quy chế này và Điều lệ giải của các thành viên tham gia trận đấu.

3. Giám sát trận đấu có trách nhiệm:

a) Chấp hành nghiêm túc các quy định tại Quy chế này, Điều lệ giải, Quy chế tổ chức và hoạt động của Giám sát;

b) Có mặt tại địa điểm tập trung muộn nhất vào 12 giờ (mười hai giờ), 02 (hai) ngày trước ngày diễn ra trận đấu hoặc trận đấu đầu tiên của giải đấu. Khi đến địa phương tổ chức trận đấu, phải thông báo sự có mặt của mình cho CLB chủ nhà; tìm hiểu và kịp thời giải quyết những khiếu nại liên quan đến điều kiện tập luyện, sinh hoạt của đội khách (nếu có);

c) Thực hiện các nội dung công việc được phân công theo lịch trình công tác đã được quy định.

4. Nhiệm vụ cụ thể và danh mục các công việc giám sát trận đấu bắt buộc phải hoàn thành bao gồm:

a) 02 (hai) ngày trước trận đấu:

- Có mặt tại địa phương;
- Làm việc với các CLB/đội bóng, Ban Tổ chức trận đấu, điều phối viên;
- Kiểm tra sân thi đấu, đảm bảo sân thi đấu đáp ứng các yêu cầu, quy định của Luật thi đấu bóng đá;

- Kiểm tra toàn diện về công tác chuẩn bị cho trận đấu của Ban Tổ chức trận đấu;

- Kiểm tra hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống phát điện dự phòng (nếu có);
- Hoàn tất và gửi các biên bản trước trận đấu (theo mẫu) về Ban Tổ chức giải theo quy định;

b) 01 (một) ngày trước trận đấu:

- Họp kỹ thuật trước trận đấu;
- Kiểm tra và quán xuyến việc tập luyện của 02 (hai) CLB/đội bóng tại buổi tập chính thức;
- Họp với giám sát trọng tài và tổ trọng tài;
- Kiểm tra việc tổ chức họp báo trước trận đấu;
- Hoàn tất và gửi các biên bản báo cáo trước trận đấu (theo mẫu) về Ban Tổ chức giải;

c) Ngày diễn ra trận đấu:

- Thực hiện đúng lịch trình phân bổ thời gian trước trận đấu;
- Kiểm tra trang phục thi đấu của các CLB/đội bóng, trang phục của trọng tài và các thành viên làm nhiệm vụ để đảm bảo không có sự trùng lặp về màu sắc trang phục;
- Kiểm tra việc thực hiện các quy định về quảng cáo, kịp thời can thiệp và báo cáo đầy đủ về Ban Tổ chức giải khi có sự vi phạm;
- Quan sát và ghi nhận, báo cáo một cách đầy đủ, trung thực, khách quan diễn biến trước, trong và sau trận đấu;
- Chỉ được rời khỏi sân thi đấu khi các CLB/đội bóng, tổ trọng tài, khán giả đã ra về an toàn;
- Ngay sau trận đấu, báo cáo kết quả cho lãnh đạo LĐBĐVN, Ban Tổ chức giải. Trường hợp có sự cố, hoặc trận đấu có biểu hiện tiêu cực, phải báo cáo ngay tới Trưởng Ban Tổ chức giải;
- Gửi báo cáo cho LĐBĐVN và Ban Tổ chức giải theo thời gian quy định và nộp đủ hồ sơ trận đấu, bao gồm: thẻ nhớ ghi hình kỹ thuật, biên bản trận đấu, bảng chấm điểm phong cách, phiếu chấm điểm trọng tài, báo cáo hoặc khiếu nại (nếu có) cho Ban Tổ chức giải. Trong trường hợp trận đấu có vấn đề nghiêm trọng, bất thường, phải viết tường trình chi tiết sự việc và nêu rõ chính kiến của mình;

- Tiếp nhận những khiếu nại đúng quy định. Khi tiếp nhận khiếu nại, không được phép đưa ra quan điểm, nhận xét của cá nhân về những nội dung khiếu nại liên quan. Không được phép xem lại băng ghi hình kỹ thuật tại sân thi đấu;

- Kiểm tra việc tổ chức họp báo sau trận đấu và các hoạt động phỏng vấn chính thức theo Điều lệ giải, các quy định và hướng dẫn của Ban Tổ chức giải;

- Không được phép trả lời báo chí về các vi phạm (nếu có) của tất cả các thành viên tham gia trận đấu;

d) Tùy thuộc vào tính chất của từng giải đấu/trận đấu, LDBĐVN hoặc Đơn vị tổ chức giải sẽ ban hành văn bản quy định phân bổ thời gian công tác của giám sát trận đấu cho phù hợp.

Điều 55. Trọng tài, trợ lý trọng tài và tổ trọng tài VAR

1. Trọng tài, trợ lý trọng tài và tổ trọng tài VAR (VAR, AVAR) là người kiểm soát và điều hành mọi diễn biến của trận đấu theo Luật thi đấu bóng đá, do LDBĐVN tuyển chọn, đào tạo và quản lý.

2. Trách nhiệm của Trọng tài tham gia điều hành các trận đấu:

a) Thực thi đúng nhiệm vụ, chức trách theo quy định của Luật thi đấu bóng đá;

b) Chấp hành nghiêm túc các quy định của Luật thi đấu bóng đá, Điều lệ giải, Quy chế này và Quy chế tổ chức và hoạt động của Trọng tài bóng đá Việt Nam; trung thực, vô tư và khách quan trong khi thi hành các nhiệm vụ của mình;

c) Có mặt tại địa phương tổ chức trận đấu, sân thi đấu, đảm bảo chương trình hoạt động trận đấu theo đúng thời gian quy định;

d) Sau trận đấu, trọng tài và trợ lý trọng tài hoàn tất các báo cáo theo quy định. Nếu có sự việc phát sinh, hoặc trận đấu có biểu hiện tiêu cực, trọng tài phải phối hợp với các giám sát lập báo cáo nêu rõ sự việc và những xử lý của mình trong trận đấu. Trợ lý trọng tài và trọng tài thứ 04 phải lập báo cáo về các tình huống có liên quan.

Điều 56. Giám sát trọng tài

1. Giám sát trọng tài là người giám sát việc thực thi Luật thi đấu của trọng tài khi điều hành trận đấu, do LDBĐVN tuyển chọn, đào tạo và quản lý.

2. Giám sát trọng tài có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn, rút kinh nghiệm công tác chuyên môn, nghiêm túc chuẩn bị để các trọng tài sẵn sàng thực thi đúng các quy định tại Luật thi đấu trong điều hành trận đấu;

b) Chấp hành nghiêm túc các quy định của LĐBĐVN, Điều lệ giải và Đơn vị tổ chức giải;

c) Có mặt tại địa phương tổ chức trận đấu, sân thi đấu và phối hợp với các trọng tài đảm bảo chương trình hoạt động trận đấu theo đúng thời gian quy định;

d) Quản lý, xây dựng và thực hiện chương trình hoạt động của tổ trọng tài trong thời gian lưu trú tại địa phương có trận đấu;

đ) Theo dõi và đóng góp ý kiến trong cuộc họp hoặc hội ý của trọng tài trước trận đấu, tổ chức họp rút kinh nghiệm sau trận đấu;

e) Theo dõi diễn biến của trận đấu, những xử lý của trọng tài và trợ lý trọng tài; chấm điểm các trọng tài, trợ lý trọng tài theo đúng hướng dẫn liên quan của LĐBĐVN;

g) Ngay sau trận đấu, phải kiểm tra biên bản trận đấu, việc ghi sổ kỷ luật, báo cáo của trọng tài chính và trọng tài thứ 04; trao đổi thống nhất với giám sát trận đấu về đánh giá công tác trọng tài trong trận đấu, hoàn tất báo cáo và gửi về bộ phận thường trực của Ban Tổ chức giải theo đúng quy định.

Trường hợp trận đấu có sự cố hay những diễn biến đặc biệt về công tác trọng tài, hoặc trận đấu có biểu hiện tiêu cực, giám sát trọng tài có trách nhiệm kịp thời phối hợp với giám sát trận đấu lập báo cáo chi tiết, gửi về Ban Tổ chức giải và Ban Trọng tài trong thời gian sớm nhất;

h) Không được thực hiện những hành vi bị nghiêm cấm theo Quy chế, quy định của LĐBĐVN, bao gồm cả hoạt động trả lời báo chí về những đánh giá của cá nhân đối với các vi phạm (nếu có) của các thành viên tham gia trận đấu.

Mục 2. ĐĂNG KÝ THAM DỰ GIẢI ĐẤU

Điều 57. Đăng ký tham dự giải bóng đá quốc gia

1. CLB tham gia giải bóng đá quốc gia có trách nhiệm đăng ký đội bóng tham gia giải theo quy định của Quy chế này và Điều lệ giải. Tại mỗi giải đấu có lên - xuống hạng, mỗi CLB chỉ được đăng ký 01 (một) đội bóng tham gia.

2. Đơn vị, tổ chức là nhà tài trợ chính của giải đấu không được đăng ký CLB/đội bóng thuộc quản lý của mình tham dự giải đấu đó.

3. CLB/đội bóng tham dự giải là thành viên giải đấu đó, có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thành viên theo quy định của Quy chế này, Điều lệ

giải và các quy định có liên quan của Đơn vị tổ chức giải, Ban Tổ chức giải, LDBĐVN.

4. CLB, đội bóng tham dự giải bóng đá quốc gia có trách nhiệm đóng lệ phí tham dự giải đấu theo quy định. Thời hạn và mức đóng lệ phí được quy định tại Điều lệ giải và các thông báo liên quan của LDBĐVN, Ban Tổ chức giải. Trường hợp CLB/đội bóng không đóng lệ phí tham dự giải đấu, LDBĐVN có thể xem xét tước tư cách tham gia giải đấu của CLB/đội bóng liên quan trong mùa giải kế tiếp.

5. Một CLB bao gồm nhiều đội bóng tham dự ở các giải bóng đá khác nhau. Tuy nhiên, mỗi CLB không được đăng ký từ 02 (hai) đội bóng trở lên tham gia trong cùng một giải đấu mà Điều lệ Giải quy định có lên - xuống hạng.

6. Đối với các CLB đăng ký tham gia các giải đấu thuộc Hệ thống giải bóng đá Chuyên nghiệp, cần đảm bảo:

a) Đào tạo tối thiểu 04 (bốn) đội, bao gồm:

- Tối thiểu 03 (ba) đội trong số các đội ở lứa tuổi U21, U19, U17, U15, U13 và U11;

- 01 (một) đội U9.

b) Trong một mùa giải, phải đăng ký tối thiểu 03 (ba) đội tham gia các giải bóng đá trẻ quốc gia ở cùng độ tuổi trong số các giải đấu từ U11, U13, U15, U17 và U21 (trừ U9). Nếu không đủ số lượng đội bóng trẻ tham dự các giải đấu theo quy định, CLB sẽ phải chịu hình thức kỷ luật theo Quy định về kỷ luật của LDBĐVN.

Điều 58. CLB lần đầu đăng ký tham dự giải bóng đá thuộc hệ thống thi đấu quốc gia của LDBĐVN

1. Tiêu chuẩn tối thiểu đối với CLB lần đầu đăng ký tham dự các giải bóng đá quốc gia:

a) Đơn vị quản lý CLB là tổ chức có tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật;

b) Đảm bảo cơ cấu tổ chức, cơ sở vật chất, tài chính và nhân sự của CLB theo quy định tại Chương 2 của Quy chế này;

c) Đảm bảo tính liên chính thể thao;

d) Đảm bảo các tiêu chí về thể thao, bao gồm:

- Đối với Giải bóng đá nữ Vô địch Quốc gia: CLB có đội bóng đã từng tham dự các giải trẻ (U19) trong vòng 02 (hai) mùa giải gần nhất với mùa giải

đăng ký tham dự Giải bóng đá nữ Vô địch Quốc gia hoặc có ít nhất 11 (mười một) cầu thủ trong danh sách tham dự đã từng thi đấu tại Giải bóng đá nữ U19 Quốc gia trở lên;

- Đối với Giải Futsal Vô địch Quốc gia: Theo quy định của Điều lệ giải.

2. Hồ sơ của CLB lần đầu đăng ký tham dự các giải bóng đá quốc gia:

a) Văn bản giới thiệu hoặc xác nhận tham dự giải đấu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại địa phương hoặc Liên đoàn bóng đá địa phương;

b) Mẫu khai báo thông tin của CLB tham dự tại khoản 3 Điều này;

c) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc quyết định thành lập của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;

d) Văn bản thể hiện cơ cấu tổ chức của CLB, trong đó thể hiện rõ Ban Lãnh đạo/Ban Điều hành của CLB, Ban Huấn luyện, đội bóng;

đ) Điều lệ hoạt động hoặc quy chế hoạt động;

e) Các văn bản, tài liệu khác trong trường hợp LDBĐVN có yêu cầu.

3. CLB lần đầu tiên đăng ký tham dự giải đấu thuộc quyền quản lý, tổ chức của LDBĐVN phải khai báo theo Mẫu số 04/VFF-FORM tại Phụ lục V của Quy chế này, bao gồm nhưng không giới hạn các thông tin như:

a) Thông tin về đơn vị hoặc pháp nhân của CLB/đội bóng;

b) Tên đăng ký thi đấu của CLB (bao gồm tên viết tắt);

c) Con dấu của CLB sử dụng trong các hoạt động bóng đá và trong ký kết hợp đồng với cầu thủ;

d) Biểu trưng (logo) sử dụng trong thi đấu của CLB (nếu có).

4. Trong suốt quá trình tham dự giải đấu thuộc quyền quản lý, tổ chức của LDBĐVN, CLB phải sử dụng thông tin thi đấu đã được đăng ký tại khoản 3 nêu trên.

5. Trong trường hợp CLB muốn thay đổi bất kỳ thông tin về tên và logo của CLB, CLB phải thực hiện theo thủ tục quy định tại Chương 2 Quy chế này và phải được LDBĐVN phê duyệt.

Điều 59. Trách nhiệm của CLB/Đội bóng khi tham dự giải bóng đá quốc gia

1. Đảm bảo trách nhiệm, thể hiện tinh thần thể thao, trung thực, cao thượng và tôn trọng đối với các giải đấu và đối với các CLB/đội bóng khác. Người có

hành vi và biểu hiện phi thể thao, trong đó bao gồm: Không tôn trọng quyết định của trọng tài, không tôn trọng đối phương, không tôn trọng khán giả, sử dụng bạo lực, tiểu xảo, cố tình thi đấu dưới khả năng thực tế hoặc tạo thuận lợi cho đối phương giành thắng lợi sẽ bị xử lý theo quy định của Luật thi đấu bóng đá và các quy định có liên quan của LĐBĐVN. Lãnh đạo, ban huấn luyện của CLB/đội bóng có trách nhiệm giáo dục, khuyến khích tinh thần thể thao cao thượng trong CLB/đội bóng mình và ở các trận đấu, giải đấu mà CLB/đội bóng tham gia.

2. CLB/đội bóng chủ nhà hoặc đăng cai tổ chức các giải đấu/trận đấu chịu trách nhiệm hoàn toàn về công tác đảm bảo an ninh, an toàn cho tất cả các thành phần tham dự trận đấu và phải đảm bảo trận đấu diễn ra đúng thời gian, đúng với các quy định của Luật thi đấu bóng đá, các quy định của Đơn vị tổ chức giải, Ban Tổ chức giải và LĐBĐVN.

3. CLB/đội bóng khách phải phân công người phụ trách Hội cổ động viên đi cùng với CLB/đội bóng trong các các trận đấu để phối hợp với CLB/đội bóng chủ nhà trong việc thực hiện các quy định đối với cổ động viên đội khách của Ban Tổ chức giải và Ban Tổ chức trận đấu.

4. Khi tham dự giải đấu, các thành viên của CLB/đội bóng không được có hành vi, lời nói xâm phạm đến uy tín, danh dự của CLB/đội bóng mình; uy tín, danh dự của CLB/đội bóng khác; uy tín và danh tiếng của LĐBĐVN, Đơn vị tổ chức giải, Ban Tổ chức giải và các cá nhân đang làm nhiệm vụ tại các giải đấu, trận đấu của Đơn vị tổ chức giải.

5. CLB/đội bóng phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về hành vi vi phạm của những người phục vụ đi theo đội bóng thuộc CLB/đội bóng mình.

6. Trong trường hợp CLB/đội bóng có hành vi vi phạm các quy định, dẫn đến thiệt hại về vật chất, tinh thần, danh dự, uy tín cho LĐBĐVN, Đơn vị tổ chức giải, Ban Tổ chức giải, các tổ chức, cá nhân tham gia giải đấu, trận đấu, CLB/đội bóng sẽ phải chịu kỷ luật và phải bồi thường cho những chủ thể có quyền lợi bị xâm hại theo các quy định hiện hành.

7. CLB/đội bóng, các thành viên và những người có liên quan đến CLB/đội bóng không được dùng tiền, tài sản, lợi ích vật chất dưới mọi hình thức, hứa hẹn lợi ích hoặc có hành vi trái quy định gây tác động đến các thành viên Ban Tổ chức giải, người có chức vụ, quyền hạn, HLV, cầu thủ của CLB/đội bóng đối phương và các thành viên khác tham gia giải đấu.

8. CLB/đội bóng, các thành viên của CLB/đội bóng không được tham gia đánh bạc, tổ chức đánh bạc (cá độ, bán độ, dàn xếp tỷ số) dưới bất kỳ hình thức nào trong các giải đấu, trận đấu mà CLB/đội bóng tham gia thi đấu kể cả khi hoạt động đặt cược được pháp luật cho phép.

Điều 60. Danh sách tham dự giải

1. Trước mỗi giải đấu, CLB tham dự giải phải đăng ký danh sách tham dự đảm bảo các nội dung theo quy định của Điều lệ giải. Danh sách tham dự giải đấu đảm bảo tối thiểu các yêu cầu sau:

a) Có đủ số lượng và thành phần cầu thủ, quan chức, HLV theo quy định, trong đó bao gồm chức danh, vị trí của từng thành viên có tên trong danh sách;

b) Thông tin cá nhân của cầu thủ, quan chức, HLV tham dự, bao gồm: Họ và tên, ngày sinh, quốc tịch; trong đó, ngày sinh và độ tuổi tham dự phải tuân theo quy định của Điều lệ giải. Sau khi đăng ký cầu thủ, việc đăng ký thi đấu với quốc tịch mới của cầu thủ (nếu có) chỉ được xem xét vào giai đoạn đăng ký tiếp theo;

c) Thông tin về vị trí thi đấu đối với cầu thủ;

d) Có chữ ký của lãnh đạo CLB, đơn vị tham dự giải và đóng dấu xác nhận;

đ) Đảm bảo các nội dung liên quan khác theo yêu cầu của Điều lệ giải.

2. Danh sách tham dự giải phải được nộp tới LDBĐVN và/hoặc Ban tổ chức giải đấu liên quan muộn nhất 14 (mười bốn) ngày trước ngày diễn ra trận đấu đầu tiên của giải đấu (không bao gồm các ngày nghỉ, lễ, Tết theo quy định pháp luật), thời hạn nộp có thể sớm hơn tùy theo quy định của Điều lệ giải.

3. CLB thực hiện thay thế, bổ sung, rút thành phần trong Danh sách tham dự theo quy định Điều lệ giải.

4. Số lượng cầu thủ tham dự Giải bóng đá Chuyên nghiệp và Bán Chuyên nghiệp Quốc gia của các CLB phải đảm bảo như sau:

Số lượng	Hệ thống giải Chuyên nghiệp					Hệ thống giải Bán Chuyên nghiệp		
	Giải Vô địch Quốc gia (VĐQG)	Giải Hạng Nhất Quốc gia (HNQG)	Giải Cúp Quốc gia	Trận đấu Siêu cúp	Trận đấu Trận đấu Play off	Giải Futsal	Giải nữ	Giải Bán chuyên khác (11 người)
Cầu thủ trong Danh sách	18 – 30 cầu thủ					Theo Điều lệ giải quy định		18 – 30 cầu thủ
Cầu thủ chuyên nghiệp	Tối thiểu 18 cầu thủ					Không quy định số lượng tối thiểu		
Cầu thủ Việt Nam gốc nước ngoài	Tối đa 01 cầu thủ							
Cầu thủ nước ngoài gốc Việt Nam	Tối đa 02 cầu thủ							
Cầu thủ nước ngoài	1. Đăng ký trong Danh sách tham dự giải:	Tối đa 01 cầu thủ.	Số lượng cầu thủ trong Danh sách tham dự giải, Danh sách đăng ký trận đấu và sử dụng			1. Đối với CLB tham dự	1. Đối với CLB tham dự	Không áp dụng

Số lượng	Hệ thống giải Chuyên nghiệp					Hệ thống giải Bán Chuyên nghiệp		
	Giải Vô địch Quốc gia (VĐQG)	Giải Hạng Nhất Quốc gia (HNQG)	Giải Cúp Quốc gia	Trận đấu Siêu cúp	Trận đấu Trận đấu Play off	Giải Futsal	Giải nữ	Giải Bán chuyên khác (11 người)
	1.1. Đối với các CLB đồng thời tham dự cả giải VĐQG và giải đấu cấp CLB của AFF và/hoặc AFC được đăng ký tối đa 07 cầu thủ. 1.2. Đối với CLB tham dự giải VĐQG được đăng ký tối đa 04 cầu thủ. 2. Đăng ký trong Danh sách tham dự trận đấu và sử dụng trên sân: Được đăng ký tối đa 04 cầu thủ và sử dụng tối đa 03 cầu thủ trên sân tại cùng một thời điểm		trên sân của Giải đấu theo quy định của Điều lệ Giải đấu/Trận đấu, đảm bảo nguyên tắc cân bằng trong đăng ký cầu thủ.			giải Futsal VĐQG và Futsal Cúp Quốc gia: Tối đa 01 cầu thủ	giải nữ VĐQG và nữ Cúp Quốc gia: Tối đa 01 cầu thủ	
						2. Đối với CLB tham dự giải Futsal trẻ: Không áp dụng	2. Đối với CLB tham dự giải nữ trẻ: Không áp dụng	

5. Số lượng, thành phần của cầu thủ trong Danh sách tham dự của CLB tham dự giải thuộc Hệ thống giải bóng đá Nghiệp dư thực hiện theo quy định của Điều lệ giải đó.

6. Số lượng cầu thủ trẻ trong Danh sách tham dự của giải đấu thực hiện theo quy định của Điều lệ giải liên quan (nếu có).

7. Quy định về Danh sách tham dự của Điều lệ giải đấu không được mâu thuẫn với Điều này, Luật Thi đấu và các quy định liên quan. Danh sách tham dự phải được nộp tới Ban Tổ chức, đơn vị của giải đấu liên quan theo quy định của Điều lệ giải đấu đó.

8. Trường hợp ngoại lệ, khi Ban Chấp hành LĐBĐVN ban hành Nghị quyết, văn bản quy định về số lượng cầu thủ nước ngoài, cầu thủ là người Việt Nam gốc nước ngoài hoặc cầu thủ là người nước ngoài gốc Việt Nam khác so với quy định tại khoản 4 Điều này thì ưu tiên áp dụng theo Nghị quyết, văn bản của Ban Chấp hành. Việc áp dụng các quy định này phải được quy định cụ thể trong Điều lệ của từng Giải đấu do Ban Chấp hành thông qua.

Điều 61. Đăng ký trang phục

1. Trang phục của cầu thủ:

a) Một bộ trang phục đầy đủ của cầu thủ bao gồm áo, quần, tất, bọc ống quyển và giày. CLB có trách nhiệm đăng ký một bộ trang phục thi đấu chính và tối thiểu một bộ trang phục thi đấu phụ. Màu sắc của trang phục thi đấu chính phải hoàn toàn khác với trang phục thi đấu phụ;

b) Trong một trận đấu, về nguyên tắc, mỗi đội bóng tham dự phải sử dụng trang phục thi đấu mang màu sắc chính thức của đội (áp dụng cho cả cầu thủ và thủ môn), căn cứ theo thông tin màu sắc trang phục thi đấu đã được đội bóng đăng ký với Ban Tổ chức giải và/hoặc LĐBĐVN trước khi giải đấu bắt đầu.

Trường hợp có sự trùng lặp màu sắc trang phục giữa các đội bóng tham dự trận đấu và/hoặc với tổ trọng tài, việc phân bổ màu sắc trang phục thi đấu sẽ được thực hiện theo thứ tự ưu tiên sau đây:

- Cầu thủ của Đội A;
- Cầu thủ của Đội B;
- Thủ môn của Đội A;
- Thủ môn của Đội B;
- Tổ trọng tài.

(Đội đứng tên trước trong lịch thi đấu là Đội A và đội đứng tên sau trong lịch thi đấu là Đội B).

Sau khi thực hiện phân bổ màu sắc trang phục thi đấu theo thứ tự ưu tiên nêu trên mà vẫn xảy ra trùng lặp, trọng tài và/hoặc giám sát trọng tài được quyền yêu cầu hai đội bóng phối hợp màu sắc trang phục giữa trang phục thi đấu chính và phụ.

Tất cả những người phục vụ trong trận đấu phải mặc trang phục có màu sắc khác với trang phục của hai đội bóng và tổ trọng tài. Trọng tài là người quyết định về màu sắc trang phục thi đấu của hai đội bóng tham gia trận đấu.

Đội bóng phải chuẩn bị và mang đầy đủ trang phục thi đấu chính và trang phục thi đấu phụ tới sân thi đấu theo quy định;

c) Trang phục của cầu thủ phải in tên và số áo của cầu thủ. Việc in tên và số trên áo của cầu thủ phải sử dụng kiểu chữ, số thông dụng, dễ đọc và có màu sắc tương phản với màu sắc của trang phục. Trên lưng áo, tên cầu thủ có chiều cao tối đa 7,5 cm; số áo cầu thủ có chiều cao từ 25 cm đến 35 cm. Số trên quần của cầu thủ (giống với số trên áo) phải đặt ở phía trước, bên phải, có chiều cao 07 cm. Trang phục thủ môn bắt buộc phải in số áo;

d) Trường hợp cầu thủ mặc thêm trang phục khác ở bên trong trang phục thi đấu hoặc sử dụng băng chân, băng chân và phần trang phục bên trong lộ ra ngoài trang phục thi đấu phải cùng màu với áo, quần và tất mà cầu thủ đang sử dụng;

đ) Mỗi đội bóng chỉ được đăng ký số áo cầu thủ từ 1 đến 99 trong danh sách đăng ký thi đấu. Cầu thủ mới được bổ sung hoặc thay thế ở giai đoạn II phải mang số áo khác với các số áo đã đăng ký ở giai đoạn I;

e) Biểu trưng của giải đấu được gắn trên ngực áo bên phải và hai tay áo cầu thủ, theo kích thước quy định tại Điều lệ giải. Thương hiệu quảng cáo nhà tài trợ chính của giải đấu, CLB in ở phía trước áo cầu thủ. Nhãn hiệu của hãng sản xuất quần áo, huy hiệu hoặc biểu trưng của CLB không bị coi là quảng cáo nhưng kích thước không được quá 100 cm² và phải gắn ở đúng vị trí quy định trên áo.

2. Thành viên CLB có mặt trong khu vực kỹ thuật không được mặc: trang phục và mang các trang thiết bị quảng cáo cạnh tranh với hãng tài trợ của giải do Đơn vị tổ chức giải quy định; trang phục có những hình ảnh, câu chữ khiếm nhã, thô tục hay có nội dung xâm phạm danh dự, uy tín của CLB khác hoặc Đơn vị tổ chức giải, LĐBĐVN.

3. Toàn bộ thành viên Ban Huấn luyện, quan chức CLB có mặt trong khu

vực kỹ thuật không được mặc trang phục có màu sắc trùng với màu trang phục của các cầu thủ trên sân và cầu thủ dự bị của CLB đó; trường hợp có trùng hợp màu sắc, thành viên Ban huấn luyện, quan chức CLB bắt buộc phải mặc áo nhận diện (áo bib) khác màu với các cầu thủ trên sân và cầu thủ trong khu vực kỹ thuật.

4. Cầu thủ mặc trang phục không đúng với quy định của Luật thi đấu, quy định của Quy chế này không được thi đấu cho đến khi đảm bảo các quy định về trang phục.

Điều 62. Đăng ký sân vận động

Đối với các giải Chuyên nghiệp, mỗi CLB phải đăng ký với Ban Tổ chức giải một sân vận động nằm trong cùng tỉnh/thành phố với văn phòng của CLB trong suốt quá trình tiến hành giải đảm bảo theo quy định của Quy chế này. Trường hợp sân vận động không trong cùng tỉnh/thành phố với văn phòng của CLB thì CLB phải có văn bản nêu rõ lý do gửi LĐBĐVN xem xét, quyết định.

Mục 3. CÁC CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN KHÁC

Điều 63. Lịch thi đấu

1. Đối với các giải Chuyên nghiệp:

Lịch thi đấu được đơn vị tổ chức giải công bố chậm nhất 30 (ba mươi) ngày trước ngày khai mạc các giải bóng đá Chuyên nghiệp. Trong trường hợp bất khả kháng, đơn vị tổ chức giải có trách nhiệm báo cáo LĐBĐVN để thống nhất thời điểm công bố lịch thi đấu cho phù hợp.

2. Đối với các giải bóng đá còn lại, trừ khi có quy định khác, lịch thi đấu hoặc bảng mã số bốc thăm được Ban Tổ chức giải công bố ít nhất 07 (bảy) ngày trước khi bắt đầu giải.

3. Các trận đấu của giải bóng đá phải được tổ chức theo đúng lịch thi đấu đã ban hành, trừ khi có sự điều chỉnh bằng văn bản của Ban Tổ chức giải.

4. Ngày, giờ thi đấu do Ban Tổ chức giải quyết định. Chỉ có Ban Tổ chức giải mới có quyền thay đổi ngày, giờ thi đấu của giải.

5. Ban Tổ chức giải sẽ chọn một trận đấu và phối hợp với CLB để tổ chức lễ khai mạc chính thức của giải.

6. Quyết định của Ban Tổ chức giải về lịch hoặc thời gian thi đấu là quyết định cuối cùng.



Điều 64. Bóng thi đấu

Trừ trường hợp có quy định khác, bóng thi đấu cho các giải đấu do LĐBĐVN, Đơn vị tổ chức giải lựa chọn và chỉ định nhà cung cấp chính thức cho giải đấu (hoặc các trận đấu trong giải đấu). Tất cả các bóng thi đấu được lựa chọn sử dụng trong các giải đấu phải đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng và tuân thủ theo Luật Thi đấu.

Chương VIII TỔ CHỨC, ĐIỀU HÀNH TRẬN ĐẤU

Mục 1. QUY ĐỊNH CHUNG VỀ TỔ CHỨC, ĐIỀU HÀNH TRẬN ĐẤU

Điều 65. Ban Tổ chức trận đấu

1. Ban Tổ chức trận đấu do CLB chủ nhà phối hợp với các cơ quan chức năng tại địa phương thành lập, chịu trách nhiệm hoàn toàn về công tác tổ chức và đảm bảo an, ninh an toàn tại các trận đấu, quản lý sân thi đấu của CLB trong các trận đấu của giải.

2. Ban Tổ chức trận đấu phải có đầy đủ các đại diện: Lãnh đạo CLB, đội bóng chủ nhà, chỉ huy lực lượng công an, y tế, truyền thông, tuyên truyền, kiểm soát quân sự và các thành phần khác nếu cần thiết.

3. Trường hợp Ban Tổ chức trận đấu để xảy ra các vi phạm về công tác tổ chức trận đấu thì CLB, đội bóng đó sẽ phải chịu hình thức kỷ luật theo Quy định về kỷ luật của LĐBĐVN.

4. Ban Tổ chức trận đấu có nhiệm vụ:

a) Chủ trì việc phối hợp với các lực lượng công an, kiểm soát quân sự, y tế để đảm bảo an ninh, an toàn tuyệt đối cho khán giả, HLV, cầu thủ, trọng tài, giám sát và các thành viên của Ban Tổ chức giải trước, trong và sau trận đấu;

b) Trước khi khai mạc giải, Ban Tổ chức trận đấu phải đăng ký khu vực riêng biệt trên khán đài cho cổ động viên của hai CLB/đội bóng với Ban Tổ chức giải;

c) Dự báo số lượng khán giả đến dự khán để xây dựng và triển khai các phương án phù hợp đảm bảo an ninh, an toàn cho trận đấu. Những trận đấu số lượng khán giả đông hoặc dự báo có nhiều khán giả, cổ động viên đội khách, phải có các phương án thích hợp, bố trí lực lượng an ninh từ vòng ngoài đến vòng trong của sân tổ chức thi đấu và trên các khán đài để có thể kịp thời ngăn chặn các cổ động viên có hành động quá khích, vi phạm các quy định.

Đối với các giải Vô địch Quốc gia, Hạng Nhất Quốc gia, Cup Quốc gia, phải có biện pháp cụ thể thống kê chính xác số lượng khán giả đến sân xem trận đấu;

d) Thực hiện nghiêm túc các quy định về an ninh, an toàn tại Quy chế này;

đ) Sắp xếp, bố trí chỗ ngồi cho các giám sát ở vị trí trên cao thuộc khu vực trung tâm, đảm bảo thuận lợi cho việc quan sát toàn bộ sân thi đấu, có lối đi thuận lợi di chuyển xuống sân khi cần thiết; đảm bảo các điều kiện và trang thiết bị văn phòng có đường truyền Internet, điện thoại hoạt động tốt để các giám sát báo cáo về Ban Tổ chức giải;

e) Bố trí chỗ ngồi trên khán đài ngay sau khu vực kỹ thuật cho những cầu thủ, quan chức không đăng ký chính thức trong trận đấu; số lượng chỗ ngồi trên khán đài tối đa cho mỗi đội tương đương số lượng tối đa mỗi đội được đăng ký sau khi trừ đi số lượng ngồi trong khu vực kỹ thuật;

g) Phân công và đăng ký điều phối viên trận đấu với Ban Tổ chức giải (đối với các giải đấu Bán Chuyên nghiệp và loại hình khác);

i) Tổ chức cuộc họp kỹ thuật muộn nhất một ngày trước ngày diễn ra trận đấu. Đối với các trận đấu thuộc hệ thống các giải Chuyên nghiệp, thời gian họp kỹ thuật theo quy định cụ thể của Điều lệ từng giải đấu.

Thành phần dự họp gồm: Giám sát trận đấu, giám sát trọng tài, trọng tài, Lãnh đội hoặc Phó Lãnh đội, đại diện HLV hai đội bóng Trưởng hoặc Phó Ban Tổ chức trận đấu, đại diện công an, cán bộ phụ trách an ninh, đại diện y tế, các cán bộ phụ trách của CLB/đội bóng và thành viên liên quan khác (nếu có);

k) Khi có sự cố nghiêm trọng, theo yêu cầu của giám sát trận đấu, Ban Tổ chức trận đấu có trách nhiệm kịp thời tổ chức cuộc họp ở nơi đảm bảo an ninh, an toàn với đầy đủ đại diện liên quan (thành phần như quy định ở cuộc họp chuyên môn trước trận đấu); cử thư ký lập biên bản ghi rõ chính kiến của từng thành viên tham dự cuộc họp gửi Ban Tổ chức giải;

l) Công tác ghi hình kỹ thuật ở tất cả các giải bóng đá quốc gia phải đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật, sử dụng thẻ nhớ theo quy định.

Thời gian ghi hình: Từ lúc hai đội ra sân cho đến khi tất cả các thành viên tham gia trận đấu (hai đội, các quan chức, khán giả) ra về an toàn;

m) Đảm bảo số lượng máy ghi hình kỹ thuật tại các giải bóng đá quốc gia theo quy định từng giải, cụ thể:

- Đối với giải bóng đá Vô địch Quốc gia, Hạng Nhất Quốc gia, Cúp Quốc gia tối thiểu là 06 (sáu) máy ghi hình kỹ thuật: 02 (hai) máy trên cao khu vực khán đài A, 02 (hai) máy đặt ngang khu vực 16m50 và 02 (hai) máy đặt sau mỗi cầu môn, vị trí đặt máy có độ cao tối thiểu 05 (năm) mét so với mặt sân; tất cả các máy đều phải theo kịp các diễn biến hoặc sự cố của trận đấu với góc ghi hình phù hợp và liên tục theo các hướng dẫn cụ thể liên quan của Đơn vị tổ chức giải;

- Đối với giải Hạng Nhì Quốc gia tối thiểu là 04 máy ghi hình kỹ thuật: 02 máy đặt ngang khu vực 16m50 và 02 máy đặt sau cầu môn. Tất cả các máy đều phải theo kịp các diễn biến hoặc sự cố của trận đấu với góc ghi hình phù hợp và liên tục, được đặt trên khán đài hoặc được đặt ở vị trí có độ cao tối thiểu 05 (năm) mét so với mặt sân thi đấu;

- Đối với các giải còn lại, trừ khi có quy định khác, số lượng máy ghi hình kỹ thuật tối thiểu là 02 máy, đặt ngang khu vực 16m50;

- Ngay sau khi trận đấu kết thúc, Ban Tổ chức trận đấu phải nộp đủ các thẻ nhớ ghi hình cho giám sát trận đấu;

n) Bố trí tối thiểu 02 vệ sĩ kiểm soát và bảo vệ khu vực phóng viên viết; tối thiểu 06 vệ sĩ kiểm soát và bảo vệ khu vực đường chạy trong suốt quá trình diễn ra trận đấu;

o) Tùy quy định từng giải đấu, nếu có tổ chức họp báo sau trận đấu, yêu cầu các HLV trưởng của hai đội vào phòng họp báo sau khi trận đấu kết thúc không quá 10 phút. Từng HLV trưởng sẽ vào phòng họp báo theo quy tắc HLV trưởng đội khách họp báo trước. Nếu HLV không chấp hành hoặc không tham dự họp báo, sẽ phải chịu hình thức kỷ luật theo Quy định về kỷ luật của LĐBĐVN.

Ban Tổ chức trận đấu phải bố trí lối đi riêng cho các phóng viên vào phòng họp báo tùy theo thiết kế của từng sân thi đấu (có thể dùng dây để tạo lối đi riêng) và bố trí khu vực phóng viên nhanh cho các phóng viên trên đường các cầu thủ ra xe sau trận đấu;

p) Thực hiện công tác phòng cháy, chữa cháy đúng quy định.

Đối với các trận đấu thuộc Hệ thống các giải Chuyên nghiệp, BTC trận đấu phải bố trí tối thiểu 01 (một) xe cứu hoả với đầy đủ các thiết bị chuyên dụng kèm theo thường trực tại sân vận động từ thời gian mở cửa sân cho đến khi trận đấu kết thúc và toàn bộ các thành viên tham dự trận đấu, khán giả, cổ động viên đã ra về an toàn;

q) Tuân thủ nghiêm các quy định về việc đảm bảo công tác y tế trận đấu theo Điều 85 của Quy chế này;

r) Phối hợp với giám sát trận đấu để thực hiện đúng các quy trình về công tác chuẩn bị cho trận đấu;

u) Hỗ trợ công tác kiểm tra doping (nếu có yêu cầu);

v) Phát thanh viên phải đảm bảo đúng nội dung phát thanh trong các trận đấu do LDBĐVN, Đơn vị tổ chức giải ban hành;

x) Việc sử dụng thiết bị bay không người lái hoặc bất kỳ vật thể bay nào trong khu vực lân cận sân vận động hoặc địa điểm tập luyện, thi đấu chính thức là không được phép.

Điều 66. Tiếp đón đội khách

1. Đội khách phải thông báo cho Ban Tổ chức trận đấu thời gian đến và rời khỏi địa phương, nơi ở và phương tiện di chuyển để Ban Tổ chức trận đấu bố trí lực lượng bảo vệ khi cần thiết.

2. Đối với các giải chuyên nghiệp, Ban Tổ chức trận đấu chịu trách nhiệm bố trí sân tập luyện cho đội khách trong những ngày trước trận đấu như sau:

a) Ban Tổ chức trận đấu chịu trách nhiệm bố trí 01 (một) buổi tập miễn phí trên sân thi đấu chính thức với thời gian ít nhất là 60 (sáu mươi) phút, trùng với thời gian bắt đầu trận đấu.

- Trường hợp sân thi đấu là sân cỏ nhân tạo, phải bố trí cho CLB khách tập luyện miễn phí ít nhất 02 (hai) buổi tập trước trận đấu; mỗi buổi ít nhất 90 (chín mươi) phút.

- Đảm bảo các điều kiện cho các buổi tập luyện chính thức của CLB khách theo tiêu chuẩn như ngày thi đấu: Bố trí lực lượng bảo vệ an ninh, phòng thay đồ, cột cờ góc, cắt cỏ, kẻ sân, căng lưới, bật đèn.

- Nếu CLB khách có nhu cầu tổ chức buổi tập chính thức theo hình thức tập kín hoặc thay đổi thời gian buổi tập khác với thời gian quy định, CLB khách phải đăng ký với giám sát trận đấu, thông báo cụ thể với Ban Tổ chức trận đấu ít nhất 01 (một) ngày trước ngày tập luyện và được sự thống nhất của Ban Tổ chức trận đấu.

- CLB chủ nhà tạo điều kiện, hỗ trợ CLB khách được tập luyện 01 (một) buổi miễn phí tại sân phụ (nếu CLB khách có nhu cầu), thời gian ít nhất là 60 (sáu mươi) phút.

- Giám sát trận đấu là người quyết định cuối cùng về các điều kiện và kế hoạch tổ chức buổi tập chính thức trên sân thi đấu của các đội bóng căn cứ vào tình hình thực tiễn và đăng ký của CLB khách. Trong một số trường hợp, để đảm

bảo điều kiện về chất lượng mặt sân cho ngày thi đấu, giám sát trận đấu có thể quyết định việc không tổ chức buổi tập trên sân chính, đề nghị CLB chủ nhà và Ban Tổ chức trận đấu sắp xếp địa điểm tập luyện thay thế phù hợp;

b) CLB khách có nhu cầu tập luyện thêm ngoài các buổi tập đã quy định ở trên thì phải tự liên hệ và chịu mọi chi phí liên quan.

3. Trừ trường hợp có quy định khác, đối với các giải bóng đá quốc gia, Ban Tổ chức trận đấu chịu trách nhiệm bố trí sân tập luyện cho đội khách trong những ngày trước trận đấu, chi phí sân tập do Ban Tổ chức trận đấu chịu trách nhiệm:

a) Đội khách được tập tại sân thi đấu ít nhất một lần/trận và tập tại sân khác đủ tiêu chuẩn ít nhất một buổi/trận, vào giờ trùng với giờ thi đấu (được làm quen với ánh sáng đèn tối thiểu một giờ);

b) Trường hợp sân thi đấu là sân cỏ nhân tạo, phải bố trí cho CLB khách tập luyện miễn phí ít nhất 02 (hai) buổi tập trước trận đấu;

c) Đội khách phải tự liên hệ và chịu mọi chi phí nếu có nhu cầu tập nhiều hơn.

Điều 67. Đăng ký trước trận đấu, sử dụng và thay thế cầu thủ trong trận đấu

1. Chậm nhất trước khi trận đấu bắt đầu 75 (bảy mươi lăm) phút, HLV trưởng của đội bóng phải hoàn thiện đăng ký danh sách thi đấu trận đấu và danh sách thành viên làm nhiệm vụ trong khu vực kỹ thuật với giám sát trận đấu. Số lượng tối thiểu đảm bảo:

a) Đối với các trận đấu thuộc Hệ thống giải bóng đá Chuyên nghiệp: Tối thiểu 16 (mười sáu) cầu thủ, trong đó gồm 11 (mười một) cầu thủ chính thức (có 01 Thủ môn) và 05 (năm) cầu thủ dự bị (có tối thiểu 01 Thủ môn);

b) Đối với trận đấu thuộc Hệ thống giải bóng đá Bán Chuyên nghiệp, Nghiệp dư môn bóng đá 11 (mười một) người: Tối thiểu 14 (mười bốn) cầu thủ, trong đó gồm 11 (mười một) cầu thủ chính thức (có 01 Thủ môn) và 03 (ba) cầu thủ dự bị (có tối thiểu 01 Thủ môn);

c) Đối với trận đấu áp dụng Luật thi đấu Futsal, Bãi biển: Tối thiểu 08 (tám) cầu thủ, trong đó gồm 05 (năm) cầu thủ chính thức (có 01 Thủ môn) và 03 (ba) cầu thủ dự bị (có tối thiểu 01 Thủ môn).

Nếu đội bóng không đảm bảo số lượng cầu thủ tối thiểu theo khoản 1 sẽ bị xử thua 0-3 đối với trận đấu đó, ngoại trừ trường hợp đặc biệt, bất khả kháng do LDBĐVN, Ban Tổ chức giải quyết định;

2. Sau khi Danh sách đăng ký trận đấu đã được nộp cho giám sát trận đấu tại thời điểm được quy định theo phân bổ thời gian trước trận đấu, nhưng trước khi trận đấu bắt đầu:

a) Nếu bất kỳ trong số 11 (mười một) cầu thủ chính thức ([5] năm đối với futsal và bóng đá bãi biển) của một đội bóng đã đăng ký nhưng không thể ra sân vì bất kỳ lý do nào, thì cầu thủ chính thức đó có thể được thay thế bằng bất kỳ cầu thủ dự bị nào có tên trong Danh sách đăng ký trận đấu;

b) Lãnh Đội của đội tham dự phải ngay lập tức thông báo việc thay đổi danh sách cho giám sát trận đấu để thực hiện thủ tục cập nhật, ban hành lại danh sách đăng ký trận đấu;

c) Cầu thủ (những cầu thủ) bị thay thế trong số 11 (mười một) cầu thủ được đăng ký chính thức ban đầu sẽ không được phép tiếp tục ở lại trong danh sách đăng ký tham gia trận đấu. Việc thay thế này không ảnh hưởng đến số lượng và số lần thay người của đội bóng trong trận đấu theo quy định của Điều lệ giải; tuy nhiên, đội bóng sẽ không được phép bổ sung thêm cầu thủ dự bị nào khác, đồng thời số lượng cầu thủ dự bị trong danh sách đăng ký trận đấu của đội bóng đó sẽ bị giảm tương ứng với số cầu thủ đã bị thay thế trước trận đấu.

3. Trong mỗi trận đấu, việc thay thế cầu thủ được thực hiện theo quy định của Luật thi đấu và Điều lệ giải.

4. Khi thay người, cầu thủ dự bị phải mang thẻ thi đấu đến trình cho trọng tài thứ 4. Nếu không có thẻ, cầu thủ đó coi như không hợp lệ và không được quyền thi đấu (trừ một số trường hợp đặc biệt, có sự chấp thuận của Ban Tổ chức giải, được sử dụng giấy tờ khác thay thế). Cầu thủ đã thay ra không được phép trở lại sân thi đấu.

5. CLB/đội bóng tham dự giải U9 toàn quốc, U11 toàn quốc, Futsal Quốc gia, Bãi biển Quốc gia thực hiện đăng ký trước trận đấu, sử dụng và thay thế cầu thủ trong trận đấu theo quy định của Điều lệ giải.

6. Cầu thủ không đủ điều kiện tham dự trận đấu:

a) Cầu thủ không trong độ tuổi được quy định tại Điều lệ giải;

b) Cầu thủ không được CLB/đội bóng đưa vào danh sách tham dự theo quy định của Quy chế, Điều lệ giải liên quan hoặc chưa được đăng ký hoặc chưa hoàn thành việc đăng ký theo quy định của Chương III Quy chế này, Điều lệ giải có liên quan về đăng ký;

c) Cầu thủ bị tạm đình chỉ/cấm tham dự trận đấu, hoạt động bóng đá theo quy định, quyết định, văn bản của LĐBĐVN, Ban Kỷ luật LĐBĐVN, Ban Tổ chức giải đấu hoặc các cơ quan có thẩm quyền liên quan;

d) Cầu thủ nhận số thẻ vàng và/hoặc thẻ đỏ dẫn đến việc không được tham dự trận đấu theo quy định về Kỷ luật của LĐBĐVN và/hoặc các quy định của Điều lệ giải liên quan (nếu có);

đ) Các trường hợp khác theo quy định.

CLB phải chịu trách nhiệm trong việc đưa cầu thủ đủ điều kiện ra sân theo quy định này. Nếu CLB đưa cầu thủ không đủ điều kiện tham dự trận đấu vào thi đấu, CLB sẽ bị xử lý theo quy định kỷ luật của LĐBĐVN.

Điều 68. Nghi thức và thủ tục tiến hành trận đấu.

1. Nghi thức trận đấu:

Theo quy định của Điều lệ từng giải đấu và các hướng dẫn liên quan của Ban Tổ chức giải.

2. Thời gian tiến hành các thủ tục trước mỗi trận đấu (tính đến trước giờ thi đấu):

a) 180 phút: Hoàn tất kiểm tra an ninh, vệ sinh các khu vực khán đài;

b) 120 phút: Giám sát trận đấu đến sân;

c) 90 phút: Giám sát trọng tài, trọng tài, các đội bóng đến sân, kiểm tra sân lần cuối;

d) 75 phút: Đội bóng gửi danh sách đăng ký thi đấu và danh sách thành viên làm nhiệm vụ trong khu vực kỹ thuật cho giám sát trận đấu;

đ) 75 – 65 phút: Hoàn tất việc đăng ký và kiểm tra cầu thủ;

e) 60 phút: Giám sát hoàn thành danh sách đăng ký thi đấu và ban hành danh sách đăng ký thi đấu cho hai đội bóng và các thành viên liên quan đến công tác điều hành, tổ chức trận đấu;

g) Từ 50 phút đến 20 phút: Hai đội bóng khởi động trên sân;

h) 07 phút: Trọng tài tập trung 02 (hai) đội bóng (kèm theo trẻ em hộ tống nếu có), kiểm tra lần cuối và ra sân;

i) 05 phút: Lễ chào cờ (nếu điều lệ giải có quy định);

k) 02 phút: Làm thủ tục chọn sân, 02 (hai) đội bóng chụp ảnh, trao lưu niệm;

l) 0 phút: Giao bóng, bắt đầu trận đấu.

3. Trường hợp trận đấu có tính chất quan trọng hoặc trong các điều kiện đặc biệt khác như: Khai mạc, bế mạc, kỷ niệm, tùy thuộc vào khoảng cách di chuyển giữa các khu vực của sân vận động, sân thi đấu, nghi thức và thủ tục tiến hành trận đấu được thực hiện theo kịch bản trận đấu, hướng dẫn của Ban Tổ chức giải.

Điều 69. Tạm dừng, tạm hoãn trận đấu

1. Tạm dừng trận đấu:

Trọng tài có quyền quyết định tạm dừng trận đấu trong các trường hợp sau đây:

a) Nhiều khán giả vượt qua hàng rào ngăn cách tràn xuống đường chạy, xuống sân thi đấu trước hoặc trong khi trận đấu đang tiến hành, gây áp lực về tâm lý cho trọng tài và đội khách;

b) Nhiều khán giả gây mất an toàn, trật tự, làm ảnh hưởng đến trận đấu;

c) Điều kiện thời tiết, ánh sáng và các điều kiện khách quan khác làm cho trận đấu không thể tiến hành được.

2. Trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, trận đấu tạm dừng đến khi đủ điều kiện để tiến hành hoặc tiếp tục trận đấu nhưng thời gian tạm dừng tối đa không quá 30 (ba mươi) phút (nếu trận đấu chưa được tiến hành thì thời gian được tính từ giờ thi đấu theo lịch thi đấu của Ban Tổ chức giải; nếu trận đấu đã được tiến hành thì thời gian được tính từ thời điểm trọng tài tạm dừng trận đấu).

3. Trọng tài điều khiển trận đấu có quyền quyết định tạm dừng trận đấu lần 2 trong các trường hợp như quy định tại khoản 1 Điều này nếu đã tạm dừng 30 (ba mươi) phút mà vẫn không đủ điều kiện để tổ chức hoặc tổ chức tiếp trận đấu.

4. Tạm hoãn trận đấu:

Khi trận đấu chưa bắt đầu hoặc đã bắt đầu, trọng tài điều khiển trận đấu có quyền quyết định tạm hoãn trận đấu trong các trường hợp như quy định tại khoản 1 Điều này nếu đã tạm dừng 02 (hai) lần 30 (ba mươi) phút mà vẫn không đủ điều kiện để tổ chức hoặc tổ chức tiếp trận đấu.

5. Nếu trận đấu bị tạm hoãn, Ban Tổ chức trận đấu có trách nhiệm tổ chức cuộc họp do giám sát trận đấu chủ trì, với thành phần: Trưởng đoàn và HLV trưởng của 02 (hai) đội, các giám sát, trọng tài, thành viên Ban Tổ chức trận đấu. Cuộc họp phải được lập biên bản ghi rõ chính kiến của từng thành viên, nguyên

nhân chính của việc dừng trận đấu, thời gian dừng trận đấu, tỷ số tại thời điểm trận đấu tạm dừng (nếu có) và gửi biên bản về Ban Tổ chức giải.

Điều 70. Tổ chức tiếp hoặc tổ chức lại trận đấu

1. Nếu sau thời gian tạm dừng lần 1 không quá 30 (ba mươi) phút hoặc thêm lần 2 không quá 30 (ba mươi) phút, trận đấu được tiếp tục tiến hành đủ thời gian theo quy định thì kết quả trận đấu được công nhận.

2. Trường hợp trận đấu bị tạm hoãn, Ban Tổ chức giải sẽ căn cứ vào thực tế diễn biến, thời điểm và nguyên nhân tạm hoãn trận đấu để có thể quyết định xử lý cụ thể theo nguyên tắc “bên có lỗi không được hưởng lợi” cụ thể như sau:

a) Nếu nguyên nhân hoãn trận đấu do CLB vi phạm nghiêm trọng Quy chế này, không đảm bảo an ninh, an toàn do cổ động viên đội chủ nhà hoặc do cổ động viên đội khách; lỗi thuộc về CLB, đội bóng nào thì CLB, đội bóng đó sẽ bị xử thua với tỷ số 0-3, nếu thua nhiều hơn thì giữ nguyên tỷ số;

b) Nếu nguyên nhân tạm hoãn trận đấu vì sự cố bất thường thì Ban Tổ chức trận đấu của CLB chủ nhà vẫn có lỗi do không chuẩn bị tốt về công tác tổ chức trận đấu:

- Tỷ số đang có lợi cho đội bóng chủ nhà: Huỷ bỏ trận đấu bị tạm hoãn và cho tổ chức lại từ đầu trận đấu (nếu đang thi đấu ở hiệp đấu phụ thì tổ chức lại từ đầu của hiệp đấu phụ);

- Tỷ số đang có lợi cho đội bóng khách: Tổ chức tiếp trận đấu từ thời điểm tạm dừng;

c) Nếu nguyên nhân tạm hoãn trận đấu vì lý do hoàn toàn khách quan (điều kiện thời tiết làm ảnh hưởng đến công tác tổ chức trận đấu), Ban Tổ chức trận đấu của CLB chủ nhà không có lỗi thì giữ nguyên tỷ số và tổ chức tiếp trận đấu từ thời điểm tạm dừng hoặc công nhận tỷ số và không tổ chức lại.

3. Quy định tổ chức tiếp trận đấu từ thời điểm tạm dừng:

a) Giữ nguyên tỷ số tại thời điểm tạm dừng trận đấu;

b) Giữ nguyên thành phần, số lượng cầu thủ đang thi đấu trên sân và quyền thay cầu thủ của mỗi đội tại thời điểm dừng trận đấu (trường hợp vì lý do khách quan và đội bóng đã hết quyền thay người thì chỉ cho phép tối đa một cầu thủ đã đăng ký dự bị được vào thay một cầu thủ đang thi đấu);

c) Giữ nguyên các thẻ vàng, thẻ đỏ (nếu có) tại thời điểm dừng trận đấu;

d) Trận đấu được bắt đầu lại từ tình huống trọng tài tạm dừng;



đ) Kinh phí tổ chức trận đấu theo quyết định của Ban Tổ chức giải hoặc Ban Kỷ luật.

4. Nếu trận đấu bị huỷ bỏ thì các thẻ vàng cũng được huỷ bỏ, nhưng các thẻ đỏ vẫn được giữ nguyên.

5. Nếu trận đấu bị tạm hoãn ở thời điểm trước hoặc trong khi đá luân lưu 11m mà lý do hoãn trận đấu là do khách quan thì trọng tài tổ chức bốc thăm ngay sau đó để xác định đội thắng.

6. Nếu trận đấu bị tạm hoãn mà kết quả trận đấu này hoàn toàn không ảnh hưởng đến kết quả chuyên môn của chính 02 (hai) đội bóng đó và của các đội bóng khác trong toàn giải, Ban Tổ chức giải có thể quyết định không tổ chức lại trận đấu nữa. Trận đấu có thể bị xử lý theo một trong hai phương án sau:

- a) Công nhận tỷ số ở thời điểm trận đấu tạm dừng;
- b) Trận đấu bị huỷ bỏ, hai đội không nhận điểm và tỷ số.

7. Nếu trận đấu bị hoãn, mức thù lao do Ban Tổ chức giải phải chi cho các đối tượng được quy định như sau:

- a) Trận đấu bị dừng trước khi bắt đầu trận đấu: Các thành viên chỉ được hưởng tiền ăn, ở, không được hưởng tiền làm nhiệm vụ;
- b) Trận đấu bị dừng sau khi bắt đầu trận đấu: Các thành viên được hưởng toàn bộ chế độ theo quy định về tài chính của giải.

Điều 71. CLB bỏ không tham dự giải đấu, bỏ giải đấu hoặc bỏ trận đấu

1. CLB có đội bóng thuộc thành phần tham gia giải không đăng ký đội bóng tham gia giải hoặc đã đăng ký nhưng bỏ không tham gia giải, trừ trường hợp bất khả kháng hoặc có lý do chính đáng và được LDBĐVN chấp thuận, sẽ bị chuyển xuống thi đấu tại giải Hạng Ba Quốc gia từ mùa giải sau; nếu giải đấu không có lên xuống hạng thì bị cấm tham gia các giải bóng đá trong năm kế tiếp và phải chịu hình thức kỷ luật theo Quy định về kỷ luật của LDBĐVN.

2. Nếu CLB/đội bóng từ chối thi đấu một trận đấu không phải vì lý do bất khả kháng hoặc tự ý bỏ cuộc không tiếp tục trận đấu với bất cứ lý do nào sẽ bị loại khỏi giải và phải chuyển xuống thi đấu tại giải Hạng Ba Quốc gia từ mùa giải sau; nếu giải đấu không có lên xuống hạng thì bị cấm tham gia các giải bóng đá trong năm kế tiếp và phải chịu hình thức kỷ luật theo Quy định về kỷ luật của LDBĐVN. Toàn bộ kết quả thi đấu (nếu có) giữa CLB/đội bóng này với CLB/đội bóng khác đều bị huỷ bỏ.

3. Nếu CLB/đội bóng không tiếp tục tham dự giải trong khi giải đấu đang diễn ra (trừ trường hợp bất khả kháng hoặc có lý do chính đáng và được LĐBĐVN chấp thuận), sẽ bị chuyển xuống thi đấu ở giải Hạng Ba Quốc gia từ mùa giải sau; nếu giải đấu không có lên xuống hạng thì bị cấm tham gia các giải bóng đá trong năm kế tiếp và phải chịu hình thức kỷ luật theo Quy định về kỷ luật của LĐBĐVN. Toàn bộ kết quả thi đấu (nếu có) giữa CLB/đội bóng này với CLB/đội bóng khác đều bị hủy bỏ.

Mục 2. NHÂN SỰ PHỤC VỤ TRẬN ĐẤU

Điều 72. Điều phối viên trận đấu

1. Điều phối viên là người phụ trách về công tác tổ chức trận đấu của Ban Tổ chức trận đấu, đã từng tham gia và có kiến thức về công tác tổ chức thi đấu về Luật thi đấu Bóng đá và Quy chế này; được CLB đăng ký bằng văn bản với Đơn vị tổ chức giải và phải tham dự khóa tập huấn đầu mùa giải hoặc khóa đào tạo bổ sung do LĐBĐVN và/hoặc Đơn vị tổ chức giải tổ chức.

2. CLB phải đảm bảo và chịu trách nhiệm về thái độ và hành vi của điều phối viên trong quá trình làm nhiệm vụ.

3. Chức năng và nhiệm vụ:

a) Tham mưu cho lãnh đạo CLB và trực tiếp điều hành công tác chuẩn bị tổ chức trận đấu;

b) Đại diện CLB, đội bóng để phối hợp với các thành viên của giải: Hai đội bóng, giám sát trận đấu, giám sát trọng tài, tổ trọng tài, các bộ phận chức năng của địa phương;

c) Điều phối hoạt động các bộ phận của Ban Tổ chức trận đấu đảm bảo trận đấu tiến hành đúng thời gian, đúng các quy định của Luật thi đấu Bóng đá, Điều lệ giải và Quy chế này.

Điều 73. Cán bộ truyền thông

1. Cán bộ truyền thông là người chịu trách nhiệm về công tác truyền thông của CLB, được CLB đăng ký bằng văn bản với Đơn vị tổ chức giải theo quy định.

2. Đối với CLB tham dự các giải bóng đá Chuyên nghiệp, mỗi CLB phải đăng ký bằng văn bản với Đơn vị tổ chức giải 01 (một) cán bộ truyền thông, trước ngày khai mạc giải ít nhất 01 (một) tháng.

Cán bộ truyền thông phải đảm bảo:

a) Có bằng hoặc chứng chỉ liên quan đến nghiệp vụ báo chí, hoặc;

b) Có chứng nhận tham dự khóa tập huấn cán bộ truyền thông của LDBĐVN hoặc Đơn vị tổ chức giải.

Các CLB tham dự phải có trách nhiệm đảm bảo rằng cán bộ truyền thông tham dự khóa tập huấn đầu mùa giải hoặc khóa đào tạo bổ sung do LDBĐVN và/hoặc Đơn vị tổ chức giải tổ chức.

3. Trách nhiệm của cán bộ truyền thông:

a) Cán bộ truyền thông có trách nhiệm phối hợp cùng các hoạt động truyền thông của Đơn vị tổ chức giải (các vấn đề hỗ trợ đài truyền hình bản quyền triển khai máy quay trước trận đấu, vị trí đậu xe kỹ thuật truyền hình, đường điện cho xe kỹ thuật truyền hình; các cuộc họp báo và phỏng vấn; hướng dẫn hoạt động phóng viên viết, ảnh và truyền hình không bản quyền trước, trong và sau trận đấu cũng như các công việc khác liên quan đến truyền thông);

b) Tham mưu cho lãnh đạo CLB, đội bóng và trực tiếp điều hành công tác truyền thông của CLB, đội bóng;

c) Kết nối tất cả các bộ phận trong quá trình tổ chức trận đấu, góp phần đảm bảo trong việc triển khai thực hiện các yêu cầu và nhiệm vụ liên quan đến công tác truyền thông của CLB, đội bóng, giải đấu.

4. CLB/đội bóng phải đảm bảo và chịu trách nhiệm về thái độ và hành vi của cán bộ truyền thông trong quá trình làm nhiệm vụ.

Điều 74. Cán bộ an ninh

1. Cán bộ an ninh là người phụ trách về công tác an ninh, an toàn trận đấu của Ban Tổ chức trận đấu; được CLB đăng ký bằng văn bản với Đơn vị tổ chức giải theo quy định.

2. Tiêu chuẩn cán bộ an ninh:

Cán bộ an ninh phải đáp ứng một trong các yêu cầu tối thiểu sau:

a) Giấy chứng nhận công an hoặc nhân viên an ninh theo quy định của pháp luật; hoặc

b) Tham dự khóa đào tạo do LDBĐVN và/hoặc cơ quan có thẩm quyền tổ chức; hoặc

c) Giấy chứng nhận năng lực do LDBĐVN cấp.

3. CLB phải đảm bảo và chịu trách nhiệm về thái độ và hành vi của cán bộ an ninh trong quá trình làm nhiệm vụ.

4. Chức năng và nhiệm vụ:

a) Tham mưu cho lãnh đạo CLB và trực tiếp điều hành công tác an ninh của CLB;

b) Kết nối tất cả các bộ phận trong quá trình tổ chức trận đấu, góp phần đảm bảo trong việc triển khai thực hiện các yêu cầu và nhiệm vụ liên quan đến công tác an ninh của CLB, giải đấu.

Điều 75. Cán bộ y tế

1. Cán bộ y tế là người chịu trách nhiệm về công tác tư vấn và hỗ trợ y tế của CLB; được CLB đăng ký bằng văn bản với Đơn vị tổ chức giải trước ngày khai mạc giải ít nhất 01 (một) tháng và phải có bằng cấp chuyên môn phù hợp do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp và/hoặc đã hoàn thành khóa học về Y học thể thao do LDBĐVN hoặc LDBĐ quốc tế tổ chức.

2. CLB phải đảm bảo và chịu trách nhiệm về thái độ và hành vi của cán bộ y tế trong quá trình làm nhiệm vụ.

3. Chức năng và nhiệm vụ:

a) Tham mưu cho lãnh đạo CLB và trực tiếp điều hành công tác y tế của CLB;

b) Kết nối tất cả các bộ phận trong quá trình tổ chức trận đấu, góp phần đảm bảo trong việc triển khai thực hiện các yêu cầu và nhiệm vụ liên quan đến công tác y tế của CLB, giải đấu.

Điều 76. Nhân viên nhật bóng và lau sàn

1. Ban Tổ chức trận đấu phải bố trí tối thiểu 10 (mười) người nhật bóng, được trang bị đồng phục, áo mưa, đi giày thể thao, ghế ngồi thấp.

2. Đối với các giải Futsal, các giải, trận đấu trong nhà thi đấu theo Luật thi đấu Futsal thì Ban Tổ chức trận đấu phải bố trí tối thiểu 04 người nhật bóng và 04 nhân viên lau sàn.

3. Đồng phục của nhân viên nhật bóng và lau sàn không trùng màu áo với hai đội thi đấu.

4. Phải thực hiện nhiệm vụ với tinh thần nghiêm túc đảm bảo quy định và hướng dẫn của đơn vị tổ chức.

Mục 3. CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ PHỤC VỤ TRẬN ĐẤU

Điều 77. Sân vận động

Trừ các trường hợp có quy định khác, sân vận động đối với giải đấu thuộc hệ thống bóng đá Chuyên nghiệp phải đảm bảo các điều kiện sau:

1. Quy định chung về yêu cầu của sân vận động:

a) Đáp ứng các quy định yêu cầu tối thiểu cần phải có đối với một sân vận động đủ tiêu chuẩn hợp lệ để đăng cai các trận đấu trong tất cả các giải bóng đá Chuyên nghiệp của LĐBĐVN. CLB phải có xác nhận bằng văn bản của cơ quan quản lý Nhà nước cho phép CLB được sử dụng sân vận động cho công tác tổ chức các trận đấu của CLB đó;

b) Bằng kinh phí của mình, đơn vị đăng cai chịu trách nhiệm:

- Tuân thủ các yêu cầu theo quy định và hướng dẫn, liên quan của LĐBĐVN, FIFA, AFC và quy định pháp luật liên quan;

- Đảm bảo sân vận động có các chứng chỉ, giấy phép an toàn theo quy định của pháp luật;

- Thanh toán toàn bộ các khoản thuế, lệ phí và chi phí bất kỳ có liên quan đến việc thực hiện và tuân thủ Phụ lục này;

c) Đơn vị tổ chức giải chỉ được cho phép tối đa 03 (ba) CLB tham dự giải Bóng đá Chuyên nghiệp cùng đăng ký thi đấu trên một sân vận động trong một mùa giải;

d) LĐBĐVN có quyền đưa ra quyết định cuối cùng về sân vận động được sử dụng cho giải đấu, căn cứ trên sự đảm bảo và xác nhận của đơn vị tổ chức giải, đơn vị đăng cai và thông tin bất kỳ mà LĐBĐVN có được. Tất cả các quyết định đó có hiệu lực cao nhất, mang tính bắt buộc áp dụng và không bị kháng nghị.

2. Yêu cầu về sân thi đấu:

a) Kích thước sân theo quy định của Luật thi đấu Bóng đá;

b) Bề mặt sân cỏ tự nhiên hoặc sân cỏ nhân tạo phải đáp ứng được các quy định về chất lượng của FIFA. Đối với sân cỏ tự nhiên mặt cỏ phải có màu xanh lá cây, cỏ phủ đều, được lu phẳng và mịn; trước ngày thi đấu phải cắt cỏ theo quy định, phải tưới nước lên cỏ trên mặt sân (nếu thời tiết nắng), việc tưới nước sân thi đấu phải được hoàn thành 03 (ba) tiếng trước giờ bóng lăn;

c) Các đường giới hạn phải đảm bảo quy định của Luật thi đấu;



d) Cầu môn phải đáp ứng đúng quy định của Luật thi đấu, được mắc lưới và được sơn màu trắng; cột giữ lưới phải được sơn màu khác hoàn toàn với màu cầu môn;

đ) Sân phải có hàng rào chắc chắn, cao tối thiểu 02m (hai mét) ngăn cách khán giả với mặt sân thi đấu. Những khu vực không có hàng rào ngăn cách phải có biện pháp bảo đảm không cho những người không có nhiệm vụ vào mặt sân;

e) Hàng ghế khán giả gần nhất phải cách các đường biên tối thiểu 05m (năm mét).

3. Yêu cầu về hệ thống đèn chiếu sáng, phát thanh và phòng cháy chữa cháy:

a) Sân thi đấu của các CLB Ngoại hạng phải có hệ thống đèn chiếu sáng đảm bảo độ sáng tối thiểu là 1.200 (một nghìn hai trăm) lux. Hệ thống chiếu sáng phải có nguồn cung cấp điện ổn định và phải có nguồn điện dự phòng để phục vụ tổ chức thi đấu.

Đối với sân thi đấu của các CLB hạng Nhất có sử dụng hệ thống đèn chiếu sáng và đăng ký khung giờ thi đấu sử dụng đèn, cũng phải đảm bảo độ sáng đèn tối thiểu là 1200 (một nghìn hai trăm) lux, có nguồn cung cấp điện ổn định và phải có nguồn điện dự phòng để phục vụ tổ chức thi đấu;

b) Hệ thống phát thanh đảm bảo mọi vị trí trong sân đều nghe rõ; có bảng tỉ số kích thước đủ lớn; chữ và số hiển thị tên đội, tỉ số rõ ràng, đảm bảo tất cả các khán đài nhìn rõ;

c) Hệ thống phòng cháy chữa cháy phải được trang bị đầy đủ, kiểm tra thường xuyên định kỳ được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và đảm bảo hoạt động hiệu quả khi có sự cố xảy ra.

4. Khu xem xét của trọng tài:

a) Trong các trận đấu có sử dụng trợ lý trọng tài video ("VAR"), sân vận động phải có không gian thích hợp tại khu vực không bị hạn chế tầm nhìn, có thể quan sát được bên ngoài sân thi đấu để bố trí ít nhất một khu xem xét của trọng tài;

b) Sân vận động phải cung cấp nguồn điện ổn định, liên tục cho khu xem xét của trọng tài theo quy định và hướng dẫn của LĐBĐVN/Đơn vị tổ chức giải;

c) Sân vận động đảm bảo đáp ứng các hạng mục cơ sở vật chất và điều kiện phục vụ cho việc triển khai áp dụng VAR tại các trận đấu (nếu có) theo yêu cầu quy định, hướng dẫn của Đơn vị tổ chức giải.

5. Khu vực băng ghế dành cho đội bóng và trọng tài thứ tư:

a) Sân vận động phải được trang bị 02 (hai) băng ghế có mái che (hoặc cabin ngồi có mái che) ở sân thi đấu cho cả hai đội, với ghế ngồi đủ chứa tối thiểu hai mươi (20) người mỗi đội, hoặc theo số lượng đoàn quan chức quy định trong Điều lệ giải;

b) Sân vận động phải được trang bị 01 (một) băng ghế có mái che ở trên sân thi đấu cho trọng tài thứ tư;

c) Những băng ghế này phải được đặt cách đường biên dọc ít nhất 5m (năm mét). Băng ghế đặt trên sân thi đấu không được che tầm nhìn của khán giả;

d) Khoảng ngồi cho đội bóng trong khu vực kỹ thuật và khoảng ngồi của trọng tài thứ tư phải được che bằng vật liệu đảm bảo an toàn và có đủ số lượng chỗ ngồi theo quy định của Điều lệ giải. Bất kỳ loại hình quảng cáo nào xuất hiện tại khu vực này phải được sự chấp thuận của Đơn vị tổ chức giải, đảm bảo không ảnh hưởng đến công tác chuyên môn.

6. Khu vực thay trang phục:

a) Phòng thay trang phục dành cho đội bóng:

- Sân vận động phải có tối thiểu 02 (hai) phòng thay trang phục cho đội bóng;

- Phòng thay trang phục và nghỉ ngơi của các đội bóng thi đấu phải đảm bảo rộng, thoáng mát, có đủ ghế ngồi và tủ quần áo riêng cho các vận động viên; có bàn, ghế, băng; có giường mát-xa, phòng tắm, phòng vệ sinh, điều hòa nhiệt độ và quạt điện;

b) Phòng thay trang phục dành cho giám sát, trọng tài:

- Sân vận động phải có ít nhất 01 (một) phòng thay trang phục dành cho giám sát, trọng tài;

- Phòng giám sát, trọng tài đảm bảo diện tích đủ rộng và trang bị tối thiểu các trang thiết bị văn phòng, đường truyền Internet, điện thoại; phòng tắm, phòng vệ sinh, tủ đựng quần áo, máy điều hòa không khí và quạt điện; có đường truyền, kết nối internet, wifi hoạt động tốt để đảm bảo việc truyền hình ảnh hoặc đoạn băng trong thời gian ngắn.

7. Khu vực chỗ ngồi dành cho giám sát trận đấu, giám sát trọng tài:

Khu vực làm việc riêng dành cho các giám sát làm nhiệm vụ ở vị trí khán đài trung tâm, đảm bảo thuận tiện việc quan sát toàn bộ sân thi đấu và các khu

vực khán đài; có mạng internet không dây (wifi), có lối di chuyển dễ dàng tiếp cận khu vực sân thi đấu và các phòng thay đồ của hai đội bóng và phòng giám sát, trọng tài khi cần thiết; có đường truyền, kết nối internet, wifi hoạt động tốt để đảm bảo việc truyền hình ảnh hoặc đoạn băng trong thời gian ngắn.

8. Không gian văn phòng và khu vực phòng họp:

a) Phòng họp báo/báo chí:

- Tối thiểu 30 (ba mươi) chỗ ngồi và đầy đủ phương tiện truyền thông. Biểu trưng của LĐBĐVN phải xuất hiện tại cuộc họp báo;

- Phòng họp báo được sắp đặt một bàn chủ tọa với tối thiểu 02 (hai) ghế và 02 (hai) micro không dây;

- Phòng họp báo và phòng báo chí hoạt động từ 02 (hai) tiếng trước trận đấu, cung cấp tín hiệu internet, ổ cắm điện, bàn và ghế làm việc cho phóng viên; bọc đặt camera ở cuối phòng (kích thước phù hợp với diện tích phòng). Tùy điều kiện của sân vận động, có thể ghép phòng họp báo và phòng báo chí thành một phòng Báo chí;

b) Phòng họp kỹ thuật: Đảm bảo đủ rộng, được trang bị đầy đủ các trang thiết bị cơ bản như bàn, ghế, nguồn điện, điều hòa không khí/quạt điện, máy chiếu/màn hình tivi được sắp xếp theo vị trí theo quy định, hướng dẫn của đơn vị tổ chức giải;

c) Phòng y tế với đầy đủ các trang thiết bị sơ cấp cứu, phòng vệ sinh, máy thu hình, tủ lạnh có nước uống giải khát và có thể dùng làm nơi kiểm tra doping;

d) Phòng an ninh: Có hệ thống trang thiết bị để theo dõi mọi diễn biến trên sân và trên khán đài;

d) Phòng (hoặc ca-bin) dành riêng cho truyền hình trên khu vực khán đài A, đảm bảo vệ sinh sạch sẽ và trang bị bàn ghế, tivi, nguồn điện, đường truyền internet.

9. Khu vực dành cho khán giả:

a) Toàn bộ khu vực khán đài A và khán đài B của sân vận động phải được lắp đặt ghế ngồi đầy đủ;

b) Sức chứa tối thiểu của sân vận động đăng cai các trận đấu của Giải bóng đá Vô địch Quốc gia là 10.000 người; sân vận động đăng cai các trận đấu của Giải bóng đá Hạng Nhất Quốc gia là 4.000 người;

c) Các lối ra vào sân vận động phải đủ rộng, thông thoáng, đảm bảo để khán giả ra vào được nhanh chóng, thuận lợi và an toàn. Tại các lối ra/vào sân, các khu vực khác liên quan trong sân phải được lắp đặt biển chỉ dẫn phù hợp, rõ ràng;

d) Trên các khán đài phải có khu vệ sinh cho khán giả, bố trí riêng biệt khu vực nam/nữ, đảm bảo vệ sinh sạch sẽ;

đ) Có khu vực khán đài dành riêng cho khán giả khuyết tật, đảm bảo việc di chuyển dễ dàng thuận tiện và an toàn.

10. Khu vực chức năng khác:

a) Sân vận động đảm bảo tối đa 15 (mười lăm) chỗ ngồi trên khán đài ngay sau khu vực kỹ thuật của mỗi đội dành cho cho quan chức, cầu thủ không đăng ký trận đấu;

b) Khu vực cho các phóng viên viết dành riêng trên khán đài đảm bảo có vị trí quan sát phù hợp, có bàn, ghế, internet hoạt động tốt;

c) Khu vực phòng vãn nhanh cho các phóng viên trên đường các cầu thủ ra xe sau trận đấu;

d) Khu vực đỗ xe có diện tích phù hợp cho xe và các phương tiện kỹ thuật liên quan của đơn vị Truyền hình và đơn vị triển khai VAR (nếu có), đảm bảo phục vụ việc tác nghiệp. Tất cả các điểm đỗ xe này phải được sắp xếp ở vị trí ưu tiên sát cạnh, hoặc gần nhất có thể với các khu tác nghiệp phía trong sân thi đấu và phải có lối vào trực tiếp tới các khu này.

Điều 78. Sân thi đấu

1. Sân thi đấu đối với các giải thuộc hệ thống giải bóng đá Chuyên nghiệp thực hiện theo Điều 77 của Chương này.

2. Đối với các giải bóng đá Hạng Nhì Quốc gia, nữ Vô địch Quốc gia, nữ Cúp Quốc gia, Hạng Ba Quốc gia:

a) Kích thước sân theo quy định của Luật Bóng đá;

b) Mặt sân cỏ tự nhiên hoặc sân cỏ nhân tạo theo tiêu chuẩn hai sao của FIFA phải phủ cỏ đều, được lu phẳng và mịn. Đối với sân cỏ tự nhiên, trước ngày thi đấu phải cắt cỏ, tưới nước, kẻ sân theo quy định trong Hướng dẫn về sân vận động của LĐBĐVN;

c) Những vạch giới hạn phải được kẻ đậm nét bằng sơn trắng;

d) Cầu môn phải căng lưới chắc chắn; khung thành đúng với quy định của Luật Bóng đá và được sơn màu trắng; cột giữ lưới phải được sơn màu khác hoàn toàn với màu cầu môn;

đ) Sân phải có hàng rào chắc chắn, cao tối thiểu 02 (hai) mét ngăn cách khán giả với mặt sân thi đấu. Những khu vực không có hàng rào ngăn cách phải có biện pháp bảo đảm không cho những người không có nhiệm vụ vào mặt sân;

e) Có khán đài hoặc khu vực bố trí ghế ngồi cho khán giả, cách đường biên tối thiểu 05 (năm) mét;

g) Hệ thống đèn chiếu sáng tối thiểu 900 (chín trăm) lux, nguồn cung cấp điện ổn định và phải có nguồn điện dự phòng để phục vụ tổ chức thi đấu;

h) Phòng thay đồ và nghỉ ngơi của các đội bóng thi đấu phải đảm bảo rộng, thoáng mát, có đủ ghế ngồi và tủ quần áo cho các vận động viên; có bàn, ghế, bảng, phòng tắm, phòng vệ sinh, điều hòa nhiệt độ hoặc quạt điện;

i) Các lối ra vào sân thi đấu phải đủ rộng, thông thoáng, đảm bảo để khán giả ra vào được nhanh chóng, thuận lợi và an toàn;

l) Khoảng ngồi cho đội bóng trong khu vực kỹ thuật phải có đủ chỗ ngồi cho quan chức, HLV và cầu thủ dự bị theo quy định của Điều lệ Giải;

m) Hệ thống phòng cháy chữa cháy phải được trang bị đầy đủ, kiểm tra thường xuyên định kỳ và đảm bảo hoạt động hữu hiệu mỗi khi có sự cố xảy ra;

n) Có hệ thống phát thanh đảm bảo mọi vị trí trong sân đều nghe rõ;

o) Có bảng tỉ số kích thước đủ lớn đảm bảo tất cả các khán đài nhìn rõ; hiển thị chữ, tên đội, tỉ số rõ ràng.

3. Đối với các giải bóng đá trẻ quốc gia theo lứa tuổi nam và nữ, sân thi đấu phải đảm bảo các điều kiện nêu tại các điểm a, b, c, d, e, i, l, m, n khoản 2 Điều này.

4. Đối với các giải Futsal quốc gia và các giải thi đấu trong nhà theo Luật thi đấu Futsal thì sân thi đấu phải đảm bảo điều kiện tổ chức như sau:

a) Kích thước sân thi đấu theo quy định của Luật thi đấu Futsal;

b) Mặt sân bằng phẳng, không thô nhám và không bị mài mòn, chất liệu gỗ hoặc thảm thi đấu Futsal nhân tạo. Trước ngày thi đấu phải kẻ sân theo quy định trong của Luật thi đấu Futsal;

c) Những vạch giới hạn phải được kẻ theo quy định của Luật thi đấu Futsal;

d) Kích thước và màu sắc cầu môn phải đảm bảo đúng với quy định của Luật thi đấu Futsal;

đ) Sân phải có hàng rào ngăn cách khán giả với mặt sân thi đấu. Những khu vực không có hàng rào ngăn cách phải có biện pháp bảo đảm không cho những người không có nhiệm vụ vào mặt sân;

e) Có khán đài hoặc khu vực bố trí ghế ngồi hoặc chỗ ngồi;

g) Hệ thống đèn chiếu sáng tối thiểu 900 (chín trăm) lux, nguồn cung cấp điện ổn định và phải có nguồn điện dự phòng để phục vụ thi đấu. Có bảng tỉ số đảm bảo đủ lớn để các khán đài quan sát thấy; hiển thị thông tin thời gian trận đấu, bàn thắng, lỗi tổng hợp và các hiệp đấu.

Ngoài ra, sân thi đấu Futsal phải đảm bảo các điều kiện tổ chức quy định tại các điểm h, i, l, m, n khoản 2 Điều này.

5. Đối với giải bóng đá Bãi Biển Quốc gia sân thi đấu phải đảm bảo mặt sân và kích thước đúng quy định của Luật bóng đá bãi biển; phải đảm bảo các điều kiện tổ chức và an ninh, an toàn.

6. Đối với sân thi đấu của các giải bóng đá khác thuộc quản lý, tổ chức của LĐBĐVN mà không quy định tại Điều này thì thực hiện và tuân thủ theo quy định Điều lệ giải liên quan.

7. Sân chưa đủ điều kiện sẽ không được tổ chức thi đấu giải.

Điều 79. Khu vực kỹ thuật

1. Khu vực kỹ thuật phải đảm bảo kích thước theo quy định của Luật thi đấu tương ứng.

2. Khu vực kỹ thuật của đội chủ nhà (đội đứng tên trước trong lịch thi đấu) ở phía sân bên trái khán đài A.

3. Số lượng và thành phần của mỗi đội bóng trong khu vực kỹ thuật theo quy định của Điều lệ giải.

4. Trước trận đấu, đội bóng phải đăng ký danh sách những người ngồi trong khu vực kỹ thuật với trọng tài thứ 4 và phải tuân thủ các quy định sau:

a) Chỉ những người có tên trong danh sách đăng ký tham dự giải mới được đăng ký hoạt động trong khu vực kỹ thuật; trường hợp có thay đổi đăng ký phải thông báo cho Ban Tổ chức giải và giám sát trận đấu biết trong cuộc họp kỹ thuật. Tất cả những người ở trong khu vực kỹ thuật phải đeo thẻ do Ban Tổ chức giải

cấp và phải mặc khác màu với trang phục của cầu thủ 02 (hai) đội và các thành viên làm nhiệm vụ trên sân trong suốt quá trình diễn ra trận đấu;

b) Tất cả những người trong khu vực kỹ thuật phải ngồi. Tại một thời điểm cụ thể, chỉ 01 (một) người được chỉ đạo chuyên môn trong khu vực kỹ thuật, không được di chuyển vượt quá vạch giới hạn;

c) Tất cả các cán bộ của đội bóng phải ở trong ranh giới khu vực kỹ thuật, không được tự ý vào sân thi đấu, ngoại trừ bác sĩ hoặc người săn sóc vào sân để đánh giá mức độ chấn thương của cầu thủ khi được trọng tài cho phép;

d) Tất cả những người trong khu vực kỹ thuật phải có thái độ đúng mực, tuân thủ tinh thần thể thao cao thượng, tôn trọng các quyết định của trọng tài, không được gây ảnh hưởng hoặc cản trở hoạt động trợ lý trọng tài; không cời trăn, không được hút thuốc lá;

đ) Việc sử dụng thiết bị điện tử, liên lạc trong khu vực kỹ thuật phải tuân theo quy định của Luật Thi đấu bóng đá.

5. Cán bộ hoặc cầu thủ vi phạm các quy định tại khoản 4 Điều này sẽ bị trọng tài truất quyền và người đó phải rời khỏi khu vực kỹ thuật ngay lập tức, đồng thời trọng tài báo cáo về Ban Tổ chức giải. HLV và các thành viên khác của đội bóng không được phép đến bàn của Ban Tổ chức trận đấu và giám sát để khiếu nại trong khi trận đấu đang tiến hành.

6. Thành viên Ban Tổ chức trận đấu có trách nhiệm đưa những người bị truất quyền hoạt động tại khu vực kỹ thuật hoặc cầu thủ bị thẻ đỏ vào khu vực quy định của Ban Tổ chức trận đấu.

7. Trong giờ nghỉ giữa hai hiệp đấu chính thức tất cả cầu thủ đang thi đấu của 02 (hai) đội phải vào phòng thay đồ (nếu có).

Mục 4. HOẠT ĐỘNG PHỤC VỤ TRẬN ĐẤU

Điều 80. Vé trận đấu

Đối với các giải đấu, trận đấu có quy định phát hành vé, việc phát hành phải thực hiện theo các quy định sau đây:

1. Thời gian, địa điểm và phương thức bán vé phải được thông báo trước trên các phương tiện thông tin đại chúng.

2. Công tác tổ chức bán vé phải bảo đảm an toàn, trật tự.

3. CLB/đội bóng phải bán vé đúng giá cho mọi đối tượng khán giả.



4. CLB/đội khách phải đăng ký số lượng vé của mình với Ban Tổ chức trận đấu chậm nhất 10 (mười) ngày trước khi diễn ra trận đấu hoặc một thời hạn khác theo văn bản, thông báo của Ban Tổ chức, LDBĐVN. Ban Tổ chức trận đấu phải tiếp nhận và giải quyết với số lượng vé hợp lý và bán vé cho CLB/đội khách ở khu vực khán đài đã đăng ký với Ban Tổ chức giải. CĐV đội khách phải đảm bảo được mua tối đa 8% trên tổng số sức chứa của sân vận động.

5. CLB/đội bóng không được phép phát hành số lượng vé vượt sức chứa của sân.

6. Trong trường hợp không bán vé, CLB/đội bóng vẫn phải phát hành vé mời. Ban Tổ chức trận đấu phải đảm bảo đủ lực lượng an ninh để kiểm soát số lượng khán giả vào sân theo các quy định tại Quy chế này, phải đảm bảo số lượng khán giả không được vượt quá sức chứa của sân.

7. CLB/đội bóng phải in vé mời, vé bán theo mẫu của LDBĐVN hoặc Đơn vị tổ chức giải, hình ảnh trên vé không được có những quảng cáo cạnh tranh với các ngành đã được LDBĐVN hoặc Đơn vị tổ chức giải thông báo liên quan, ảnh hưởng tới các nhà tài trợ giải.

8. CLB/đội bóng phải in một số vé mời cả giải theo số lượng và khu vực quy định tại Điều lệ giải để chuyển về cho LDBĐVN hoặc Đơn vị tổ chức giải và các nhà tài trợ giải trước khi khai mạc giải 10 (mười) ngày.

Điều 81. Cổ động viên

1. Cổ động viên của một CLB/đội bóng là những người ủng hộ CLB/đội bóng, bao gồm:

a) Những người thuộc hội cổ động viên được thành lập hợp pháp;

b) Người ngồi trong khu vực dành riêng cho cổ động viên đội bóng trên khán đài do Ban Tổ chức trận đấu sắp xếp.

2. Tất cả những người ủng hộ đội bóng và cổ động viên ngồi trong khu vực dành riêng cho cổ động viên CLB, đội bóng đó trên khán đài được coi là cổ động viên của CLB, đội bóng đó, trừ trường hợp chứng minh ngược lại. CLB, đội bóng tham dự trận đấu phải chịu trách nhiệm về hành vi ứng xử không đúng do cổ động viên của mình gây ra, dù đó là lỗi cố ý hay vô ý sẽ bị xử lý kỷ luật theo Quy định về kỷ luật của LDBĐVN.

3. Đội khách phải cử cán bộ phụ trách cổ động viên phối hợp với Ban Tổ chức trận đấu để kiểm soát cổ động viên khi đi thi đấu trên sân khách.

Điều 82. Hoạt động của phóng viên tại sân thi đấu

Trừ trường hợp có quy định khác, hoạt động của phóng viên tại các giải bóng đá quốc gia cần đảm bảo:

1. Chỉ các phóng viên báo chí, truyền hình có thẻ do Ban Tổ chức giải cấp mới được vào sân thi đấu và tác nghiệp tại các khu vực được quy định.
2. Chỉ các phóng viên ảnh, truyền hình có thẻ và áo nhận diện (áo bib) do Ban Tổ chức giải cấp mới được xuống sân và tác nghiệp tại khu vực được quy định.
3. Trước và trong thời gian diễn ra trận đấu, phóng viên ảnh chỉ được hoạt động tại khu vực phía sau các bảng quảng cáo ở đường biên ngang, không được sử dụng máy chụp ảnh có đèn, không được di chuyển sang phía cầu môn đối diện theo dọc khán đài A.
4. Khi trọng tài và hai đội làm thủ tục trước trận đấu, các phóng viên ảnh và truyền hình được di chuyển về khu vực trước trung tâm ngoài đường biên dọc của sân thi đấu để tác nghiệp, không được vào mặt sân thi đấu và sau đó phải di chuyển ngay về phía sau hai đường biên ngang trước khi bóng lăn, ngoại trừ máy ghi hình của Đài truyền hình có quyền phát sóng trực tiếp (tối đa 02 phóng viên truyền hình) và phóng viên ảnh của Ban Tổ chức giải được hoạt động tại khu vực trước trung tâm của sân thi đấu.
5. Ban Tổ chức trận đấu phải bố trí khu vực dành riêng trên khán đài với đầy đủ các trang thiết bị theo quy định của LĐBĐVN hoặc Đơn vị tổ chức giải cho các phóng viên viết và khu vực phát thanh, truyền hình.
6. Việc tổ chức họp báo sau trận đấu và các hoạt động phỏng vấn chính thức theo Điều lệ, quy định, hướng dẫn của Ban Tổ chức giải.
7. Vị trí đặt các máy ghi hình không được làm cản trở các cán bộ, trọng tài, đội bóng làm nhiệm vụ tại trận đấu hoặc che tầm nhìn của khán giả. Đài truyền hình có quyền phát sóng trực tiếp được đặt máy ghi hình ở khu vực quy định trước trung tâm của sân thi đấu và vị trí đặt máy cho phép tối đa ngang với bàn trọng tài thứ 4.

Vị trí máy quay của Đài truyền hình có bản quyền (HB) khu vực dưới đường pitch phải được bố trí theo đúng sơ đồ do BTC giải quy định; phải đảm bảo tầm nhìn không bị che khuất đối với sân thi đấu, khu kỹ thuật và hoạt động của trọng tài. Trường hợp sử dụng ghế máy quay, ghế phải được đặt cách đường biên dọc gần nhất tối thiểu 03 (ba) mét, chiều cao không vượt quá 1,4m (một phẩy tư) mét, có đệm bảo vệ và không được gây cản trở đến cầu thủ, trọng tài biên, lối ra vào

sân hoặc khu vực kỹ thuật. Trường hợp sử dụng giá đỡ ba chân (tripod), máy quay phải đặt ngang với khu vực trọng tài thứ tư và không được gây ảnh hưởng đến tầm nhìn, di chuyển của cầu thủ, trọng tài cũng như việc sử dụng khu vực kỹ thuật. Mọi hình thức bố trí khác với các quy định nêu trên chỉ được phép thực hiện khi có sự chấp thuận bằng văn bản của Ban Tổ chức giải.

Trong trận đấu, giờ nghỉ giữa hai hiệp, giờ nghỉ giữa trận đấu chính và trận đấu phụ và sau khi kết thúc trận đấu, các phóng viên ảnh và viết không được vào khu vực trước trung tâm của sân thi đấu (có khu vực kỹ thuật của hai đội bóng) và mặt sân thi đấu.

8. Đài truyền hình có quyền phát sóng trực tiếp trận đấu được tổ chức bình luận trên khu vực trước trung tâm của sân thi đấu trong giờ nghỉ giữa hai hiệp và phỏng vấn nhanh không quá 02 (hai) phút tại sân sau khi kết thúc trận đấu.

9. Phỏng vấn của các phóng viên sau trận đấu sẽ được tiến hành trong phòng họp báo tại sân thi đấu và tại khu vực phỏng vấn hỗn hợp.

10. Đối với hoạt động phóng viên tại các giải thuộc Hệ thống bóng đá Chuyên nghiệp, hoạt động họp báo và phỏng vấn cần đảm bảo:

a) Phỏng vấn nhanh trước trận đấu: Tất cả cầu thủ, HLV phải đi từ xe vào phòng thay đồ qua khu vực được bố trí bởi Ban Tổ chức Giải. Chỉ Đài truyền hình bản quyền được phỏng vấn nhanh HLV trường 02 (hai) đội tại khu vực này, được bố trí trên đường di chuyển từ xe ô tô vào phòng thay đồ và không quá 03 (ba) phút. HLV trưởng và cầu thủ có trách nhiệm trả lời phỏng vấn của phóng viên khi di chuyển qua khu vực này;

b) Phỏng vấn nhanh sau trận đấu: Chỉ Đài truyền hình bản quyền được phỏng vấn nhanh trong khu vực liền kề mặt sân thi đấu và không quá 03 (ba) phút;

c) Họp báo sau trận đấu: Được tiến hành trong phòng họp báo của sân vận động;

d) Phỏng vấn tại khu vực hỗn hợp sau trận đấu: Tất cả cầu thủ, HLV phải đi từ phòng thay đồ ra xe qua khu vực phỏng vấn khu vực hỗn hợp được bố trí bởi Ban Tổ chức giải. Tất cả các phóng viên được tác nghiệp tại khu vực phỏng vấn hỗn hợp nhưng không bắt buộc HLV, cầu thủ phải trả lời. Khu vực này sẽ kết thúc hoạt động sau khi 02 (hai) đội bóng ra về.

Điều 83. Hoạt động quảng cáo trong khu vực thi đấu

Trừ trường hợp có quy định khác, LDBĐVN hoặc Đơn vị tổ chức giải căn cứ vào tính chất của từng giải bóng đá quốc gia và có thể thỏa thuận với CLB/đội bóng để quy định số lượng bảng quảng cáo và vị trí trên sân tại Điều lệ giải. Bảng

quảng cáo trên sân phải được thiết kế mỹ thuật, nội dung quảng cáo phải phù hợp với quy định của pháp luật, được cấp phép nội dung quảng cáo và sản phẩm quảng cáo theo quy định pháp luật, bảo đảm an toàn, không đặt ở vị trí che khuất tầm nhìn của khán giả, không ảnh hưởng tới chất lượng chuyên môn thi đấu của giải. Đơn vị tổ chức giải phải đảm bảo biểu trưng (logo) của LĐBĐVN xuất hiện trên sân thi đấu. Cụ thể:

1. Kích thước bảng quảng cáo trên sân thi đấu phải đảm bảo theo đúng quy chuẩn cao 01m (một mét), dài 05m (năm mét). Trường hợp CLB có yêu cầu hình thức quảng cáo khác xuất hiện trong khuôn viên sân thi đấu, phải được sự chấp thuận bằng văn bản của Đơn vị tổ chức giải trước khi tiến hành.

2. Số lượng bảng quảng cáo của Đơn vị tổ chức giải và/hoặc các nhà tài trợ của giải đấu được quy định tại Điều lệ giải. CLB, đội bóng phải chịu trách nhiệm hoàn tất thủ tục và có được giấy phép quảng cáo tại khuôn viên sân thi đấu do cơ quan chức năng có thẩm quyền địa phương cấp và đóng lệ phí theo quy định cho tất cả các quảng cáo trên sân trước khi giải đấu/trận đấu diễn ra (LĐBĐVN hoặc Đơn vị tổ chức giải sẽ cung cấp các mẫu bảng quảng cáo cho các CLB, đội bóng theo đề nghị hợp lý).

3. Việc bố trí quảng cáo xung quanh mặt sân thi đấu và ở các vị trí khác trên sân phải theo đúng sơ đồ quy định của Đơn vị tổ chức giải; CLB/đội bóng không được tự ý tăng số lượng bảng quảng cáo và sử dụng các hình thức quảng cáo khác.

4. Các bảng quảng cáo phải được bố trí cách đường biên dọc của mặt sân thi đấu ít nhất 03m (ba mét), cách đường biên ngang của mặt sân thi đấu ít nhất 4,5m (bốn phẩy năm mét).

5. Trong thời gian tổ chức trận đấu (trước, giữa hai hiệp và sau trận đấu), không cho phép bất kỳ đơn vị nào quảng bá sản phẩm, thương hiệu cạnh tranh với các nhà tài trợ của giải hoặc thực hiện các hình thức tiếp thị hoặc quảng cáo chớp nhoáng như tặng quà trên sân hoặc công bố trên loa phóng thanh.

6. Các nhà tài trợ của giải đấu được phép vào sân miễn phí để thực hiện các hoạt động tài trợ như: phát sản phẩm miễn phí, trưng bày giới thiệu sản phẩm, phát tài liệu, ấn phẩm quảng cáo sản phẩm và các hình thức hợp pháp khác.

Điều 84. Quy định về an ninh, an toàn đối với Ban Tổ chức trận đấu

1. Công tác chuẩn bị an ninh, an toàn trước trận đấu:



a) Thường xuyên kiểm tra và chuẩn bị tốt các trang thiết bị, cơ sở vật chất, mặt sân thi đấu, mặt sân tập; bố trí lực lượng để đảm bảo an ninh, an toàn trong và xung quanh sân tổ chức thi đấu;

b) Trang bị đầy đủ hệ thống phòng cháy chữa cháy theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, kiểm tra thường xuyên định kỳ và đảm bảo hoạt động hữu hiệu mỗi khi có sự cố xảy ra;

c) Chuẩn bị lực lượng và phương án, phương tiện nhằm đối phó hữu hiệu với các sự cố do khán giả quá khích gây ra;

d) Những trận đấu sử dụng ánh sáng đèn, Ban Tổ chức trận đấu phải đảm bảo đèn có độ sáng đầy đủ, thường xuyên kiểm tra hệ thống điện, nguồn cung cấp điện và phải có nguồn điện dự phòng để đảm bảo tính ổn định, liên tục của nguồn cung cấp điện;

đ) Kiểm tra hệ thống phát thanh phải đảm bảo mọi vị trí trong sân đều nghe rõ và được bố trí gần nơi điều hành của Ban Tổ chức trận đấu;

e) Lực lượng công an, vệ sĩ, công an giao thông phải được huy động với số lượng đầy đủ và có các phương tiện nghiệp vụ cần thiết; phải bố trí khu vực làm việc cho lực lượng công an;

g) Kiểm tra, rà soát các khu vực trong sân vận động; dò tìm, loại bỏ bất cứ vật nguy hiểm nào trên sân và hoàn tất trước khi bắt đầu trận đấu ít nhất 180 (một trăm tám mươi) phút.

2. Trong thời gian diễn ra trận đấu:

a) Lực lượng công an trật tự, công an cơ động kiểm soát khu vực bên ngoài hàng rào ngăn cách khán giả với đường chạy quay mặt lên khán đài làm nhiệm vụ, nhằm ngăn chặn khán giả ném đồ vật vào sân hoặc những người quá khích vượt hàng rào ngăn cách để vào sân thi đấu;

b) Công an đặc biệt mặc thường phục được bố trí ở các khu vực trên khán đài;

c) Có đủ lực lượng công an giữ trật tự và nhân viên kiểm soát một cách hữu hiệu tại các cổng ra vào sân. Kiểm soát chặt chẽ khán giả khi vào khu vực sân thi đấu, không cho mang bất cứ vật dụng nào vào khuôn viên sân vận động mà được đánh giá là vật dụng gây nguy hiểm cho người khác (chai thủy tinh, chai nhựa, đồ uống có cồn, gạch đá, gậy, mũ bảo hiểm, pháo nổ, pháo sáng);

d) Cấm sử dụng bất kỳ thiết bị pháo hoa, pháo sáng, chất gây cháy hoặc thiết bị nổ trong khuôn viên sân vận động;

đ) Phải tách riêng cổ động viên của đội khách ở khán đài riêng biệt với khán đài có cổ động viên đội chủ nhà và phải bố trí lực lượng công an/an ninh bảo đảm an toàn cho cổ động viên của hai đội;

e) Có trách nhiệm đảm bảo trật tự và kiểm soát khán giả trước, trong và sau trận đấu. Ban Tổ chức trận đấu có quyền áp dụng các biện pháp cần thiết đối với những khán giả có hành vi cản trở việc tổ chức trận đấu, bao gồm việc buộc rời khỏi hoặc cấm vào khu vực sân tổ chức thi đấu, khu vực quanh sân tổ chức thi đấu.

3. Sau khi trận đấu kết thúc:

a) Phải có phương án bảo vệ cho các thành viên tham dự trận đấu, kịp thời ngăn chặn mọi hành vi quá khích giữa các nhóm cổ động viên hoặc giữa cổ động viên với tổ trọng tài, cầu thủ hoặc giữa hai đội bóng;

b) Trong bất kỳ trường hợp nào, phải đảm bảo an toàn tuyệt đối cho tổ trọng tài và các nhóm cổ động viên khi ra về (qua địa giới của tỉnh, thành phố).

Điều 85. Quy định về công tác đảm bảo y tế của trận đấu

1. Ban tổ chức trận đấu có trách nhiệm đảm bảo công tác y tế cho toàn bộ thành viên của các CLB/đội bóng có mặt tại sân thi đấu, thành viên Ban tổ chức và đại biểu, khách mời dự khán trận đấu; đồng thời phải luôn chuẩn bị phương án y tế để hỗ trợ các cá nhân khác, bao gồm cả khán giả đã vào sân trong trường hợp cần thiết.

2. Nội dung công tác y tế bao gồm:

a) Bố trí xe cứu thương:

- Đối với các trận đấu thuộc Hệ thống giải bóng đá Chuyên nghiệp: Bố trí tối thiểu 02 (hai) xe cứu thương và 02 (hai) tổ y tế với đầy đủ các thiết bị chuyên dụng kèm theo, thường trực tại sân thi đấu từ thời gian mở cửa sân cho đến khi trận đấu kết thúc và các thành viên tham dự trận đấu, khán giả đã ra về an toàn.

- Đối với các trận đấu thuộc giải đấu khác: Phải đảm bảo bố trí ít nhất 01 (một) xe cứu thương thường trực tại sân thi đấu từ thời gian mở cửa sân cho đến khi trận đấu kết thúc và các thành viên tham dự trận đấu, khán giả đã ra về an toàn. Trường hợp xe cứu thương rời khỏi sân để vận chuyển người bị chấn thương, phải bố trí xe cứu thương khác thay thế để đảm bảo trên sân luôn có xe cứu thương.

- Xe cứu thương phải có đầy đủ nhân sự chuyên môn, vật tư, trang thiết bị và thuốc thiết yếu theo quy định của Bộ Y tế về cấp cứu ngoại viện;

b) Bố trí tổ y tế thường trực tại sân thi đấu (gồm Bác sĩ, nhân viên sơ cứu) để phối hợp với nhân viên y tế của các CLB/đội bóng trong việc xử lý, cấp cứu vận động viên trong thời gian thi đấu (nếu cần);

c) Bố trí phòng y tế tại địa điểm thi đấu để Tổ y tế sử dụng (nếu cần);

d) Phối hợp với bệnh viện đủ điều kiện sẵn sàng tiếp nhận, cấp cứu, khám và điều trị các trường hợp được chuyển đến (nếu có);

đ) Tổ chức 02 (hai) nhóm/đội cáng thương tại sân thi đấu, mỗi nhóm/đội gồm 04 (bốn) nhân viên và đảm bảo đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ cáng thương;

e) Thời gian hoạt động y tế phục vụ trận đấu được tính từ 120 phút trước thời điểm trận đấu bắt đầu và kết thúc khi các đội bóng đã rời khỏi địa điểm thi đấu.

g) Bác sĩ, nhân viên phục vụ y tế, nhân viên phục vụ cáng cứu thương, phải mặc đồng phục gọn gàng, đi giày thể thao, chỉ được vào sân khi trọng tài cho phép và phải có thái độ phục vụ khẩn trương, nghiêm túc.

Chương IX

QUYỀN SỞ HỮU VÀ CÁC QUYỀN LIÊN QUAN ĐỐI VỚI GIẢI BÓNG ĐÁ

Điều 86. Quyền sở hữu đối với các giải bóng đá

1. LDBĐVN nắm giữ toàn bộ quyền sở hữu và các quyền phát sinh từ các giải đấu thuộc quyền quản lý, tổ chức của LDBĐVN. Các quyền này bao gồm, nhưng không giới hạn: tất cả các quyền sở hữu trí tuệ, truyền thông đa phương tiện, tiếp thị, cấp phép, bán vé, bản quyền truyền hình/truyền thông và các quyền thương mại khác phát sinh theo quy định của pháp luật có liên quan, không phân biệt thời điểm phát sinh.

2. Trừ trường hợp có quy định khác hoặc được LDBĐVN chấp thuận bằng văn bản, các tổ chức thành viên, CLB/đội bóng không được trực tiếp hoặc gián tiếp sử dụng các quyền sở hữu của LDBĐVN dưới bất kỳ hình thức nào hoặc trên bất kỳ phương tiện truyền thông nào.

3. LDBĐVN có quyền cấp quyền thương mại cụ thể liên quan đến LDBĐVN và/hoặc các giải đấu thuộc quyền quản lý, tổ chức của LDBĐVN cho các đơn vị, tổ chức khác (sau đây gọi chung là “Tổ chức nắm giữ quyền của LDBĐVN”). Tổ chức nắm giữ quyền của LDBĐVN có trách nhiệm đóng góp tài chính nhằm đảm bảo việc tổ chức và đầu tư phát triển các giải đấu tại Việt Nam.

Điều 87. Tổ chức nắm giữ quyền của Liên đoàn Bóng đá Việt Nam

1. Tổ chức nắm giữ quyền của LĐBĐVN là đơn vị được LĐBĐVN cấp một phần hoặc toàn bộ các quyền liên quan đến giải đấu thuộc quyền quản lý, tổ chức của LĐBĐVN. Các quyền này bao gồm, nhưng không giới hạn: quyền quản lý, tổ chức, điều hành, khai thác thương mại, truyền thông, truyền hình, bán vé, kinh doanh vật phẩm thể thao và các quyền liên quan khác theo thoả thuận của các bên.

2. Tổ chức/đơn vị nắm giữ quyền của LĐBĐVN bao gồm, nhưng không giới hạn, ở các loại hình sau đây:

a) Tổ chức/đơn vị được LĐBĐVN giao quyền quản lý, tổ chức và điều hành các giải đấu thuộc quyền quản lý, tổ chức của LĐBĐVN;

b) Đơn vị đăng cai tổ chức được LĐBĐVN phê duyệt và cấp quyền sử dụng một số hoạt động quảng cáo và sản xuất các sản phẩm liên quan;

c) Đơn vị tài trợ, quảng cáo theo thoả thuận với LĐBĐVN và/hoặc đơn vị tài trợ, quảng cáo được LĐBĐVN cấp quyền;

d) Đơn vị truyền thông theo thoả thuận với LĐBĐVN và/hoặc đơn vị truyền thông được LĐBĐVN cấp quyền liên quan đến bản quyền truyền hình, quyền phát thanh, quyền đối với truyền băng thông rộng, quyền truyền tải trên thiết bị di động và các quyền tương tự khác theo quy định của pháp luật;

đ) Đơn vị khai thác vật phẩm kinh doanh bóng đá được LĐBĐVN cấp quyền hoặc sẽ được cấp quyền phát triển, sản xuất và kinh doanh các sản phẩm mang nhãn hiệu chính thức của LĐBĐVN và/hoặc giải đấu bóng đá;

e) Tổ chức/đơn vị được LĐBĐVN cấp quyền để khai thác các quyền khác có thể được xác lập trong tương lai theo quy định của LĐBĐVN và pháp luật có liên quan.

Điều 88. Tài trợ

1. Đơn vị tổ chức giải có trách nhiệm điều phối tất cả các hoạt động tài trợ liên quan đến các trận đấu và giải đấu do đơn vị đó tổ chức.

2. Các đơn vị đăng cai tổ chức, CLB và cầu thủ tham gia không được phép sử dụng và/hoặc trưng bày bất kỳ nhãn hiệu, tên của nhà tài trợ, hoặc thương hiệu của bên thứ ba nào trên các vật dụng hoặc thiết bị khi tham dự bất kỳ cuộc họp báo, phỏng vấn, hoạt động truyền thông hoặc sự kiện chính thức nào liên quan đến giải đấu, nếu chưa được sự cho phép bằng văn bản của Đơn vị tổ chức giải.

3. Các nhà tài trợ không được sử dụng ảnh hưởng của mình để can thiệp vào các hoạt động chuyên môn hoặc làm thay đổi, sai lệch kết quả trận đấu.

4. Tổ chức, cá nhân sở hữu, quản lý CLB, đội bóng hoặc có quan hệ trực tiếp/gián tiếp với CLB/đội bóng theo quy định tại Chương 2 của Quy chế này không được phép tài trợ hoặc bảo trợ cho bất kỳ CLB/đội bóng nào khác tham dự trong cùng một giải đấu, nhằm đảm bảo tính liêm chính và công bằng trong thi đấu.

Điều 89. Quảng cáo và thương hiệu của giải đấu

1. LDBĐVN và các đối tác của LDBĐVN chịu trách nhiệm đối với tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động quảng cáo và xây dựng thương hiệu của giải đấu. Các nội dung này bao gồm, nhưng không giới hạn: việc cung cấp và bố trí tất cả các bảng quảng cáo hoặc bảng hiệu trong khu vực chu vi của sân, khu vực phía sau khung thành, phòng nền hợp báo, phòng nền khu vực hỗn hợp, quầy trưng bày trong nhà và ngoài trời, cũng như phòng nền phục vụ các cuộc phỏng vấn nhanh.

2. Các đơn vị đăng cai tổ chức, CLB và cầu thủ tham gia không được phép sử dụng và/hoặc dựng bất kỳ bảng hiệu, quảng cáo nào trong khuôn viên sân vận động hoặc sân thi đấu chính thức tại bất kỳ thời điểm nào trong thời gian diễn ra giải đấu, nếu không có sự chấp thuận bằng văn bản của LDBĐVN và đơn vị tổ chức giải.

3. Đơn vị đăng cai tổ chức có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các thủ tục xin cấp phép và đảm bảo có tất cả các giấy phép và/hoặc văn bản phê duyệt cần thiết theo quy định của pháp luật để được cho phép sử dụng, bố trí và triển khai bất kỳ hoạt động quảng cáo hoặc xây dựng thương hiệu nào của giải đấu tại địa phương.

Điều 90. Quyền sở hữu trí tuệ

1. Quyền sở hữu trí tuệ là quyền của các tổ chức, cá nhân đối với tài sản trí tuệ, bao gồm nhưng không giới hạn ở tất cả các quyền sở hữu trí tuệ và các quyền sở hữu khác theo quy định của pháp luật, dù phát sinh dưới bất kỳ hình thức hay phương tiện nào, đã đăng ký hay chưa đăng ký hoặc có khả năng đăng ký.

Các tài sản trí tuệ nêu trên bao gồm, nhưng không giới hạn: quyền liên quan đến nhãn hiệu thương mại, nhãn hiệu dịch vụ, tên thương mại, hình thức thương mại, thiết kế, bản quyền, tên miền và bất kỳ đơn đăng ký nào nhằm bảo vệ, đăng ký quyền hoặc gia hạn các quyền đó.

2. LDBĐVN có toàn quyền sử dụng, quản lý và khai thác tất cả các quyền sở hữu trí tuệ và các lợi ích liên quan đến giải đấu thuộc quyền quản lý, tổ chức

của LDBĐVN. Các quyền này bao gồm tất cả các quyền sở hữu trí tuệ đã có, đang có hoặc sẽ được tạo ra trong tương lai.

3. Trong trường hợp được LDBĐVN cấp phép sử dụng quyền sở hữu trí tuệ, các tổ chức hoặc cá nhân được cấp phép chỉ được sử dụng các quyền sở hữu trí tuệ đó theo đúng quy định và hướng dẫn của LDBĐVN. Trong mọi trường hợp, các tổ chức hoặc cá nhân được cấp phép không được sử dụng quyền sở hữu trí tuệ gây tổn hại hoặc ảnh hưởng đến uy tín, hình ảnh của LDBĐVN, giải đấu, môn thể thao bóng đá hoặc các sản phẩm/dịch vụ của bất kỳ bên thứ ba nào có liên quan.

Điều 91. Nhãn hiệu giải đấu, tên giải đấu và trang thông tin điện tử (website)

1. LDBĐVN là chủ sở hữu duy nhất đối với tất cả các nhãn hiệu của giải đấu và có quyền độc quyền phát triển, khai thác và sử dụng bất kỳ nhãn hiệu nào liên quan đến các giải đấu và tên giải đấu do LDBĐVN tổ chức. Các nhãn hiệu này bao gồm nhưng không giới hạn dưới dạng logo, dạng chữ hoặc dưới bất kỳ dạng ngôn ngữ nào, cụ thể như sau:

- a) Tên giải đấu;
- b) Biểu tượng (emblem);
- c) Linh vật (mascot);
- d) Cúp (trophy);
- đ) Áp phích (poster);
- e) Khác (trong trường hợp có quy định).

2. Tên giải đấu là tên chính thức của giải đấu do LDBĐVN công bố và được sử dụng thống nhất trong toàn bộ các hoạt động liên quan đến giải đấu.

3. Trong trường hợp được LDBĐVN chấp thuận bằng văn bản cho phép sử dụng các nhãn hiệu của giải đấu và/hoặc tên giải đấu, các đơn vị đăng cai tổ chức, đơn vị tổ chức giải, tổ chức thành viên, các CLB/đội bóng hoặc cầu thủ tham gia có trách nhiệm đảm bảo rằng các bên thứ ba có liên quan không được phép sử dụng các nhãn hiệu của giải đấu và/hoặc tên giải đấu theo bất kỳ hình thức nào có thể:

a) Gây hiểu lầm và ám chỉ về mối liên kết với LDBĐVN, AFF, AFC và FIFA;

b) Gây tổn hại hoặc ảnh hưởng tới uy tín và hình ảnh của LDBĐVN, AFF, AFC và FIFA hoặc các môn thể thao của LDBĐVN; hoặc

c) Gây nhầm lẫn về việc có mối liên kết với bất kỳ sản phẩm hoặc dịch vụ của bên thứ ba nào.

4. Trang thông tin điện tử của LDBĐVN là nền tảng truyền thông chính thức và duy nhất cho giải đấu. Các đơn vị đăng cai tổ chức và/hoặc bên thứ ba không được phép triển khai bất kỳ hoạt động chính thức nào trên các trang thông tin điện tử của mình và/hoặc phát hành bất kỳ thông cáo chính thức nào liên quan đến giải đấu cho các cơ quan báo chí/tổ chức truyền thông, nếu không có sự chấp thuận trước bằng văn bản của LDBĐVN.

Điều 92. Kinh doanh và nhượng quyền thương mại

1. LDBĐVN có quyền khai thác tất cả các quyền kinh doanh hàng hóa, dịch vụ, quyền kinh doanh khác, nhượng quyền và tham gia thỏa thuận nhượng quyền liên quan đến các giải đấu thuộc quyền quản lý, tổ chức của LDBĐVN. Đối với Đơn vị tổ chức giải được LDBĐVN giao quyền tổ chức và điều hành giải đấu, các quyền nêu trên của LDBĐVN sẽ được tiếp nhận và áp dụng tại các giải đấu do LDBĐVN giao quyền cho Đơn vị tổ chức Giải đó.

2. Các đơn vị tổ chức thành viên, CLB và cầu thủ tham dự giải đấu đồng ý rằng bất kỳ việc sử dụng hoặc khai thác hoặc đề xuất sử dụng, khai thác quyền kinh doanh hàng hóa, dịch vụ, quyền kinh doanh khác, nhượng quyền, tham gia thỏa thuận nhượng quyền liên quan đến giải đấu luôn phải có sự chấp thuận trước bằng văn bản của LDBĐVN hoặc Đơn vị tổ chức giải được LDBĐVN giao quyền tổ chức, điều hành giải đấu.

3. Trong trường hợp có yêu cầu, các đơn vị đăng cai tổ chức giải đấu hoặc bên liên quan có trách nhiệm cung cấp miễn phí các khu vực trưng bày thương mại và không gian cần thiết cho LDBĐVN và các đối tác thương mại của LDBĐVN hoặc Đơn vị được LDBĐVN giao quyền tổ chức, điều hành giải đấu và các đối tác thương mại của Đơn vị tổ chức giải này.

Việc cung cấp các khu vực và không gian nêu trên nhằm đảm bảo LDBĐVN và các đối tác thương mại có thể thực hiện đầy đủ các quyền liên quan đến kinh doanh hàng hóa, dịch vụ, quyền kinh doanh khác, nhượng quyền thương mại và bất kỳ hoạt động nào khác liên quan đến giải đấu.

Điều 93. Quyền truyền thông và tiếp thị

1. LDBĐVN sở hữu độc quyền toàn bộ các quyền truyền thông liên quan đến các giải bóng đá thuộc quyền quản lý, tổ chức của LDBĐVN.



2. LDBĐVN có quyền sử dụng và khai thác toàn bộ hoặc một phần các quyền truyền thông liên quan đến các giải đấu. Đồng thời, LDBĐVN có quyền chỉ định đối tác thương mại làm đại diện để khai thác các quyền truyền thông này.

3. Tất cả các tổ chức thành viên của LDBĐVN và các tổ chức/đơn vị tham gia vào các giải đấu thuộc quyền quản lý, tổ chức của LDBĐVN có trách nhiệm tuân thủ các quy định về quyền truyền thông và tiếp thị. Các tổ chức/đơn vị này phải đảm bảo các thành viên, quan chức, đại biểu, HLV, cầu thủ và đơn vị liên kết khác của mình cũng phải tuân thủ đầy đủ các quy định này.

4. Các quyền nêu trên cũng được áp dụng cho các đơn vị được LDBĐVN giao quyền tổ chức, điều hành giải tại giải đấu đó.

Điều 94. Quyền hình ảnh và truyền hình

1. LDBĐVN có quyền độc quyền trong việc sản xuất, ghi hình, khai thác và/hoặc phân phối các tài liệu hình ảnh và truyền hình phục vụ cho bất kỳ mục đích nào, dù là thương mại hay phi thương mại, bao gồm nhưng không giới hạn các phim tài liệu liên quan đến các giải đấu và/hoặc sự tham gia của các CLB thành viên tại giải đấu.

Trừ trường hợp có thỏa thuận khác với LDBĐVN, các đơn vị, tổ chức hoặc CLB thành viên không được phép thực hiện và phải đảm bảo không có thành viên nào của mình hoặc bất kỳ bên thứ ba nào thực hiện các hoạt động nêu trên nếu không có sự chấp thuận trước bằng văn bản của LDBĐVN.

Trong trường hợp có nhu cầu thực hiện các hoạt động nêu trên, các đơn vị, tổ chức hoặc CLB thành viên phải gửi văn bản thông báo chi tiết cho LDBĐVN để LDBĐVN xem xét, phê duyệt hoặc từ chối.

2. LDBĐVN có quyền sử dụng và/hoặc ủy quyền cho các tổ chức/đơn vị sử dụng hình ảnh bao gồm nhưng không giới hạn hình ảnh, giọng nói, chân dung, chữ ký, logo và/hoặc tên gọi của đơn vị đăng cai tổ chức, đơn vị thành viên, quan chức, HLV, và cầu thủ.

Việc sử dụng hình ảnh nêu trên được thực hiện miễn phí và không cần thông báo trước, nhằm phục vụ cho mục đích tiếp thị, tổ chức, khai thác thương mại của giải đấu, quảng cáo và biên tập vì mục đích thương mại/phi thương mại của LDBĐVN và/hoặc các đối tác.

Trong trường hợp LDBĐVN có yêu cầu, đơn vị đăng cai tổ chức giải đấu và tổ chức thành viên có trách nhiệm cung cấp kịp thời cho LDBĐVN các hình ảnh, tài liệu phù hợp để LDBĐVN sử dụng và khai thác theo quy định.

Các đơn vị đăng cai tổ chức giải đấu và các tổ chức thành viên có trách nhiệm đảm bảo sự đồng ý và phối hợp của các CLB/đội bóng, quan chức/HLV/cầu thủ tham gia và đơn vị sở hữu sân tổ chức thi đấu để LDBĐVN có quyền sử dụng và khai thác bất kỳ hồ sơ, tên (họ và tên), hình ảnh, bản vẽ hình ảnh, chữ ký, lời nói hoặc các thông tin tài liệu liên quan đến giải đấu nhằm phục vụ mục đích quay phim, ghi âm, phát sóng, quảng bá và khai thác các quyền thương mại khác của giải đấu.

Điều 95. Quyền đối với dữ liệu thi đấu

1. Quyền đối với dữ liệu là các quyền liên quan đến việc thu thập, truyền tải, phát sóng, xuất bản, báo cáo hoặc khai thác bất kỳ dữ liệu nào diễn ra, phát sinh hoặc liên quan tới giải đấu. Các dữ liệu này bao gồm, nhưng không giới hạn: dữ liệu thành tích, dữ liệu liên quan đến trận đấu, các dữ liệu khác được thu thập bởi công nghệ thu thập dữ liệu (thiết bị đeo, hệ thống quang học hoặc các hình thức công nghệ thu thập dữ liệu khác) và số liệu thống kê được tạo ra từ các hoạt động của cầu thủ trong bất kỳ trận đấu nào.

2. LDBĐVN hoặc Đơn vị được LDBĐVN giao quyền tổ chức, điều hành giải đấu có quyền sử dụng và khai thác tất cả các dữ liệu diễn ra, phát sinh hoặc liên quan đến giải đấu và các trận đấu trong khuôn khổ của giải đấu. LDBĐVN hoặc Đơn vị tổ chức giải đấu bảo lưu mọi quyền liên quan đến việc sử dụng và/hoặc cấp các quyền đó cho bên thứ ba.

Điều 96. Quyền được bán vé

1. Quyền được bán vé bao gồm nhưng không giới hạn ở quyền phát hành, bán, đại diện bán vé, quản lý và thu hồi vé, quyền liên quan đến việc tiến hành các chương trình thưởng, khuyến mại, rút thăm trúng thưởng, xổ số hoặc bất kỳ hoạt động nào khác cho phép bất kỳ bên thứ ba nào được sử dụng vé.

2. Các đơn vị đăng cai chịu trách nhiệm tổ chức việc bán vé và quản lý hoạt động này theo cách thức bảo đảm các tiêu chuẩn về an toàn, an ninh theo quy định pháp luật hiện hành và hướng dẫn của LDBĐVN.

Các đơn vị đăng cai có thể được phân chia một phần hoặc toàn bộ các khoản thu từ hoạt động bán vé trên cơ sở thỏa thuận và thống nhất bằng văn bản với LDBĐVN/Đơn vị tổ chức giải.

3. Trong mọi trường hợp, việc bán vé tại địa điểm tổ chức thi đấu hoặc tại bất kỳ địa điểm nào khác trong địa bàn đăng cai vào ngày diễn ra trận đấu chỉ được thực hiện khi có được sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền.

4. Vé bán ra phải bảo đảm đầy đủ các thông tin, bao gồm nhưng không giới hạn: tên giải đấu, tên các CLB/đội bóng tham gia, địa điểm tổ chức thi đấu, ngày và giờ bắt đầu trận đấu và thông tin về vị trí ngồi (khu vực, hàng và số ghế).

5. Đối với trường hợp vé điện tử, vé phải bao gồm số seri hoặc mã QR code và tất cả các thông tin liên quan khác theo quy định.

Điều 97. Quyền trình chiếu công cộng

1. Quyền trình chiếu công cộng bao gồm, nhưng không giới hạn ở các quyền sau đây:

a) Tất cả các quyền liên quan đến việc truyền tải, bằng bất kỳ phương tiện truyền thông nào, đối với bất kỳ tài liệu, dữ liệu hoặc nội dung được thể hiện dưới bất kỳ hình thức nào có liên quan đến giải đấu và/hoặc các nghi lễ của giải đấu. Các quyền này nhằm mục đích trình chiếu và cho phép khán giả tiếp cận nội dung tại bất kỳ địa điểm nào, bao gồm nhưng không giới hạn trong rạp chiếu phim, nhà hàng, sân vận động, văn phòng, cơ sở giáo dục và các địa điểm công cộng hoặc thương mại khác;

b) Tất cả các quyền liên quan đến việc tổ chức bất kỳ sự kiện nào mà khán giả có thể xem hoặc nghe các nội dung được truyền tải;

c) Tất cả các quyền khai thác một phần hoặc toàn bộ quyền thương mại phát sinh hoặc có liên quan đến các sự kiện hoặc trình chiếu, bao gồm nhưng không giới hạn ở phí vào cửa, cơ hội bán hàng, tài trợ phát sóng, các nhà tài trợ và các nhà cung cấp.

2. LDBĐVN có toàn quyền khai thác tất cả các quyền trình chiếu công cộng liên quan đến giải đấu.

3. Các đơn vị đăng cai, tổ chức thành viên hoặc các CLB/đội bóng, quan chức, HLV và cầu thủ tham dự giải đấu sẽ không được phép tổ chức bất kỳ hình thức trình chiếu công cộng nào đối với các trận đấu của giải đấu vào bất kỳ thời điểm nào nếu không có sự chấp thuận bằng văn bản của LDBĐVN. Trong trường hợp được LDBĐVN phê duyệt, việc tổ chức trình chiếu phải tuân thủ đầy đủ hướng dẫn của LDBĐVN và các đối tác thương mại có liên quan của LDBĐVN.

4. Các quyền và quy định nêu trên được áp dụng đối với Đơn vị tổ chức giải trong phạm vi giải đấu mà đơn vị đó được LDBĐVN giao quyền tổ chức và điều hành.

Chương X
KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP, KHIẾU NẠI

Điều 98. Khen thưởng

1. CLB, đội bóng, hội/CLB cổ động viên, HLV, cầu thủ, cán bộ chuyên môn, giám sát, trọng tài, tập thể hoặc cá nhân khác có thành tích tốt trong các hoạt động bóng đá do Đơn vị tổ chức giải tổ chức sẽ được Đơn vị tổ chức giải xem xét khen thưởng hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Hàng năm, CLB có thành tích đóng góp từ 05 (năm) cầu thủ trở lên trong danh sách đăng ký chính thức cuối cùng của Đội tuyển quốc gia, Đội tuyển U23 quốc gia hoặc Đội tuyển Olympic quốc gia tham dự các giải thi đấu quốc tế chính thức (FIFA, AFC, AFF, OCA, IOC, SEAGF) sẽ được LDBĐVN xem xét hỗ trợ kinh phí 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) để phục vụ công tác đào tạo cầu thủ trẻ.

Điều 99. Kỷ luật

1. Ban Kỷ luật LDBĐVN có thẩm quyền xử lý mọi vi phạm của các thành viên tham dự các giải bóng đá theo Quy định về kỷ luật của LDBĐVN.

2. Việc xử lý các vi phạm trong hoạt động bóng đá được thực hiện theo Quy định về kỷ luật của LDBĐVN và Quy định kỷ luật của FIFA, AFC, AFF.

3. Trong trường hợp FIFA, AFC, AFF công bố, ban hành án phạt hoặc kỷ luật đối với bất kỳ tổ chức, cá nhân nào liên quan đến hoạt động bóng đá Việt Nam, LDBĐVN có trách nhiệm thi hành và áp dụng hình phạt đó theo yêu cầu của FIFA, AFC, AFF.

4. Cầu thủ đang trong thời gian chấp hành án kỷ luật đình chỉ hoặc bị cấm thi đấu sẽ không được phép thi đấu cho CLB khác nếu thời hạn kỷ luật vẫn còn hiệu lực. Trường hợp cầu thủ đang chịu biện pháp kỷ luật đình chỉ hoặc cấm thi đấu từ LDBĐVN mà đã được LDBĐVN chấp thuận cho chuyển nhượng sang CLB mới, CLB mới phải có trách nhiệm tuân thủ và thực thi biện pháp kỷ luật này với cầu thủ đến hết thời hạn kỷ luật.

5. Tuân theo quy định bắt buộc của FIFA, đối với cầu thủ chuyển nhượng, mượn quốc tế mà đăng ký tại một CLB Việt Nam, nếu cầu thủ chưa chấp hành hết án phạt kỷ luật tại Liên đoàn bóng đá trước đây thì thực hiện như sau:

a) Đối với hình phạt kỷ luật ít hơn từ 04 (bốn) trận đấu hoặc ít hơn 03 (ba) tháng đã được áp dụng tại Liên đoàn bóng đá trước đây nhưng chưa (hoặc chưa

hoàn toàn) được thi hành vào thời điểm chuyển nhượng, phần còn lại của án phạt sẽ tiếp tục được thực hiện khi cầu thủ đăng ký tại LĐBĐVN, với điều kiện khi cấp ITC, Liên đoàn bóng đá trước đây thông báo cụ thể cho LĐBĐVN về bất kỳ hình phạt kỷ luật nào chưa (hoặc chưa hoàn toàn) được thi hành;

b) Đối với hình phạt kỷ luật nhiều hơn 04 (bốn) trận đấu hoặc nhiều hơn 03 (ba) tháng đã được áp dụng tại Liên đoàn bóng đá trước đây nhưng chưa (hoặc chưa hoàn toàn) được thi hành vào thời điểm chuyển nhượng, hình phạt kỷ luật đó chỉ được LĐBĐVN áp dụng khi có phán quyết, quyết định của FIFA về việc áp dụng hình phạt kỷ luật đó ở phạm vi quốc tế.

Điều 100. Giải quyết tranh chấp

1. Việc giải quyết tranh chấp tại bộ phận giải quyết tranh chấp của LĐBĐVN được thực hiện theo quy định về trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp do LĐBĐVN ban hành.

2. Việc giải quyết tranh chấp tại bộ phận giải quyết tranh chấp của FIFA và Tòa án Thể thao Quốc tế (CAS) được thực hiện theo quy định và hướng dẫn của FIFA và CAS.

3. Quy định này không ảnh hưởng đến quyền của các bên trong việc lựa chọn phương thức giải quyết tranh chấp và/hoặc khởi kiện, đề nghị giải quyết tranh chấp tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật Việt Nam.

4. LĐBĐVN sẽ không tiến hành giải quyết tranh chấp hoặc từ chối, đình chỉ giải quyết tranh chấp đối với bất kỳ tranh chấp giữa CLB, cầu thủ, HLV mà đã được Tòa án có thẩm quyền thụ lý hoặc đã có quyết định, bản án đối với việc, vụ việc liên quan.

Điều 101. Giải quyết khiếu nại

1. Việc đề nghị giải quyết khiếu nại trong bóng đá được thực hiện theo Quy định về kỷ luật của LĐBĐVN, Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Giải quyết khiếu nại LĐBĐVN.

2. Thủ tục khiếu nại đối với các quyết định kỷ luật, quyết định giải quyết tranh chấp được thực hiện theo Quy định về kỷ luật của LĐBĐVN, Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Giải quyết khiếu nại LĐBĐVN.

3. Đối với các khiếu nại liên quan đến trận đấu:

a) Không được khiếu nại đối với các quyết định của trọng tài trong trận đấu liên quan đến: Bàn thắng hay không bàn thắng, việt vị hay không việt vị, phạt đền hay không phạt đền;

b) Mọi khiếu nại về các vấn đề khác (ngoài điểm a khoản 3 Điều này) đều phải được lập thành văn bản và gửi tới Ban Tổ chức giải thông qua giám sát trận đấu chậm nhất 02 (hai) tiếng sau khi trận đấu kết thúc; giám sát trận đấu có trách nhiệm báo cáo cho Ban Tổ chức giải ngay sau khi nhận được khiếu nại.

Chương XI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 102. Thời gian làm việc chính thức

1. Thời gian làm việc chính thức được áp dụng theo quy định và thông báo của LĐBĐVN, đơn vị tổ chức giải hoặc Ban Tổ chức giải tại từng thời điểm cụ thể.

2. Trường hợp cần xử lý các công việc khẩn cấp ngoài thời gian làm việc chính thức, các CLB, đơn vị, cá nhân có liên quan có trách nhiệm chủ động liên hệ trước với LĐBĐVN, Đơn vị tổ chức giải hoặc Ban Tổ chức giải để phối hợp xử lý.

3. Các vấn đề liên quan đến nghĩa vụ về thời gian, thời hạn giữa LĐBĐVN và FIFA, AFC, AFF sẽ được thực hiện theo quy định của FIFA và AFC, AFF.

Điều 103. Phương thức liên lạc và thông báo

Các phương thức liên lạc và thông báo bao gồm:

1. Gửi qua hệ thống dịch vụ bưu chính, gửi trực tiếp tại trụ sở/bộ phận văn thư, hoặc thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành nội bộ (nếu có).

2. Gửi qua hệ thống điện tử do LĐBĐVN triển khai.

3. Gửi qua hệ thống thư điện tử (email) theo địa chỉ đã được đăng ký hoặc công bố chính thức.

4. Các phương thức khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 104. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2025.

2. Quy chế này thay thế Quy chế Bóng đá ngoài chuyên nghiệp (sửa đổi, bổ sung năm 2021) được Ban Chấp hành LĐBĐVN ban hành theo Quyết định số 91/QĐ-LĐBĐVN ngày 24 tháng 3 năm 2021 và Quy chế Bóng đá chuyên nghiệp (sửa đổi, bổ sung năm 2023) được Ban Chấp hành LĐBĐVN ban hành theo Quyết định số 04/QĐ-LĐBĐVN ngày 04 tháng 01 năm 2023.

Điều 105. Điều khoản chuyển tiếp

Các nội dung thuộc phạm vi điều chỉnh theo Điều 1 Quy chế này được xác lập trước ngày Quy chế này có hiệu lực thì áp dụng theo Quy chế Bóng đá ngoài chuyên nghiệp, Quy chế Bóng đá chuyên nghiệp có hiệu lực tại thời điểm thực hiện để giải quyết.

Điều 106. Tổ chức thực hiện

1. Trong những trường hợp đặc biệt, khi phát sinh tình huống thực tiễn chưa được quy định trong Quy chế này, hoặc liên quan đến các nội dung có tính chất đặc thù trong quá trình tổ chức, thực hiện và áp dụng Quy chế, Ban Chấp hành LĐBĐVN có thẩm quyền xem xét, quyết định việc áp dụng ngoại lệ.

Việc xem xét, quyết định các trường hợp ngoại lệ phải được thực hiện trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc công bằng, minh bạch, khách quan và không làm phương hại đến quyền và lợi ích chính đáng của các tổ chức, cá nhân liên quan, thực hiện mục tiêu phát triển chung vì lợi ích lâu dài của bóng đá Việt Nam.

Trường hợp cần thiết, Ban Chấp hành LĐBĐVN có thể tham vấn ý kiến chuyên môn từ các cơ quan chức năng, chuyên gia hoặc tổ chức có liên quan trước khi ban hành quyết định.

2. LĐBĐVN có trách nhiệm triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy chế này. Những phát sinh trong thực tiễn sẽ được LĐBĐVN nghiên cứu, tổng hợp, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp và báo cáo cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền./.

Phụ lục I CÁC HỆ THỐNG ĐIỆN TỬ

Điều 1. Quy định chung

1. Việc sử dụng các hệ thống điện tử là bắt buộc đối với tất cả các CLB bóng đá, các đơn vị, tổ chức thành viên trực thuộc LĐBĐVN, bao gồm:

- a) Hệ thống đăng ký trực tuyến quốc gia (FIFA Connect);
- b) Hệ thống chuyển nhượng quốc tế (TMS);
- c) Hệ thống chuyển nhượng quốc gia;
- d) Hệ thống quản lý tổ chức thi đấu (FCMS);
- đ) Hệ thống cấp phép trực tuyến (CLAS);
- e) Hệ thống điện tử khác theo quy định.

2. Tất cả đăng ký cầu thủ chuyên nghiệp và nghiệp dư (cả nam và nữ) trong phạm vi bóng đá 11 người và các nội dung bóng đá khác (Futsal, Bãi biển) thuộc quản lý, điều hành của LDBĐVN đều phải thực hiện thông qua hệ thống đăng ký trực tuyến quốc gia và TMS theo quy định. Bất kỳ việc đăng ký cầu thủ nào không sử dụng Hệ thống đăng ký trực tuyến quốc gia đều không có giá trị.

3. Tổng Thư ký LDBĐVN ban hành các văn bản hướng dẫn chi tiết về việc sử dụng các hệ thống điện tử (nếu có).

Điều 2. Trách nhiệm của Liên đoàn Bóng đá Việt Nam

LDBĐVN có trách nhiệm:

1. Hỗ trợ cán bộ phụ trách hệ thống điện tử về các vấn đề kỹ thuật và quy định chung.
2. Quản lý quyền truy cập, tài khoản truy cập chính của CLB trên hệ thống điện tử.
3. Tổ chức các buổi tập huấn, đào tạo và hỗ trợ cho các CLB, đơn vị, tổ chức tham gia sử dụng hệ thống điện tử.
4. Xác minh các hành vi vi phạm các quy định của LDBĐVN liên quan đến việc sử dụng hệ thống điện tử.
5. Áp dụng các biện pháp xử phạt đối với các hành vi vi phạm Phụ lục này.

Điều 3. Nghĩa vụ của các bên khi sử dụng hệ thống điện tử

1. Tất cả cán bộ phụ trách, CLB thực hiện trên các hệ thống điện tử phải thực hiện và thao tác một cách trung thực, trách nhiệm.
2. Tất cả cán bộ phụ trách, CLB phải kiểm tra Hệ thống đăng ký và Hệ thống chuyển nhượng hàng ngày và đặc biệt đối với các yêu cầu hoặc đề nghị trả lời của LDBĐVN hoặc các CLB, đơn vị/tổ chức khác trên hệ thống điện tử.
3. Tất cả cán bộ phụ trách, CLB phải đảm bảo có công cụ cần thiết để thực hiện nghĩa vụ của mình.
4. CLB có trách nhiệm nhập thông tin, đăng tải hồ sơ, xác nhận và đảm bảo các thông tin yêu cầu phải thống nhất và chính xác.
5. CLB có trách nhiệm đảm bảo rằng đã được tập huấn và biết làm thế nào để thực hiện nghĩa vụ của mình. Theo đó, CLB sẽ bổ nhiệm cán bộ phụ trách để vận hành các hệ thống điện tử và có trách nhiệm tập huấn cho cán bộ phụ trách thay thế hoặc cán bộ phụ trách khác trong CLB nhằm đảm bảo hoàn tất các nghĩa vụ của CLB trên các hệ thống điện tử.

6. Tất cả cán bộ phụ trách, CLB và đơn vị, tổ chức truy cập sử dụng hệ thống điện tử phải đảm bảo thực hiện một cách tuyệt đối bảo mật và có các biện pháp phù hợp, cẩn trọng cao nhất để đảm bảo tính bảo mật thông tin theo quy định của Quy chế này và chỉ được sử dụng thông tin bảo mật phục vụ cho mục đích của hệ thống điện tử mà đơn vị, tổ chức, CLB đó trực tiếp liên quan.

7. Tất cả cán bộ phụ trách, CLB, đơn vị, tổ chức truy cập sử dụng hệ thống điện tử có nghĩa vụ tuân theo quy định của LDBĐVN, FIFA, AFC và quy định pháp luật Việt Nam có liên quan.

Điều 4. Nghĩa vụ của các CLB

CLB phải đảm bảo khi sử dụng hệ thống điện tử:

1. Luôn phân công tối thiểu 01 (một) cán bộ phụ trách sử dụng hệ thống điện tử, cán bộ này sẽ phải đăng ký với LDBĐVN.

2. Đảm bảo thông tin liên hệ (như địa chỉ, số điện thoại, email) và được cập nhật liên tục, kịp thời và chính xác theo quy định tại Điều 19 của Quy chế này.

3. Đảm bảo phân công cán bộ phụ trách đủ khả năng, trình độ sử dụng hệ thống điện tử theo quy định và hướng dẫn của LDBĐVN.

4. Đảm bảo các thông tin được nhập, tải lên là đúng, đủ, chính xác và đảm bảo rằng thông tin được yêu cầu thống nhất với nhau (nếu có).

5. Chịu trách nhiệm đối với việc nhập thông tin và các thao tác trên hệ thống điện tử của cán bộ phụ trách của CLB.

6. Yêu cầu hủy kích hoạt tài khoản của cán bộ phụ trách ngay khi không còn được phụ trách công việc trên hệ thống điện tử.

Điều 5. Cán bộ phụ trách

1. Yêu cầu đối với cán bộ phụ trách:

a) Có hiểu biết và sử dụng được phần mềm công nghệ thông tin;

b) Có khả năng sử dụng tiếng Anh cơ bản;

c) Có máy tính/laptop tương thích để thao tác trên các hệ thống điện tử;

d) Có trách nhiệm đăng ký, thao tác và tải tài liệu đã scan (định dạng file pdf) đúng, đủ và chính xác các trường thông tin yêu cầu trên các hệ thống điện tử;

đ) Có trách nhiệm thường xuyên đăng nhập, cập nhật thông tin và kiểm tra thông báo thông qua email và trên các hệ thống điện tử;

e) Tham gia tập huấn, đọc các tài liệu hướng dẫn và bảo mật các thông tin liên quan.

2. Nghĩa vụ của cán bộ phụ trách:

a) Hành động hoặc yêu cầu các bên liên quan một cách thiện chí;

b) Tuân thủ các quy định, quy chế và hướng dẫn của LĐBĐVN;

c) Thông báo cho LĐBĐVN về mọi nghi ngờ vi phạm các quy định của LĐBĐVN trên hệ thống điện tử;

d) Duy trì tính bảo mật đối với tất cả dữ liệu có trên hệ thống điện tử và hành động một cách cẩn trọng cao nhất để đảm bảo tính bảo mật;

đ) Đảm bảo rằng chỉ những người được CLB ủy quyền mới có thể thay mặt cán bộ phụ trách truy cập hệ thống điện tử;

e) Kiểm tra hệ thống điện tử và email định kỳ để đảm bảo luôn tuân thủ nghĩa vụ liên quan;

g) Thực hiện các yêu cầu đang chờ xử lý trong hệ thống điện tử không chậm trễ;

h) Đảm bảo rằng có tất cả các thiết bị, đào tạo và hiểu biết cần thiết để thực hiện nghĩa vụ của mình;

i) Chỉ sử dụng hệ thống điện tử cho các mục đích được nêu trong quy định và hướng dẫn của LĐBĐVN;

k) Đảm bảo rằng tất cả thông tin nhập vào là đúng sự thật và chính xác;

l) Đảm bảo rằng tất cả các tài liệu được tải lên hệ thống điện tử là xác thực, đầy đủ và dễ đọc. Các tài liệu được tải lên phải đúng loại được yêu cầu của hệ thống điện tử và các hướng dẫn của LĐBĐVN;

m) Phê duyệt, hủy tài khoản cho các quyền quản trị thứ cấp của CLB mình theo thẩm quyền nội bộ.

Điều 6. Hệ thống đăng ký trực tuyến quốc gia (FIFA Connect)

1. Chỉ những cá nhân, tổ chức được cấp quyền bởi LĐBĐVN và FIFA mới có quyền truy cập sử dụng hệ thống FIFA Connect.

2. Để truy cập vào FIFA Connect lần đầu tiên, một CLB hoặc một đơn vị, tổ chức cần có tối thiểu 01 (một) cán bộ phụ trách đã được tham gia các buổi đào tạo, tập huấn bởi LĐBĐVN.

3. CLB có quyền thêm cán bộ phụ trách mới vào bất kỳ thời điểm nào. Cán bộ phụ trách mới sẽ phải được đào tạo bởi cán bộ phụ trách hiện đang quản lý hệ thống điện tử của CLB hoặc bởi LĐBĐVN trong trường hợp chưa có cán bộ phụ trách. Sau khi hoàn thành đào tạo cho cán bộ phụ trách mới, LĐBĐVN sẽ phê duyệt yêu cầu vai trò quản trị của cán bộ phụ trách mới.

Điều 7. Xử lý vi phạm trên hệ thống điện tử

Tùy từng trường hợp cụ thể và mức độ vi phạm, LĐBĐVN quyết định các hình thức xử lý vi phạm quy định theo Quy định về kỷ luật của LĐBĐVN.

Phụ lục II BẢO MẬT THÔNG TIN

Điều 1. Quy định chung

1. Phụ lục này quy định nguyên tắc về bảo mật thông tin, xử lý dữ liệu, truyền tải dữ liệu trong và giữa LĐBĐVN với các đơn vị, tổ chức thành viên, CLB và bất kỳ một bên thứ ba nào mà Quy chế này được áp dụng nhằm bảo vệ dữ liệu cá nhân và quyền của các chủ thể sở hữu dữ liệu.

2. Quy định này áp dụng đối với tất cả các đơn vị, tổ chức thành viên, CLB và các thành viên trực thuộc nhằm bảo đảm thực hiện các biện pháp bảo vệ, phòng ngừa hành vi xâm phạm quyền nhân thân và quyền riêng tư thông qua hoạt động xử lý dữ liệu. Các đơn vị, tổ chức thành viên, CLB có trách nhiệm đảm bảo tuân thủ các quy định tại Phụ lục này và đảm bảo các thành viên, nhân sự trực thuộc tuân thủ quy định về bảo mật thông tin.

3. Quy định bảo mật thông tin tại Phụ lục này chỉ áp dụng trong trường hợp đơn vị, tổ chức, CLB:

a) Sử dụng hoặc xử lý dữ liệu cá nhân thay mặt cho LĐBĐVN hoặc với LĐBĐVN;

b) Trao đổi hoặc chuyển giao dữ liệu cá nhân với LĐBĐVN hoặc với các CLB, đơn vị, tổ chức thành viên của LĐBĐVN;

c) Sử dụng cơ sở hạ tầng, hệ thống điện tử do LĐBĐVN cung cấp cho các CLB, đơn vị, tổ chức thành viên cho mục đích xử lý dữ liệu cá nhân.

4. Việc bảo vệ và xử lý dữ liệu cá nhân phải tuân thủ theo quy định pháp luật Việt Nam và các quy định về bảo vệ dữ liệu của FIFA.



Điều 2. Nguyên tắc bảo mật thông tin

1. CLB, đơn vị, tổ chức có trách nhiệm xây dựng, áp dụng các biện pháp kỹ thuật và nghiệp vụ cần thiết để đảm bảo tuân thủ quy định về bảo mật thông tin theo Phụ lục này và quy định pháp luật hiện hành.

a) Sau khi tuyển dụng, tiếp nhận nhân sự mới, đơn vị/tổ chức/CLB phải có trách nhiệm phổ biến quy định về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; đối với các vị trí tiếp xúc, quản lý các thông tin, dữ liệu quan trọng hoặc quản trị các hệ thống thông tin quan trọng, đơn vị/tổ chức/CLB phải yêu cầu nhân sự mới cam kết bảo mật thông tin bằng văn bản hoặc cam kết trong hợp đồng làm việc, hợp đồng lao động;

b) Khi người lao động chấm dứt hợp đồng hoặc thay đổi công việc, đơn vị/tổ chức/CLB phải kịp thời thu hồi hoặc điều chỉnh quyền truy cập các hệ thống điện tử, hệ thống thông tin.

2. Hoạt động bảo mật thông tin phải được thực hiện thường xuyên, liên tục, kịp thời và hiệu quả nhằm đảm bảo tính toàn vẹn, tính bảo mật và tính khả dụng của thông tin.

3. Việc xử lý sự cố bảo mật thông tin phải bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của LDBĐVN và các tổ chức, cá nhân liên quan. Mọi sự cố bảo mật thông tin phải được thông báo ngay lập tức tới LDBĐVN.

Điều 3. Nguyên tắc xử lý dữ liệu

1. Dữ liệu phải được xử lý một cách hợp pháp, đảm bảo tính bảo mật đối với dữ liệu cá nhân theo quy định của pháp luật.

2. Dữ liệu chỉ được thu thập cho các mục đích cụ thể, rõ ràng và hợp pháp. Việc tiếp tục xử lý dữ liệu nhằm mục đích lưu trữ vì lợi ích công cộng, vì mục đích nghiên cứu khoa học hoặc lưu trữ lịch sử hoặc phục vụ công tác thống kê được coi là phù hợp.

3. Đảm bảo các dữ liệu là chính xác và được cập nhật khi cần thiết hoặc khi có sự thay đổi. Các dữ liệu cá nhân không chính xác, tùy thuộc vào mục đích xử lý dữ liệu sẽ bị xóa hoặc chỉnh sửa ngay lập tức.

Điều 4. Xử lý vi phạm bảo mật thông tin

1. Mọi hành vi vi phạm các quy định tại Phụ lục này có thể bị xử lý kỷ luật theo quy định của LDBĐVN và/hoặc FIFA.



2. Tùy theo tính chất và mức độ nghiêm trọng, tổ chức, cá nhân vi phạm bảo mật thông tin có thể bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Phụ lục III NỮ CẦU THỦ

Điều 1. Quy định chung

Phụ lục này quy định về các vấn đề liên quan đến quan hệ lao động giữa nữ cầu thủ và CLB, bao gồm nhưng không giới hạn ở các quy định về hợp đồng lao động đối với nữ cầu thủ chuyên nghiệp và những quy định riêng áp dụng cho nữ cầu thủ.

Điều 2. Hợp đồng lao động đối với nữ cầu thủ chuyên nghiệp

1. Các nội dung liên quan đến hợp đồng lao động giữa nữ cầu thủ chuyên nghiệp và CLB được thực hiện theo quy định tại mục 3 chương 3 của Quy chế này.

2. Hợp đồng lao động giữa nữ cầu thủ chuyên nghiệp và CLB có thể được tạm hoãn thực hiện trong các trường hợp sau đây:

- a) Nữ cầu thủ đang trong thời gian thai sản;
- b) Nữ cầu thủ đang nghỉ thai sản;
- c) Nữ cầu thủ đang hưởng các quyền lợi liên quan đến thai sản theo quy định của pháp luật;
- d) Các trường hợp khác theo quy định về tạm hoãn hợp đồng lao động.

3. Bất kỳ điều kiện tiên quyết hoặc điều khoản nào trong hợp đồng lao động quy định về việc nữ cầu thủ phải thực hiện nghĩa vụ hợp đồng trong thời gian thai sản, nghỉ thai sản hoặc đang hưởng các quyền lợi liên quan đến thai sản theo quy định của pháp luật đều bị coi là vô hiệu.

Mọi yếu tố liên quan đến tình trạng thai kỳ của nữ cầu thủ không được coi là điều kiện hoặc căn cứ để làm phát sinh, thay đổi, tạm hoãn, đình chỉ hoặc chấm dứt hiệu lực của hợp đồng lao động.

Điều 3. Những quy định riêng đối với nữ cầu thủ

1. Nữ cầu thủ trong kỳ kinh nguyệt hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng có quyền được hưởng các chế độ về thời gian nghỉ và tiền lương theo quy định tại Bộ luật Lao động và các văn bản pháp luật có liên quan. Thời gian nghỉ này sẽ

được tính vào thời gian làm việc và được hưởng đủ tiền lương theo hợp đồng lao động.

Việc cụ thể hóa và triển khai các chế độ này tại CLB phải đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và phù hợp với điều kiện thực tế của hoạt động bóng đá.

2. Nữ cầu thủ nghỉ thai sản trong thời hạn của hợp đồng lao động được hưởng chế độ thai sản theo quy định của pháp luật.

Trường hợp nữ cầu thủ không đủ điều kiện hưởng chế độ thai sản theo quy định của pháp luật hiện hành, CLB có trách nhiệm đảm bảo mức hỗ trợ tài chính cho nữ cầu thủ tối thiểu bằng 2/3 (hai phần ba) mức lương theo hợp đồng lao động cùng với các điều kiện có lợi khác theo quy định pháp luật hoặc theo thỏa thuận của các bên.

3. CLB không được sa thải hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với nữ cầu thủ vì lý do kết hôn, thai sản, nghỉ thai sản, nuôi con dưới 12 tháng tuổi hoặc vì các lý do khác có liên quan đến thai sản theo quy định của pháp luật.

Bất kỳ hành vi sa thải hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động nào của CLB vì một trong các lý do nêu trên sẽ được coi là không có lý do chính đáng, trừ trường hợp CLB chứng minh được rõ ràng về việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với nữ cầu thủ là có lý do chính đáng khác và hoàn toàn không liên quan đến vấn đề thai sản.

4. Việc chấm dứt quan hệ lao động với nữ cầu thủ vì một trong các lý do được nêu tại khoản 2 Điều này bị coi là vi phạm nghiêm trọng nguyên tắc ổn định hợp đồng lao động.

Trong trường hợp hợp đồng lao động bị đơn phương chấm dứt vì lý do thai sản của nữ cầu thủ, trừ trường hợp việc chấm dứt hợp đồng lao động được xác định là chính đáng theo quy định tại Điều 31 của Quy chế này, CLB có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ sau đây:

a) CLB có nghĩa vụ tính toán và thực hiện bồi thường cho nữ cầu thủ theo quy định tại Điều 32 của Quy chế này;

b) Ngoài nghĩa vụ bồi thường cho nữ cầu thủ, các chế tài phạt thể thao sau đây sẽ được áp dụng đối với bất kỳ CLB nào bị phát hiện đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với nữ cầu thủ vì các lý do quy định tại khoản 2 Điều này:

CLB bị cấm đăng ký bất kỳ nữ cầu thủ mới nào (bao gồm cả trong nước và quốc tế) trong 02 (hai) mùa giải đăng ký tiếp theo. CLB chỉ có thể đăng ký cầu

thủ mới, trong nước hoặc quốc tế, vào mùa giải đăng ký tiếp theo sau khi đã hoàn thành đầy đủ chế tài phạt thể thao liên quan;

Chế tài theo điểm b có thể được áp dụng bổ sung thêm hình thức phạt tiền, tùy theo mức độ vi phạm và hậu quả phát sinh.

Việc xác định hành vi vi phạm và áp dụng chế tài theo khoản 4 Điều này sẽ do LĐBĐVN xem xét và quyết định theo thẩm quyền.

5. Trong thời gian thai sản, khi hợp đồng lao động giữa nữ cầu thủ và CLB vẫn còn hiệu lực, nữ cầu thủ có các quyền sau đây:

a) Được tiếp tục thực hiện các hoạt động thể thao (bao gồm thi đấu và tập luyện) cho CLB theo hợp đồng lao động, nếu có xác nhận bằng văn bản của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền (được lựa chọn theo sự đồng thuận giữa nữ cầu thủ và CLB) về việc đủ điều kiện để tiếp tục thực hiện các hoạt động thể thao trong thời gian thai sản.

Trong trường hợp này, CLB có nghĩa vụ xây dựng và thực hiện một kế hoạch tập luyện, thi đấu phù hợp để đảm bảo nữ cầu thủ có thể tiếp tục thực hiện hợp đồng lao động một cách an toàn và đảm bảo sức khỏe tối đa cho cả nữ cầu thủ và thai nhi;

b) Được tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ trong hợp đồng lao động với CLB theo một hình thức khác hoặc tại vị trí/nhiệm vụ khác, nếu có xác nhận bằng văn bản của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền (được lựa chọn theo sự đồng thuận giữa nữ cầu thủ và CLB) về việc tiếp tục hoạt động thể thao sẽ không an toàn cho sức khỏe của nữ cầu thủ và có thể ảnh hưởng đến thai nhi, hoặc khi nữ cầu thủ lựa chọn không tiếp tục tham gia các hoạt động thể thao.

Trong trường hợp này, CLB có trách nhiệm trao đổi và thỏa thuận với nữ cầu thủ để sắp xếp công việc thay thế phù hợp với tình trạng sức khỏe và khả năng của nữ cầu thủ. Nữ cầu thủ được quyền nhận toàn bộ thù lao cho đến khi nữ cầu thủ bắt đầu nghỉ thai sản theo quy định của pháp luật;

c) Bất kỳ CLB nào, gây áp lực hoặc ép buộc nữ cầu thủ nghỉ thai sản vào một thời điểm không phù hợp hoặc không đảm bảo khoảng thời gian tối thiểu theo quy định của pháp luật, sẽ phải chịu hình thức kỷ luật từ Ban Kỷ luật LĐBĐVN;

d) Hết thời gian nghỉ thai sản, CLB có trách nhiệm sắp xếp để nữ cầu thủ tiếp tục thực hiện hoạt động bóng đá, tái hòa nhập với đội bóng và cung cấp đầy đủ cho nữ cầu thủ các hỗ trợ y tế cần thiết. Nữ cầu thủ có quyền được nhận đầy đủ thù lao theo hợp đồng lao động kể từ thời điểm quay trở lại hoạt động bóng đá.

Phụ lục IV TIÊU CHUẨN HLV

Điều 1. Quy định chung

1. Phụ lục này quy định về các tiêu chuẩn tối thiểu đối với trình độ chuyên môn của HLV khi đăng ký tham dự các giải đấu thuộc quyền quản lý, tổ chức của LĐBĐVN.

2. Trừ trường hợp có quy định khác, trình độ chuyên môn của HLV được xác định thông qua một trong các tiêu chí sau đây:

- a) Bằng đại học chuyên sâu bóng đá do cơ quan có thẩm quyền tại Việt Nam cấp;
- b) Chứng chỉ HLV theo quy định của AFC;
- c) Chứng chỉ HLV tương đương do cơ quan có thẩm quyền tại nước ngoài cấp và được AFC công nhận;
- d) Đã bắt đầu tham gia khóa đào tạo được LĐBĐVN công nhận để lấy chứng chỉ theo yêu cầu tối thiểu của giải đấu;
- đ) Giấy chứng nhận năng lực và kinh nghiệm do AFC cấp theo Quy chế Chứng nhận năng lực và kinh nghiệm của AFC.

Điều 2. Giải bóng đá Vô địch Quốc gia

HLV tham gia giải bóng đá Vô địch Quốc gia phải đáp ứng yêu cầu tối thiểu về trình độ chuyên môn như sau:

Vị trí HLV	Yêu cầu tối thiểu
	Từ mùa giải 2026/2027
HLV trưởng	Chứng chỉ HLV chuyên nghiệp (Pro AFC)
Trợ lý HLV	Chứng chỉ HLV A AFC
HLV thủ môn	Chứng chỉ HLV thủ môn B AFC
HLV thể lực	Chứng chỉ HLV thể lực cấp độ 2 (Level 2) AFC

Điều 3. Giải bóng đá Hạng Nhất Quốc gia

HLV tham gia giải bóng đá Hạng Nhất Quốc gia phải đáp ứng yêu cầu tối thiểu về trình độ chuyên môn như sau:

Vị trí HLV	Yêu cầu tối thiểu
	Từ mùa giải 2026/2027
HLV trưởng	Chứng chỉ HLV A AFC
Trợ lý HLV	Chứng chỉ HLV A AFC
HLV thủ môn	Chứng chỉ HLV thủ môn B AFC
HLV thể lực	Chứng chỉ HLV thể lực cấp độ 2 (Level 2) AFC

Điều 4. Giải bóng đá Hạng Nhì Quốc gia

HLV tham gia giải bóng đá Hạng Nhì Quốc gia phải đáp ứng yêu cầu tối thiểu về trình độ chuyên môn như sau:

Vị trí HLV	Yêu cầu tối thiểu
HLV trưởng	- Bằng Đại học Thể dục thể thao chuyên sâu bóng đá; hoặc - Chứng chỉ HLV B AFC.
Trợ lý HLV	- Bằng Đại học Thể dục thể thao chuyên sâu bóng đá; hoặc - Chứng chỉ HLV C AFC.
HLV thủ môn	- Chứng chỉ HLV C AFC; hoặc - Chứng chỉ HLV thủ môn C AFC.
HLV thể lực	- Chứng chỉ HLV C AFC; hoặc - Chứng chỉ HLV thể lực cấp độ 1 (Level 1) AFC.



Điều 5. Giải bóng đá Hạng Ba Quốc gia

HLV tham gia giải bóng đá Hạng Ba Quốc gia phải đáp ứng yêu cầu tối thiểu về trình độ chuyên môn như sau:

Vị trí HLV	Yêu cầu tối thiểu
HLV trưởng	- Bằng Đại học Thể dục thể thao chuyên sâu bóng đá; hoặc - Chứng chỉ HLV C AFC.
Trợ lý HLV	- Bằng Cao đẳng chuyên ngành thể dục thể thao; hoặc - Chứng chỉ HLV C AFC.
HLV thủ môn	- Bằng Cao đẳng chuyên ngành thể dục thể thao; hoặc - Chứng chỉ HLV C AFC; hoặc - Chứng chỉ HLV thủ môn C AFC.
HLV thể lực	- Bằng Cao đẳng chuyên ngành thể dục thể thao; hoặc - Chứng chỉ HLV C AFC; hoặc - Chứng chỉ HLV thể lực cấp độ 1 (Level 1) AFC.

Điều 6. Các giải bóng đá nữ quốc gia

HLV tham gia giải bóng đá nữ quốc gia, bao gồm giải nữ Vô địch Quốc gia và nữ Cúp Quốc gia phải đáp ứng yêu cầu tối thiểu về trình độ chuyên môn như sau:

Vị trí HLV	Yêu cầu tối thiểu		
	Từ mùa giải 2026/2027:	Từ mùa giải 2027/2028 đến 2028/2029:	Từ mùa giải 2029/2030:
HLV trưởng	- Chứng chỉ HLV B AFC; hoặc - Bằng Đại học Thể dục thể thao chuyên sâu bóng đá.	- Chứng chỉ HLV A AFC.	- Chứng chỉ HLV Pro AFC.
Trợ lý HLV	- Bằng Cao đẳng chuyên ngành thể dục thể thao; hoặc		

Vị trí HLV	Yêu cầu tối thiểu
	- Chứng chỉ HLV C AFC.
HLV thủ môn	- Bằng Cao đẳng chuyên ngành thể dục thể thao; hoặc - Chứng chỉ HLV C AFC; hoặc - Chứng chỉ HLV thủ môn C AFC.
HLV thể lực	- Bằng Cao đẳng chuyên ngành thể dục thể thao; hoặc - Chứng chỉ HLV C AFC; hoặc - Chứng chỉ HLV thể lực cấp độ 1 (Level 1) AFC.

Điều 7. Các giải bóng đá trẻ quốc gia

HLV tham gia giải bóng đá trẻ quốc gia phải đáp ứng yêu cầu tối thiểu về trình độ chuyên môn như sau:

Vị trí HLV	Yêu cầu tối thiểu
HLV trưởng	- Bằng Đại học Thể dục thể thao chuyên sâu bóng đá; hoặc - Chứng chỉ HLV C AFC.
Trợ lý HLV	- Bằng Cao đẳng chuyên ngành thể dục thể thao; hoặc - Chứng chỉ HLV C AFC.
HLV thủ môn	- Bằng Cao đẳng chuyên ngành thể dục thể thao; hoặc - Chứng chỉ HLV C AFC; hoặc - Chứng chỉ HLV thủ môn C AFC.
HLV thể lực	- Bằng Cao đẳng chuyên ngành thể dục thể thao; hoặc - Chứng chỉ HLV C AFC; hoặc - Chứng chỉ HLV thể lực cấp độ 1 (Level 1) AFC.

Điều 8. Các giải Futsal quốc gia

1. Đối với các giải Futsal Vô địch Quốc gia, HLV tham gia phải đáp ứng yêu cầu tối thiểu về trình độ chuyên môn như sau:



Vị trí HLV	Yêu cầu tối thiểu
HLV trưởng	Chứng chỉ HLV Futsal cấp độ 2 (Level 2) AFC.
Trợ lý HLV	Chứng chỉ HLV Futsal cấp độ 1 (Level 1) AFC.
HLV thủ môn	- Chứng chỉ HLV Futsal cấp độ 1 (Level 1) AFC; hoặc - Chứng chỉ HLV thủ môn Futsal C AFC.
HLV thể lực	- Chứng chỉ HLV Futsal cấp độ 1 (Level 1) AFC; hoặc - Chứng chỉ HLV thể lực Futsal cấp độ 1 (Level 1) AFC.

2. Đối với các giải Futsal khác (nếu có) ngoài giải Futsal Vô địch Quốc gia, tiêu chuẩn về chứng chỉ HLV phải tuân thủ quy định tại Điều lệ giải tương ứng.

Điều 9. Giải bóng đá Bãi biển quốc gia

1. Đối với giải bóng đá Bãi biển Vô địch Quốc gia, HLV tham gia phải đáp ứng yêu cầu tối thiểu về trình độ chuyên môn như sau:

Vị trí HLV	Yêu cầu tối thiểu
HLV trưởng	- Bằng Đại học Thể dục thể thao chuyên sâu bóng đá; hoặc - Chứng chỉ HLV C AFC; hoặc - Chứng chỉ HLV bóng đá Bãi biển cấp độ 1 (level 1) AFC; hoặc - Chứng chỉ HLV bóng đá Bãi biển FIFA.
Trợ lý HLV	- Bằng Cao đẳng chuyên ngành thể dục thể thao; hoặc - Chứng chỉ HLV Bóng đá Bãi biển cấp độ 1 (Level 1) AFC; hoặc - Chứng chỉ HLV bóng đá Bãi biển FIFA.

2. Đối với các giải bóng đá Bãi biển Quốc gia khác (nếu có) ngoài giải bóng đá Bãi biển Vô địch Quốc gia, tiêu chuẩn về chứng chỉ HLV phải tuân thủ quy định tại Điều lệ giải tương ứng.

Điều 10. Các giải bóng đá khác

Đối với các giải bóng đá khác thuộc hệ thống các giải đấu do LĐBĐVN quản lý và tổ chức, tiêu chuẩn về chứng chỉ HLV phải tuân thủ quy định tại Điều lệ giải tương ứng.



Phụ lục V
CÁC BIỂU MẪU

Mẫu số 01/VFF-FORM về Phiếu đăng ký và cam kết của cầu thủ tham dự giải.

Mẫu số 02/VFF-FORM về Phiếu đăng ký và cam kết của quan chức, HLV tham dự giải.

Mẫu số 03/VFF-FORM về Phiếu cam kết về điều kiện sức khỏe.

Mẫu số 04/VFF-FORM về Phiếu đăng ký CLB tham dự giải lần đầu.

Mẫu số 05/VFF-FORM về Phiếu đề nghị thay đổi thông tin đăng ký CLB.

Mẫu số 06/VFF-FORM về Phiếu đề nghị hủy đăng ký.





PHIẾU ĐĂNG KÝ & CAM KẾT CỦA CẦU THỦ MÙA GIẢI

Câu lạc bộ/Đội bóng:

LƯU Ý: Các trường thông tin có dấu * là trường thông tin bắt buộc.

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN (CẦU THỦ)

- Họ và tên*:
- Ngày sinh*:
- Giới tính*:
- Quốc tịch*:
- Số CCCD/Hộ chiếu*:

TƯ CÁCH*:

Ghi rõ:
"Chuyên Nghiệp"
hoặc "Nghệ dư"

- Địa chỉ liên hệ*:
- SĐT*:

II. THÔNG TIN NGƯỜI ĐẠI DIỆN BÓNG ĐÁ (Nếu có)

- Đơn vị/Cá nhân:
- Địa chỉ liên lạc:
- Điện thoại:
- Thư điện tử (email):

III. THÔNG TIN ĐĂNG KÝ VÀ THI ĐẤU

- Chân thuận:
- Vị trí sở trường:
- Nơi đào tạo:

- (Đối với cầu thủ chuyên nghiệp) Câu lạc bộ/Đội bóng xác nhận cầu thủ có đăng ký tư cách chuyên nghiệp lần đầu hay không*?.....(Có/Không)

Câu lạc bộ thi đấu trước đây*	Giải đấu và mùa giải*	Hình thức* (Hợp đồng lao động/cho mượn/chuyển nhượng)	Tư cách cầu thủ* (chuyên nghiệp hoặc nghiệp dư)

- Đối với cầu thủ lần đầu tiên tham dự giải: Ghi rõ "Chưa từng thi đấu cho CLB nào trước đây".

IV. ĐIỀU KHOẢN CAM KẾT

CAM KẾT CHUNG:

Bằng việc ký Phiếu đăng ký và cam kết này Cầu thủ và Câu lạc bộ/Đội bóng xác nhận:

- Những thông tin trên là trung thực và chính xác.
- Thực hiện và hoàn thiện việc đăng ký cầu thủ trên Hệ thống đăng ký điện tử - FIFA Connect.
- Tuân thủ tất cả các quy tắc và quy định liên quan tới nguyên tắc đăng ký cầu thủ, Quy chế, Điều lệ giải theo quy định của Liên đoàn Bóng đá Việt Nam và FIFA.
- CLB cam kết chỉ đăng ký và sử dụng cầu thủ đủ tư cách tham gia thi đấu. Trường hợp CLB sử dụng cầu thủ không đủ tư cách tham gia giải đấu thì CLB và cầu thủ sẽ bị xử lý kỷ luật theo Quy định về Kỷ luật của LĐBĐVN
- Tại một thời điểm, cầu thủ chỉ được đăng ký cho một CLB.

- Trong một mùa giải, cầu thủ được đăng ký tối đa cho 03 (ba) CLB và chỉ được thi đấu chính thức cho 02 (hai) CLB

- Trong một mùa giải, cầu thủ đã đăng ký và thi đấu cho CLB tham dự giải bóng đá Chuyên nghiệp không được đăng ký và thi đấu cho CLB tại giải bóng đá Bán chuyên nghiệp có cơ chế thăng hạng, xuống hạng, trừ các giải bóng đá trẻ quốc gia theo quy định.

CAM KẾT VỀ TÀI CHÍNH GIỮA CẦU LẠC BỘ VÀ CẦU THỦ:

CLB cam kết và chịu trách nhiệm đối với việc xác định thu nhập của cầu thủ để đảm bảo đăng ký cầu thủ tư cách (Chuyên nghiệp hoặc Nghiệp dư) theo quy định:

Cầu thủ chuyên nghiệp là người có hợp đồng bằng văn bản với một CLB, được CLB đăng ký với tư cách cầu thủ chuyên nghiệp và được CLB chi trả lương tối thiểu được ghi nhận trong hợp đồng từ 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng) mỗi tháng; khoản lương không bao gồm các chi phí duy trì hoạt động bóng đá như trợ cấp, bảo hiểm, thuế, tiền di chuyển, tiền ăn, tiền ở, trang thiết bị và các khoản chi phí liên quan khác.

CAM KẾT CHỐNG TIÊU CỰC

Tôi, cầu thủ, đăng ký theo Phiếu này cam kết rằng:

1. Thi đấu hết mình, trung thực vì “màu cờ sắc áo” của đội bóng, không vì quyền lợi riêng gây ảnh hưởng tới uy tín chung của đội bóng và của giải đấu.

2. Không tham gia hoặc liên quan tới bất kỳ hoạt động cá độ bóng đá trong nước và Quốc tế, bao gồm nhưng không giới hạn cả những hành vi mang tính chất dàn xếp, cá cược, lôi kéo ảnh hưởng tới kết quả trận đấu; Đồng thời, cầu thủ cam kết không sử dụng các chất kích thích hoặc gây nghiện (ma túy) mà bị cấm theo quy định của LĐBĐVN, FIFA và quy định pháp luật.

3. Tôn trọng các quyết định của trọng tài trên sân, thái độ cư xử văn hoá, không có những hành vi khiếm nhã, xúc phạm hoặc tấn công đối với các thành viên của trận đấu: cầu thủ, trọng tài, khán giả ... Sẵn sàng cộng tác với LĐBĐVN, BTC giải, cơ quan An ninh để phát hiện và cùng tham gia chống các hiện tượng tiêu cực xảy ra.

Phê duyệt đăng ký của cầu thủ trên hệ thống FIFA Connect không có nghĩa là tự động xác nhận cầu thủ đủ tư cách tham dự giải. CLB/Đội bóng chịu trách nhiệm và chỉ đăng ký thi đấu những cầu thủ đủ tư cách. Trường hợp CLB/Đội bóng không đáp ứng quy định sẽ bị xử lý kỷ luật theo Quy định về kỷ luật của LĐBĐVN.

XÁC NHẬN CỦA CẦU THỦ

(Ký, ghi rõ họ tên)

..... ngày tháng năm 20....

XÁC NHẬN CỦA LÃNH ĐẠO CLB

(Ký tên, đóng dấu)



PHIẾU ĐĂNG KÝ & CAM KẾT CỦA QUAN CHỨC & HUẤN LUYỆN VIÊN MÙA GIẢI NĂM ...

Câu lạc bộ/Đội bóng:

LƯU Ý: Các trường thông tin có dấu * là trường thông tin bắt buộc.

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN

- Họ và tên*:
- Ngày sinh*:
- Giới tính*:
- Quốc tịch*:
- Số CMND/Hộ chiếu*:
- Địa chỉ liên hệ*:
- SĐT*:

CHỨC DANH*:

Điền chức danh theo Điều lệ

.....

II. THÔNG TIN NGƯỜI ĐẠI DIỆN BÓNG ĐÁ (Nếu có)

- Đơn vị/Cá nhân:
- Địa chỉ liên lạc:
- Điện thoại:
- Thư điện tử (email):

III. THÔNG TIN ĐĂNG KÝ

- Chức danh chính*:
- Chức danh kiêm nhiệm (nếu có):
- Bằng cấp (theo yêu cầu chức danh đăng ký)*:

IV. ĐIỀU KHOẢN CAM KẾT

Bằng việc đăng ký theo Phiếu này, *HLV/quan chức và Câu lạc bộ/Đội bóng cam kết và xác nhận:

CAM KẾT CHUNG:

- Những thông tin để đăng ký trên là trung thực và chính xác.
- Tuân thủ tất cả các quy tắc và quy định liên quan tới nguyên tắc đăng ký, Quy chế, Điều lệ giải theo quy định của Liên đoàn Bóng đá Việt Nam và FIFA.
- Thực hiện và hoàn thiện việc đăng ký HLV/quan chức trên Hệ thống đăng ký điện tử - FIFA Connect (Hệ thống).
- Quan chức/HLV đủ điều kiện đăng ký làm việc cho CLB theo quy định.

CAM KẾT CHỐNG TIÊU CỰC

1. Lãnh đạo và chỉ đạo đội bóng thi đấu hết mình, trung thực vì "màu cờ sắc áo" của CLB, không vì quyền lợi riêng gây ảnh hưởng tới uy tín chung của CLB và của giải đấu.
2. Không có những hành vi tham gia cá độ bóng đá (trong nước và Quốc tế) và không vì bất cứ lý do nào, móc ngoặc với các đội bóng khác hoặc chỉ đạo các cầu thủ thi đấu thiếu tích cực, dễ dãn xếp tỷ số, nhường điểm, nhường tỷ số ở các trận đấu mà đội bóng mình tham gia.
3. Tăng cường công tác giáo dục đối với các cầu thủ: Tôn trọng các quyết định của trọng tài trên sân, có thái độ cư xử văn hoá.

4. Sẵn sàng cộng tác với LDBĐVN, Đơn vị tổ chức các giải bóng đá chuyên nghiệp quốc gia, cơ quan an ninh để phát hiện và cùng tham gia chống các hiện tượng tiêu cực xảy ra.

XÁC NHẬN CỦA HLV/QUAN CHỨC

(Ký, ghi rõ họ tên)

..... ngày tháng năm 20....

XÁC NHẬN CỦA LÃNH ĐẠO CLB

(Ký tên, đóng dấu)

CLB Bóng đá.....

PHIẾU CAM KẾT VỀ TÌNH TRẠNG SỨC KHỎE CỦA CẦU THỦ THAM DỰ GIẢI ĐẤU THUỘC LIÊN ĐOÀN BÓNG ĐÁ VIỆT NAM

1. THÔNG TIN CẦU THỦ

Họ và tên cầu thủ:	
Ngày tháng năm sinh:	
Đăng ký cho Câu lạc bộ (ghi tên CLB):	
Mùa giải:	

2. CAM KẾT CỦA CẦU THỦ VÀ CÂU LẠC BỘ

Câu lạc bộ và cầu thủ xác nhận cầu thủ đã được khám sức khỏe tại cơ sở y tế có thẩm quyền và được cơ sở y tế xác nhận đủ điều kiện sức khỏe để tham dự giải đấu bóng đá mang tính cạnh tranh. Thời gian khám sức khỏe không quá 12 tháng trước khi đăng ký thi đấu các giải đấu do LDBĐVN quản lý, tổ chức.

Cam kết này phải được cầu thủ, người có thẩm quyền của CLB ký trong vòng không quá ba (03) tháng trước khi nộp cho Liên đoàn Bóng đá Việt Nam.

....., ngày tháng năm

Xác nhận của cầu thủ
(Ký tên)

Xác nhận của Câu lạc bộ
(Ký tên, đóng dấu)



CLB Bóng đá.....

**PHIẾU ĐĂNG KÝ CÂU LẠC BỘ THAM DỰ
GIẢI ĐẤU CỦA LIÊN ĐOÀN BÓNG ĐÁ VIỆT NAM**

1. THÔNG TIN CỦA CÂU LẠC BỘ

Tên Câu lạc bộ: (Tên đăng ký tham dự giải của Câu lạc bộ)	
Tên đăng ký của Câu lạc bộ: (Tên trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định thành lập của Câu lạc bộ)	
Mã số thuế:	
Người đại diện theo pháp luật:	
Địa chỉ liên lạc chính thức:	
Thư điện tử (email) của Câu lạc bộ:	
Số điện thoại liên hệ của Câu lạc bộ:	
Thông tin Người liên hệ chính thức của Câu lạc bộ: (Họ tên, SĐT, email, vị trí làm việc...)	
Tên sân thi đấu của Câu lạc bộ Địa chỉ:	
Tên sân tập của Câu lạc bộ: Địa chỉ:	
Biểu trưng, logo của câu lạc bộ: (Đăng tải ảnh biểu trưng, logo của câu lạc bộ)	
Bộ môn thi đấu: (Đánh dấu X vào ô CLB chọn)	Bóng đá 11 người ☐
	Futsal ☐
	Bóng đá bãi biển ☐

2. CAM KẾT & XÁC NHẬN

Câu lạc bộ cam kết rằng thông tin kê khai trên là trung thực và chính xác. Câu lạc bộ cam kết thông báo bằng văn bản cho LĐBĐVN khi có bất kỳ thay đổi nào liên quan đến thông tin đã kê khai trong vòng 07 ngày kể từ ngày có sự thay đổi.

Bằng việc ký tên vào biểu mẫu này, Câu lạc bộ cam kết tuân thủ các quy định, quy chế, quy định xử lý kỷ luật, quy tắc ứng xử và các văn bản hiện hành do FIFA, AFC và LĐBĐVN ban hành.

Tôi, với tư cách là người đại diện hợp pháp của Câu lạc bộ, xác nhận đã đọc, hiểu và đồng ý với các quy định nêu trên.

....., ngày tháng năm

Đại diện Câu lạc bộ
(Ký tên, đóng dấu)

CLB Bóng đá.....

PHIẾU THAY ĐỔI THÔNG TIN ĐĂNG KÝ CÂU LẠC BỘ

1. THÔNG TIN CHUNG CỦA CÂU LẠC BỘ

Tên Câu lạc bộ: (Tên đăng ký tham dự giải của Câu lạc bộ)	
Tên đăng ký của Câu lạc bộ: (Tên trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định thành lập của Câu lạc bộ)	
Mã số thuế:	
Người đại diện theo pháp luật:	
Địa chỉ liên lạc chính thức:	
Thư điện tử (email) của Câu lạc bộ:	
Số điện thoại liên hệ của Câu lạc bộ:	
Thông tin Người liên hệ chính của Câu lạc bộ (Họ tên, số điện thoại, email, vị trí ...)	

2. ĐỀ XUẤT THAY ĐỔI THÔNG TIN CÂU LẠC BỘ

1. Đề xuất thay đổi thông tin Câu lạc bộ: (Đánh dấu X vào mục đề xuất thay đổi, trong trường hợp thay đổi nhiều mục thì chọn X vào các mục thay đổi)	Thay đổi tên gọi	☐
	Thay đổi biểu trưng, logo	☐
	Thay đổi hình thức pháp lý của CLB	☐

2. Nội dung chi tiết đề xuất thay đổi*(Ghi nội cụ thể dung thay đổi)*

Nội dung	Hiện tại	Đề xuất thay đổi
<i>(Ví dụ: Tên Đăng ký CLB, Tên CLB tiếng Việt, tiếng Anh, Tên viết tắt, Logo, Hình thức pháp lý của CLB, nội dung khác nếu có ...)</i>		

Lý do thay đổi:

.....

.....

3. CAM KẾT & XÁC NHẬN CỦA CLB

- Tuân thủ các quy định, quy chế, quy định xử lý kỷ luật, quy tắc ứng xử và các văn bản hiện hành do FIFA, AFC và LĐBĐVN ban hành.

- Thông tin kê khai trên là trung thực và chính xác.

- Thông báo bằng văn bản đến LĐBĐVN trong vòng 07 ngày kể từ ngày có sự thay đổi liên quan đến thông tin đã kê khai.

- Bảo đảm tính hợp pháp của tên gọi, biểu trưng cũng như các thông tin của CLB; Thực hiện đầy đủ các thủ tục, quy trình đầy đủ để được phê duyệt tên gọi, biểu trưng, logo theo quy định.

Tôi, với tư cách là người đại diện hợp pháp của Câu lạc bộ, xác nhận đã đọc, hiểu và đồng ý với các quy định nêu trên.

....., ngày.....tháng.....năm

Đại diện Câu lạc bộ*(Ký, đóng dấu)*

CLB Bóng đá.....

PHIẾU ĐỀ NGHỊ HỦY ĐĂNG KÝ CẦU THỦ

THÔNG TIN VỀ CẦU THỦ

Họ và tên cầu thủ:	
Ngày tháng năm sinh:	
Hủy đăng ký cho Câu lạc bộ (ghi tên CLB):	
Mùa giải năm:	
Lý do hủy đăng ký:	

Xác nhận của cầu thủ
(Ký tên)

Xác nhận của Câu lạc bộ
(Ký tên, đóng dấu)

MỤC LỤC

GIẢI THÍCH TỪ NGỮ	2
Chương I QUY ĐỊNH CHUNG	6
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	6
Điều 2. Đối tượng điều chỉnh	6
Điều 3. Cơ quan quản lý, tổ chức, điều hành hoạt động bóng đá	7
Điều 4. Hệ thống giải bóng đá Chuyên nghiệp	8
Điều 5. Hệ thống giải bóng đá Bán Chuyên nghiệp và giải bóng đá Nghiệp dư	9
Điều 6. Các giải đấu, trận đấu quốc tế	10
Điều 7. Mùa giải bóng đá	10
Điều 8. Hành vi bị cấm trong hoạt động bóng đá	10
Điều 9. Nghĩa vụ tham gia Đội tuyển quốc gia	11
Chương II CẤU LẠC BỘ BÓNG ĐÁ	13
Điều 10. CLB bóng đá	13
Điều 11. Nhiệm vụ, quyền hạn của CLB bóng đá	13
Điều 12. Tên và biểu trưng của CLB	14
Điều 13. Cơ cấu tổ chức của CLB	16
Điều 14. Cơ sở vật chất của CLB	16
Điều 15. Tài chính của CLB	17
Điều 16. Quản lý, sử dụng lao động của CLB	17
Điều 17. Sở hữu CLB bóng đá	18
Điều 18. Thay đổi chủ sở hữu của CLB bóng đá chuyên nghiệp	18
Điều 19. Chuyển giao hoạt động bóng đá của CLB	18
Điều 20. Thông tin liên lạc của CLB	20
Chương III CẦU THỦ BÓNG ĐÁ	20
Mục 1. TƯ CÁCH CẦU THỦ	20
Điều 21. Tư cách cầu thủ	20
Điều 22. Chuyển đổi tư cách cầu thủ	21
Điều 23. Quyền lợi và trách nhiệm của cầu thủ	21
Mục 2. ĐĂNG KÝ CẦU THỦ	22
Điều 24. Đăng ký	22
Điều 25. Nguyên tắc đăng ký cầu thủ	22
Điều 26. Giai đoạn đăng ký	24

Điều 27. Trình tự, thủ tục và hồ sơ đăng ký cầu thủ	25
Mục 3. CÁC VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN HỢP ĐỒNG CẦU THỦ CHUYÊN NGHIỆP	27
Điều 28. Hợp đồng cầu thủ chuyên nghiệp	27
Điều 29. Các nguyên tắc khi ký kết và thực hiện hợp đồng cầu thủ chuyên nghiệp	28
Điều 30. Tôn trọng hợp đồng, chấm dứt hợp đồng	30
Điều 31. Chấm dứt hợp đồng cầu thủ chuyên nghiệp với lý do chính đáng	30
Điều 32. Hậu quả của việc chấm dứt hợp đồng cầu thủ chuyên nghiệp không có lý do chính đáng, trái với quy định của pháp luật	32
Điều 33. Nguyên tắc mượn cầu thủ chuyên nghiệp	33
Điều 34. Hợp đồng mượn cầu thủ chuyên nghiệp	34
Điều 35. Nguyên tắc chuyển nhượng cầu thủ	35
Điều 36. Hợp đồng chuyển nhượng cầu thủ	35
Điều 37. Giấy chứng nhận chuyển nhượng quốc tế - ITC	36
Điều 38. Cầu thủ thực hiện nghĩa vụ quân sự	36
Điều 39. Chấm dứt hoạt động thi đấu bóng đá của cầu thủ	37
Chương IV HLV BÓNG ĐÁ VÀ QUAN CHỨC CẦU LẠC BỘ	37
Điều 40. HLV bóng đá	37
Điều 41. Quyền lợi và trách nhiệm của HLV	38
Điều 42. Hợp đồng lao động của HLV	38
Điều 43. Chấm dứt hợp đồng lao động của HLV	39
Điều 44. Quan chức phụ trách trong CLB	40
Điều 45. Trình tự, thủ tục và hồ sơ đăng ký của HLV và quan chức CLB	41
Chương V ĐẠI DIỆN BÓNG ĐÁ	42
Điều 46. Quy định chung về đại diện bóng đá	42
Điều 47. Kỳ thi đại diện bóng đá	43
Chương VI BỒI HOÀN CHI PHÍ ĐÀO TẠO VÀ CHIA SẺ QUYỀN LỢI	43
Điều 48. Lý lịch điện tử của cầu thủ	43
Điều 49. Bồi hoàn chi phí đào tạo và chia sẻ quyền lợi trong chuyển nhượng quốc tế	44
Điều 50. Chi phí chia sẻ quyền lợi đối với chuyển nhượng trong nước	44
Điều 51. Thanh toán chi phí chia sẻ quyền lợi đối với chuyển nhượng trong nước	45
Chương VII TỔ CHỨC, QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH GIẢI ĐẤU	46

Mục 1. TỔ CHỨC, NHÂN SỰ THAM GIA ĐIỀU HÀNH GIẢI ĐẤU	46
Điều 52. Ban Tổ chức giải	46
Điều 53. Nhiệm vụ của Ban Tổ chức giải	46
Điều 54. Giám sát trận đấu	48
Điều 55. Trọng tài, trợ lý trọng tài và tổ trọng tài VAR	50
Điều 56. Giám sát trọng tài	50
Mục 2. ĐĂNG KÝ THAM DỰ GIẢI ĐẤU	51
Điều 57. Đăng ký tham dự giải bóng đá quốc gia	51
Điều 58. CLB lần đầu đăng ký tham dự giải bóng đá thuộc hệ thống thi đấu quốc gia của LĐBĐVN	52
Điều 59. Trách nhiệm của CLB/Đội bóng khi tham dự giải bóng đá quốc gia	53
Điều 60. Danh sách tham dự giải	55
Điều 61. Đăng ký trang phục	58
Điều 62. Đăng ký sân vận động	60
Mục 3. CÁC CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN KHÁC	60
Điều 63. Lịch thi đấu	60
Điều 64. Bóng thi đấu	61
Chương VIII TỔ CHỨC, ĐIỀU HÀNH TRẬN ĐẤU	61
Mục 1. QUY ĐỊNH CHUNG VỀ TỔ CHỨC, ĐIỀU HÀNH TRẬN ĐẤU	61
Điều 65. Ban Tổ chức trận đấu	61
Điều 66. Tiếp đón đội khách	64
Điều 67. Đăng ký trước trận đấu, sử dụng và thay thế cầu thủ trong trận đấu	65
Điều 68. Nghi thức và thủ tục tiến hành trận đấu.	67
Điều 69. Tạm dừng, tạm hoãn trận đấu	68
Điều 70. Tổ chức tiếp hoặc tổ chức lại trận đấu	69
Điều 71. CLB bỏ không tham dự giải đấu, bỏ giải đấu hoặc bỏ trận đấu	70
Mục 2. NHÂN SỰ PHỤC VỤ TRẬN ĐẤU	71
Điều 72. Điều phối viên trận đấu	71
Điều 73. Cán bộ truyền thông	71
Điều 74. Cán bộ an ninh	72
Điều 75. Cán bộ y tế	73
Điều 76. Nhân viên nhặt bóng và lau sân	73

Mục 3. CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ PHỤC VỤ TRẬN ĐẤU	73
Điều 77. Sân vận động	74
Điều 78. Sân thi đấu	78
Điều 79. Khu vực kỹ thuật	80
Mục 4. HOẠT ĐỘNG PHỤC VỤ TRẬN ĐẤU	81
Điều 80. Vé trận đấu	81
Điều 81. Cổ động viên	82
Điều 82. Hoạt động của phóng viên tại sân thi đấu	83
Điều 83. Hoạt động quảng cáo trong khu vực thi đấu	84
Điều 84. Quy định về an ninh, an toàn đối với Ban Tổ chức trận đấu	85
Điều 85. Quy định về công tác đảm bảo y tế của trận đấu	87
Chương IX QUYỀN SỞ HỮU VÀ CÁC QUYỀN LIÊN QUAN ĐỐI VỚI GIẢI BÓNG ĐÁ	88
Điều 86. Quyền sở hữu đối với các giải bóng đá	88
Điều 87. Tổ chức nắm giữ quyền của Liên đoàn Bóng đá Việt Nam	89
Điều 88. Tài trợ	89
Điều 89. Quảng cáo và thương hiệu của giải đấu	90
Điều 90. Quyền sở hữu trí tuệ	90
Điều 91. Nhãn hiệu giải đấu, tên giải đấu và trang thông tin điện tử (website)	91
Điều 92. Kinh doanh và nhượng quyền thương mại	92
Điều 93. Quyền truyền thông và tiếp thị	92
Điều 94. Quyền hình ảnh và truyền hình	93
Điều 95. Quyền đối với dữ liệu thi đấu	94
Điều 96. Quyền được bán vé	94
Điều 97. Quyền trình chiếu công cộng	95
Chương X KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP, KHIẾU NẠI	96
Điều 98. Khen thưởng	96
Điều 99. Kỷ luật	96
Điều 100. Giải quyết tranh chấp	97
Điều 101. Giải quyết khiếu nại	97
Chương XI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	98
Điều 102. Thời gian làm việc chính thức	98
Điều 103. Phương thức liên lạc và thông báo	98

Điều 104. Hiệu lực thi hành	98
Điều 105. Điều khoản chuyển tiếp	99
Điều 106. Tổ chức thực hiện	99
Phụ lục I CÁC HỆ THỐNG ĐIỆN TỬ	99
Điều 1. Quy định chung	99
Điều 2. Trách nhiệm của Liên đoàn Bóng đá Việt Nam	100
Điều 3. Nghĩa vụ của các bên khi sử dụng hệ thống điện tử	100
Điều 4. Nghĩa vụ của các CLB	101
Điều 5. Cán bộ phụ trách	101
Điều 6. Hệ thống đăng ký trực tuyến quốc gia (FIFA Connect)	102
Điều 7. Xử lý vi phạm trên hệ thống điện tử	103
Phụ lục II BẢO MẬT THÔNG TIN	103
Điều 1. Quy định chung	103
Điều 2. Nguyên tắc bảo mật thông tin	104
Điều 3. Nguyên tắc xử lý dữ liệu	104
Điều 4. Xử lý vi phạm bảo mật thông tin	104
Phụ lục III NỮ CẦU THỦ	105
Điều 1. Quy định chung	105
Điều 2. Hợp đồng lao động đối với nữ cầu thủ chuyên nghiệp	105
Điều 3. Những quy định riêng đối với nữ cầu thủ	105
Phụ lục IV TIÊU CHUẨN HLV	108
Điều 1. Quy định chung	108
Điều 2. Giải bóng đá Vô địch Quốc gia	108
Điều 3. Giải bóng đá Hạng Nhất Quốc gia	109
Điều 4. Giải bóng đá Hạng Nhì Quốc gia	109
Điều 5. Giải bóng đá Hạng Ba Quốc gia	110
Điều 6. Các giải bóng đá nữ quốc gia	110
Điều 7. Các giải bóng đá trẻ quốc gia	111
Điều 8. Các giải Futsal quốc gia	111
Điều 9. Giải bóng đá Bãi biển quốc gia	112
Điều 10. Các giải bóng đá khác	113
Phụ lục V CÁC BIỂU MẪU	114
Mẫu số 01/VFF-FORM về Phiếu đăng ký và cam kết của cầu thủ mùa giải.	

Mẫu số 02/VFF-FORM về Phiếu đăng ký và cam kết của quan chức, HLV mùa giải.

Mẫu số 03/VFF-FORM về Phiếu cam kết về tình trạng sức khỏe của cầu thủ tham dự giải đấu của LĐBĐVN.

Mẫu số 04/VFF-FORM về Phiếu đăng ký CLB tham dự giải đấu lần đầu của LĐBĐVN.

Mẫu số 05/VFF-FORM về Phiếu đề nghị thay đổi thông tin đăng ký CLB.

Mẫu số 06/VFF-FORM về Phiếu đề nghị hủy đăng ký cầu thủ. 